

Số: 2243 /NHNN-PC
V/v đề nghị thẩm định dự án Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của
Luật Các tổ chức tín dụng.

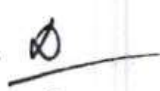
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi quý Bộ hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng để quý Bộ thẩm định theo quy định. Hồ sơ gồm các tài liệu:

1. Dự thảo tờ trình dự thảo Luật;
2. Dự thảo luật;
3. Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;
4. Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo;
5. Bản đánh giá thủ tục hành chính;
6. Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật;
7. Bản so sánh dự thảo Luật với quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa và thuyết minh quy phạm hóa chính sách;
8. Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của quý Bộ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của quý Bộ./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Lưu: VP, PC2. DTNHuyen

Đính kèm:

- Hồ sơ đề nghị thẩm định.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Quang Dũng



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: /TTr-NHNN

DỰ THẢO GỬI BỘ TƯ PHÁP ĐỀ
THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (Luật các TCTD) để luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD (Nghị quyết số 42/2017/QH14) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD để luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 trên các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, kịp thời xử lý các vướng mắc, khó khăn của người dân và doanh nghiệp thông qua việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn vốn, nâng cao mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng.

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

(i) Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xác định chủ trương lớn trong cơ cấu lại thị trường tài chính là “ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng... bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế”.

(ii) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định rõ định hướng đột phá chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 nêu: “Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu”; “Tiếp tục đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý an toàn nợ công; cơ cấu lại đầu tư công, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô”; “Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để sớm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là về thể chế, chính sách”.

(iii) Đồng thời, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trong đó lưu ý “những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật,...lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm;...”.

(iv) Bên cạnh đó, Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XIII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã kết luận mặc dù nguồn tài lực, trong đó bao gồm nguồn lực trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng có bước mở rộng và phát triển tích cực. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhìn chung còn hạn chế, chậm được cải thiện, chưa góp phần tạo bước đột phá trong tốc độ và chất lượng tăng trưởng, nguồn lực tài chính quy mô còn nhỏ, thiếu tính bền vững. Cùng với đó, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đòi hỏi phải phát huy cao độ và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đang có và các nguồn lực mới để tạo cơ sở thúc đẩy thúc đẩy tăng trưởng, phát triển, bứt phá, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030 của đại hội đảng các cấp, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu chiến lược kỷ niệm 100 năm thành lập Nước”.

Đồng thời, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện một số giải pháp vừa có tính cấp bách, vừa tạo nền tảng cho phát triển bền vững, lâu dài của đất nước như “tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững đất nước và thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ cả tháo gỡ các điểm nghẽn và kiến tạo phát triển, huy động cao nhất mọi nguồn lực cho phát triển.... rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật, pháp lệnh trong các lĩnh vực, trước mắt là các luật, pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 đã được điều chỉnh của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo hướng dứt khoát bỏ tư duy “không quản được thì cấm”...; “đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với nâng cao năng lực vốn, quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu”; “mở rộng các sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô, tín dụng khởi nghiệp”...

1.2. Cơ sở pháp lý

(i) Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 đã nêu rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ”.

(ii) Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đề ra nhiệm vụ “nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tài sản bảo đảm”.

(iii) Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 (Điều 4.1) quy định: “Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống; tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo...”.

(iv) Tại Nghị quyết số 63/2022/QH15, Quốc hội cũng đã giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng.

(v) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (khoản 3.5 Điều 3) quy định: “Triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025; tập trung xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém...”; đồng thời, Nghị quyết số 158/2024/QH15 cũng yêu cầu: “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản Nợ nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực”- điểm 3.1 Điều 3).

(vi) Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về Bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên (khoản 2.4 Điều 2) quy định: “Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thuế, tín dụng để hỗ trợ tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng, du lịch nội địa”...

2. Cơ sở thực tiễn và chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2.1. Cơ sở thực tiễn

Đến cuối tháng 7/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng (bao gồm cả nợ xấu của các ngân hàng mua lại bắt buộc và ngân hàng được kiểm soát đặc biệt) ở mức 4,75%, tăng so với mức 4,55% vào cuối năm 2023 và mức 2,03% cuối năm 2022. Theo thống kê, đến tháng 1/2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức 4,3%.

Như vậy, nợ xấu của hệ thống các TCTD vẫn tiếp tục tăng cao trong suốt thời gian qua, tập trung tại một số TCTD yếu kém đã được NHNN nhận diện và đặt vào kiểm soát đặc biệt hoặc giám sát tăng cường. Nguyên nhân nợ xấu gia tăng chủ yếu do (i) Kinh tế toàn cầu còn nhiều rủi ro và thách thức; kinh tế trong nước vẫn gặp nhiều khó khăn, chịu tác động của tình hình thế giới và diễn biến phức tạp của thiên tai; (ii) Thị trường chứng khoán, trái phiếu, thị trường bất động

sản phục hồi còn chậm; (iii) Thị trường mua bán nợ chưa phát triển như kỳ vọng; một số nội dung của Nghị quyết số 42/2017/QH14 chưa được luật hóa đã ảnh hưởng đến việc xử lý, thu hồi nợ của một số TCTD và tổ chức mua bán, xử lý nợ; (iv) Năng lực quản trị của một số TCTD còn bất cập so với quy mô, tốc độ tăng trưởng và mức độ rủi ro; công tác thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng chất lượng chưa cao; công tác kiểm tra, giám sát còn thiếu chặt chẽ.

Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng gia tăng đang là áp lực đối với lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt đặt trong bối cảnh hiện tại khi năm 2025 được xác định là năm tăng tốc, bứt phá để về đích cả nhiệm kỳ 2021-2025 và Chính phủ đã đề ra mục tiêu đạt mức tăng trưởng ít nhất 8%, tạo thế, tạo đà, tạo lực, tạo khí thế để đất nước ta tăng trưởng 2 con số trong những năm tiếp theo.

2.2. Chỉ đạo của Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Ngày 11/02/2025, tại cuộc họp Thường trực Chính phủ làm việc với các ngân hàng thương mại, Thủ tướng Chính phủ đã *đề nghị lấy đòn bẩy ngân hàng để phát huy, khai thác tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh, tạo động lực, xung lực mới trong phát triển đất nước*; đồng thời, đề ngành ngân hàng tăng tốc, bứt phá trong năm 2025 và thời gian tới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định vĩ mô và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã *đề ra các nhiệm vụ, giải pháp ngành ngân hàng và các ngân hàng thương mại cần tập trung thực hiện, trong đó bao gồm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan trong hệ thống chính trị trên tinh thần vì sự phát triển chung*.

Tại Thông báo số 61/TB-VPCP ngày 25/02/2025 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Hội nghị Thường trực Chính phủ làm việc với các ngân hàng thương mại để tăng tốc, bứt phá, thúc đẩy tăng trưởng kiểm soát lạm phát, Thường trực Chính phủ giao NHNN “khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, trong đó có việc luật hóa Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng theo đúng quy định pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn vốn, nâng cao mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng, báo cáo cấp có thẩm quyền trong tháng 02 năm 2025, để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9 (Tháng 5 năm 2025)”.

Tại Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 08/3/2025 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2025, Chính phủ giao NHNN chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương “khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, trong đó có việc luật hóa Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD theo đúng quy định pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn vốn, nâng cao mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD, báo cáo Chính phủ trong tháng 3 năm 2025, để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9”.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Mục đích ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Việc tiếp tục luật hóa các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, đảm bảo phù hợp với thực tiễn nhằm xử lý các vướng mắc, khó khăn đã và đang cản trở tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là TCTD), tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện các quyền hợp pháp của mình trong việc xử lý nợ xấu và TSBĐ của khoản nợ xấu, gián tiếp ảnh hưởng đến khả năng xoay vòng vốn cũng như tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, việc xây dựng chính sách phải đảm bảo cân bằng giữa quyền lợi hợp pháp của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ với các quyền hợp pháp của bên bảo đảm tài sản, tránh tạo ra sự bất đối xứng giữa bên cho vay và bên đi vay.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

- Thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với công tác xử lý nợ xấu. Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tiếp tục luật hóa các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã phát huy tốt hiệu quả khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, trong đó bao gồm: (i) luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ; (ii) luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án; (iii) luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật

chúng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBD là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Việc luật hóa các quy định này được thực hiện dưới hình thức Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

- 03 chính sách được luật hóa phải được xác định rõ ràng nội dung và đánh giá tác động cụ thể; đồng thời đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật.

- Đảm bảo sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các thỏa thuận, cam kết của Việt Nam; đảm bảo mục tiêu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh được áp dụng theo Điều 1 Luật các TCTD 2024. Theo đó, Luật các TCTD “quy định về ... việc xử lý nợ xấu, TSBD của khoản nợ xấu của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ”.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD được áp dụng theo Điều 2 Luật Các TCTD 2024.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ làm việc với các ngân hàng thương mại (ngày 21/9/2024 và ngày 11/02/2025) về việc giao NHNN khẩn trương xây dựng hồ sơ, trình Quốc hội để luật hóa Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, NHNN đã triển khai việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung), cụ thể như sau:

- NHNN đã có văn bản đề nghị Công ty Quản lý tài sản VAMC (Công văn số 7919/NHNN-PC ngày 30/9/2024) và đề nghị các Bộ (Bộ Công an, Bộ Tư pháp,

Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường) tham gia ý kiến đối với Tờ trình của NHNN trình Chính phủ về việc xử lý kiến nghị của các ngân hàng thương mại cổ phần trong việc xử lý nợ xấu và xử lý tài sản bảo đảm sau khi Nghị quyết 42/2017/QH14 hết hiệu lực (Công văn số 7976/NHNN-PC ngày 26/9/2024).

- Ngày 11/02/2025, NHNN đã có Công văn số 834/NHNN-PC đề nghị Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, VAMC và các ngân hàng thương mại báo cáo khó khăn vướng mắc liên quan đến việc xử lý tài sản bảo đảm, xử lý nợ xấu.

- Ngày 26/02/2025, NHNN đã có văn bản đề nghị đăng tải hồ sơ đề nghị xây dựng Luật trên Cổng thông tin điện tử của NHNN và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu tác động (Công văn số 1406/NHNN-PC) cũng như có văn bản đề nghị các Bộ, ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Công văn số 1379/NHNN-PC).

- Ngày 26/02/2025, NHNN đã có Công văn số 1380/NHNN-PC đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD để luật hóa một số nội dung của Nghị quyết 42/2017/QH14.

- Ngày 14/3/2025, Bộ Tư pháp đã tiến hành thẩm định chính sách của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và có Báo cáo thẩm định số 86/BCTĐ-BTP ngày 21/3/2025 gửi NHNN.

- Ngày 23/3/2025, NHNN đã có Tờ trình số 44/TTr-NHNN và Tờ trình số 45/TTr-NHNN trình Chính phủ hồ sơ chính sách của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD.

- Ngày 07/3/2025, NHNN có văn bản đề nghị đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của NHNN và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu tác động (Công văn số 1689/NHNN-PC) cũng như có văn bản đề nghị các Bộ, ngành, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan có ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Các TCTD (Công văn số 1688/NHNN-PC). Đến nay, NHNN đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

- Bộ Tư pháp đã tiến hành thẩm định dự án Luật và có Báo cáo thẩm định gửi NHNN.

Trên cơ sở đó, NHNN đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH

(Mục này sẽ bổ sung nếu có)

VI. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1. Bố cục

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng bao gồm 2 Điều:

- Điều 1: Bổ sung 3 Điều vào sau Điều 198 Luật các Tổ chức tín dụng gồm:

+ Điều 198a: Quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

+ Điều 198b: Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu.

+ Điều 198c: Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.

- Điều 2: Về điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

2.1. Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các Tổ chức tín dụng

Điều 198a quy định về quyền thu giữ TSBĐ của TCTD và tổ chức mua bán, xử lý nợ trong trường hợp xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu với các nội dung chính sau:

(i) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ. Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của

khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBD theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBD đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

(ii) Quy định về thu giữ TSBD không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBD theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBD *không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản*; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBD, TSBD được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an *cấp xã* nơi có TSBD; (c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ TSBD. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản và 10 ngày đối với động sản. *Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.*

(iii) Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

2.2. Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các Tổ chức tín dụng

Quy định theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

2.3. Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các Tổ chức tín dụng

Quy định sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

2.4. Về điều khoản thi hành:

Điều 2 dự thảo Luật quy định: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng...năm 2025. 2. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu quy định tại Luật này. 3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật này.”. Quy định về sự phối hợp giữa các cơ

quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tăng tính hiệu lực, hiệu quả của quy định pháp luật.

3. Những nội dung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và lược bỏ so với Nghị quyết số 42/2017/QH14

Nội dung tại dự thảo Luật bổ sung 03 điều vào Luật các TCTD hiện hành. Các nội dung đề xuất bổ sung cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14 đã phát huy tính hiệu quả khi được thực hiện thí điểm. Tuy nhiên, một số nội dung đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và lược bỏ để đảm bảo phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và các quy định của pháp luật hiện hành *(chi tiết tại Bản so sánh dự thảo Luật với quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa và thuyết minh dự kiến quy phạm hóa chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng kèm theo)*.

4. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD không làm phát sinh thủ tục hành chính.

5. Những nội dung phân cấp, phân quyền

Khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD quy định: “Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu quy định tại Luật này. 3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật này”.

6. Tính tương thích với các Điều ước quốc tế có liên quan

(i) NHNN đã thực hiện rà soát các nội dung quy định của dự thảo Luật so với các nội dung cam kết chung, cam kết cụ thể trong lĩnh vực ngân hàng tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Cam kết Việt Nam gia nhập WTO, cam kết tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, EVFTA,...¹. Kết quả rà soát cho thấy các nội dung tại dự thảo Luật không

¹ Các hiệp định NHNN rà soát bao gồm: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam, Hiệp định

trái với các nội dung cam kết về lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam tại các điều ước quốc tế.

(ii) Ngoài ra, về tính tương thích với các Điều ước quốc tế về khuyến khích bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên, các chính sách được đề xuất luật hóa có tính áp dụng chung cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, không phân biệt tổ chức trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài; đồng thời, việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBD của khoản nợ xấu cũng được thực hiện chung đối với tất cả bên đi vay, không có sự phân biệt đối xử giữa các bên đi vay.

Do vậy, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng đảm bảo tính tương thích và không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

(iii) Bên cạnh đó, NHNN đã rà soát Bộ luật Mẫu về Các Giao dịch Bảo đảm của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Secured Transactions – Luật Mẫu UNCITRAL) và tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới như (Hoa Kỳ, Canada, Úc, Pháp) để làm cơ sở đề xuất.

7. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau cần xin ý kiến Chính phủ và kiến nghị phương án giải quyết:

7.1. Về nội dung dự kiến bổ sung tại Điều 198a Luật các TCTD

7.1.1. Về vấn đề còn có ý kiến khác nhau

7.1.1.1. Ý kiến của Bộ Tư pháp

Đề nghị cơ quan chủ trì giải trình rõ về sự phù hợp với các quy định của Hiến pháp; trong đó, việc thu giữ tài sản bảo đảm vấn đề này phải được thực hiện theo trình tự, thủ tục chặt chẽ, hợp lý, công khai, minh bạch (như: làm rõ căn cứ xác định trụ sở UBND cấp xã nơi niêm yết văn bản thông báo là nơi cư trú của bên bảo đảm hay bên nhận bảo đảm hay nơi có tài sản?); thời hạn thông báo việc

thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (VCFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA); Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA); Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA).

thu giữ đối với tài sản bảo đảm khác ngoài bất động sản; hướng xử lý đối với trường hợp bên nhận bảo đảm đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin nhưng bên bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm không nhận được...), tránh làm ảnh hưởng đến quyền có nhà ở của người dân và quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo hiến định. Bên cạnh đó, cần có cơ chế phù hợp bảo vệ quyền lợi của bên yếu thế trong quan hệ tín dụng, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa bên đi vay và bên cho vay.

7.1.1.2. Ý kiến của NHNN

Về nguyên tắc, Điều 3 Bộ luật Dân sự quy định (i) mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản; (ii) cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng; (iv) cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực; (v) việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; (vi) cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

Bên cạnh đó, Điều 158 Bộ luật Dân sự quy định “quyền sở hữu” bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của luật. Trong đó, Điều 192 Bộ luật Dân sự quy định “quyền định đoạt là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản”.

Trong giao dịch dân sự cho vay giữa TCTD và khách hàng vay, để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng vay khi đến hạn, pháp luật dân sự (Bộ luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn) thiết lập cơ chế về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự. Theo đó, khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên bảo đảm nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ (khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự) thì bên nhận bảo đảm có quyền xử lý TSBĐ. Để thực hiện quyền hợp pháp đối với tài sản - xử lý TSBĐ để thanh toán giá trị

nghĩa vụ được bảo đảm - thì bên nhận bảo đảm phải được giao TSBĐ để xử lý. Việc giao TSBĐ để xử lý là nghĩa vụ của bên bảo đảm và bên đang giữ TSBĐ, được ghi nhận tại Điều 301, khoản 6 Điều 320, khoản 5 Điều 323, điểm c khoản 2 Điều 324 Bộ luật Dân sự.

Tuy nhiên, trên thực tế, một bộ phận không nhỏ khách hàng vay và bên thứ ba đang giữ TSBĐ không thực hiện nghĩa vụ giao TSBĐ cho bên nhận bảo đảm khi phát sinh sự kiện pháp lý cho phép bên nhận bảo đảm xử lý TSBĐ.

Như vậy, các quy định trên cho thấy rằng (i) thứ nhất, chủ sở hữu tài sản có quyền định đoạt tài sản trong đó có việc hạn chế một phần quyền của mình để sử dụng làm TSBĐ thực hiện nghĩa vụ dân sự hợp pháp; (ii) thứ hai, khi thỏa thuận/giao dịch dân sự hợp pháp thì các bên phải thực hiện một cách trung thực, thiện chí và phải được chủ thể khác tôn trọng – bao gồm cả nhà nước; (iii) thứ ba, khi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự, bên vi phạm phải tự chịu trách nhiệm, nhà nước không bảo hộ và không khuyến khích việc các bên tham gia giao dịch dân sự vi phạm các thỏa thuận, giao kết hợp pháp của mình.

Việc luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ như đề xuất tại chính sách không phải là thu giữ vô điều kiện, thu giữ đơn phương mà được thực hiện theo quy trình, thủ tục chặt chẽ, trong đó yêu cầu việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp (bao gồm quy định tại khoản 2 Điều 22) và Bộ luật Dân sự 2015. Ngoài ra, việc thu giữ chỉ được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện, bao gồm điều kiện về công khai thông tin nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin theo quy định tại Điều 25 Hiến pháp. Việc yêu cầu cần phải công khai thông tin, thông báo về việc thu giữ là điều kiện tiên quyết, đảm bảo minh bạch và là cơ sở để bên có nghĩa vụ được biết về việc thực hiện các nghĩa vụ mà mình đã cam kết. Như vậy, quyền lợi ích hợp pháp của khách hàng vay, bên bảo đảm luôn được bảo vệ.

Qua rà soát cam kết/điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, khoản 2 Điều 17 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 chỉ quy định “không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách độc đoán”. Việc bên bảo đảm đã đồng ý cho TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ TSBĐ và việc thực hiện thu giữ TSBĐ tuân thủ các quy trình, thủ tục chặt chẽ không thể được coi là hành vi mang tính “độc đoán”. Do vậy, không vi phạm quy định tại Tuyên ngôn nhân quyền cũng như Hiến pháp Việt Nam. Trên thực tế, trong suốt thời gian Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm (Điều 63) Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, Bộ Tư pháp và NHNN cũng không nhận được khiếu nại nào liên quan đến vi phạm quyền con người.

7.1.2. Về kiến nghị phương án giải quyết

7.1.2.1. Các phương án giải quyết

Phương án 1: Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng cho phép TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ.

Phương án 2: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

7.1.2.2. Kiến nghị phương án giải quyết và lý do kiến nghị

NHNN kiến nghị thực hiện Phương án 1 vì Phương án 1 này khắc phục được hạn chế, bất cập của thực tiễn, về cơ bản đạt được mục tiêu đề ra; có nhiều tác động tích cực. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, Phương án này phù hợp với Hiến pháp và Bộ Luật Dân sự, cụ thể:

+ Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

+ Khoản 2 Điều 32 Hiến pháp 2013 quy định: “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”.

+ Điều 51 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước”.

+ Khoản 1 Điều 2 Bộ luật dân sự 2015 quy định về việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự như sau: “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

+ Khoản 2, 3, 5 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. 3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực...5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự”.

+ Khoản 1 Điều 163 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản”.

Như vậy, Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

Trong quan hệ tín dụng giữa bên đi vay và bên cho vay thì khi bên đi vay có nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả được nợ, trong đó có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của

khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc thu giữ tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định trực tiếp về thu giữ nhưng đã ghi nhận một phần thông qua quy định cho phép các bên thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản bảo đảm tại Điều 303, Điều 301 quy định trường hợp luật liên quan có quy định khác đối với trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì quy định tại luật liên quan được áp dụng. Do đó, việc dự thảo Luật quy định về thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm để hoàn trả các nghĩa vụ nợ của khách hàng vay là đảm bảo tính thống nhất với quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015.

Bên cạnh đó, nội dung chính sách không liên quan tới việc cha mẹ thực hiện trách nhiệm đối với con cái theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”. Khi thực hiện giao dịch dân sự (vay và sử dụng tài sản làm TSBĐ), khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự quy định

“việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác. Như vậy, con chưa thành niên và con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không là chủ thể đưa ra các quyết định khi sử dụng, định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình để làm TSBĐ. Ngoài ra, Điều 218 Bộ luật Dân sự cũng quy định việc định đoạt tài sản là tài sản chung được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận. Do vậy, khi sử dụng tài sản làm TSBĐ cho các khoản vay, việc sử dụng tài sản chung phải đảm bảo có sự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Vì vậy, khi hợp đồng/thỏa thuận bảo đảm hợp pháp và có hiệu lực pháp lý sẽ phát sinh hệ quả pháp lý cho các bên. Quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái mà không phải là trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân giao dịch dân sự với cha mẹ.

Thứ hai, Phương án này không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước nhưng có thể gia tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ việc các bên có liên quan thực hiện nộp nghĩa vụ thuế do tăng thu, xử lý các khoản phải thu và TSBĐ. Trước đây, khi quy định về quyền thu giữ TSBĐ được ghi nhận tại Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14, thống kê cho thấy, tại thời điểm 15/8/2017 (Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực), dư nợ xác định theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 là 5.812,9 nghìn tỷ đồng. Tính đến cuối tháng 9/2023, dư nợ xác định theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 còn 657,8 nghìn tỷ đồng. Như vậy, qua 05 năm triển khai và hơn 01 năm kéo dài thời hạn áp dụng, về cơ bản đa số những giải pháp, chính sách tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã được triển khai hiệu quả trên thực tiễn. Do đó, tính đến thời điểm tháng 11/2023, dư nợ xác định theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 giảm gần 90% so với dư nợ tại thời điểm bắt đầu thực hiện Nghị quyết (15/8/2017).

Đồng thời, quyền lợi của ngân hàng được đảm bảo sẽ khuyến khích ngân hàng có thêm động lực để cho vay, hạ lãi suất cho vay do giảm chi phí khi phải xử lý nợ, xử lý TSBĐ; từ đó, doanh nghiệp và người dân có điều kiện tiếp cận,

huy động vốn với lãi suất hợp lý nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, khi người dân và doanh nghiệp được tăng cường khả năng tiếp cận tín dụng sẽ góp phần xóa bỏ “tín dụng đen”, từ đó góp phần giữ an ninh, trật tự xã hội, củng cố sự ổn định của hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, khi bên vay (người dân và doanh nghiệp) ý thức được hệ quả pháp lý của việc không chủ động thanh toán các khoản nợ đúng hạn, bên vay sẽ có xu hướng đánh giá kỹ càng, sử dụng vốn vay an toàn và hiệu quả hơn, từ đó nâng cao nhận thức, năng lực tài chính của người dân, doanh nghiệp.

Trường hợp luật hóa quy định về thu giữ TSBĐ thì TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ có thêm lựa chọn mà không nhất thiết phải sử dụng đến việc giải quyết tranh chấp thông qua con đường tố tụng, từ đó gìn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa bên vay và bên đi vay, đồng thời, giảm gánh nặng, áp lực cho hệ thống các cơ quan tư pháp, nhất là trong bối cảnh hiện nay, hệ thống tòa án, viện kiểm sát ở địa phương đang được nghiên cứu để sắp xếp theo hướng tinh gọn tổ chức bộ máy.

Thứ ba, Phương án 1 không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

Thứ tư, Phương án 1 không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân cho các thủ tục hành chính.

Ngoài ra, qua nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, NHNN nhận thấy nhiều quốc gia cũng có cách tiếp cận tương tự như đề xuất của NHNN. Cụ thể:

Điều 77 Bộ luật Mẫu về Các Giao dịch Bảo đảm của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Secured Transactions – Luật Mẫu UNCITRAL) quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ TSBĐ (encumbered asset), cụ thể như sau :

Quyền chiếm hữu TSBĐ: Chủ nợ có bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm nghĩa vụ, với điều kiện không ảnh hưởng đến quyền của những người có quyền chiếm hữu cao hơn, bao gồm người thuê hoặc người được cấp phép. Việc thu giữ có thể được thực hiện bằng cách nộp đơn lên tòa án hoặc cơ

quan có thẩm quyền (do quốc gia ban hành luật quy định); hoặc không cần nộp đơn lên các cơ quan này. Tuy nhiên, chủ nợ chỉ có thể thực hiện thu giữ phi tư pháp (thu giữ không qua Tòa án hoặc một cơ quan tương đương có thẩm quyền theo từng quốc gia) khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

(a) Bên nợ đã đồng ý bằng văn bản cho phép chủ nợ thu giữ tài sản mà không cần sự phê chuẩn của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

(b) Chủ nợ có bảo đảm đã gửi thông báo cho bên nợ và bất kỳ bên nào đang chiếm hữu tài sản về việc bên nợ vi phạm nghĩa vụ và ý định thu giữ tài sản. Tuy nhiên, chủ nợ có bảo đảm không bắt buộc phải gửi thông báo nếu TSBĐ có tính chất dễ hư hỏng hoặc có khả năng mất giá nhanh chóng (miễn trừ nghĩa vụ thông báo).

(c) Khi chủ nợ có bảo đảm thực hiện việc thu giữ, bên đang giữ tài sản không được phản đối.

Giới hạn đối với chủ nợ có thứ hạng thấp hơn: Nếu một chủ nợ có bảo đảm cấp cao hơn đang giữ TSBĐ, chủ nợ có thứ hạng thấp hơn không có quyền thu giữ tài sản đó.

Có thể nói, Điều 77 của Luật Mẫu UNCITRAL cung cấp một khuôn khổ linh hoạt để thực hiện thu giữ TSBĐ, giúp chủ nợ nhanh chóng thu hồi tài sản trong trường hợp bên nợ vi phạm nghĩa vụ, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, tránh lạm dụng quyền lực và đảm bảo tính công bằng trong xử lý tài sản.

Các nội dung này có thể tìm thấy ở Điều khoản 9-609 Bộ luật Thương mại Thống nhất (Uniform Commercial Code - UCC) của Hoa Kỳ về quyền của chủ nợ trong việc thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm hợp đồng hay Mục 123 của Đạo luật Bảo đảm Tài sản Cá nhân (Personal Property Securities Act 2009 - PPSA) của Úc quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ tài sản thế chấp khi bên nợ vi phạm hợp đồng.

7.2. Về nội dung dự kiến bổ sung tại Điều 198b Luật các TCTD

7.2.1. Về vấn đề còn có ý kiến khác nhau

7.2.1.1. Ý kiến của Bộ Tư pháp

Theo quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013: “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”. Đề nghị cơ quan chủ trì làm rõ, đảm bảo tính hợp hiến.

7.2.1.2. Ý kiến của NHNN

(i) Chính sách NHNN đề xuất không đi ngược lại Điều 106 Hiến pháp do không tác động đến tính hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự, trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm.

Như vậy, sau khi xử lý TSBD và trừ đi các chi phí và giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

(ii) Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 47 của Luật này. Trong đó, khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) đề cập đến 2 trường hợp (a) một là, bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án; (b) hai là, bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

Trong khi đó, đề xuất của NHNN chỉ hướng đến trường hợp bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án. Cụ thể là “bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBD của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ”.

Về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBD. Do vậy, việc cho

phép kê biên TSBĐ để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó, làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm, không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ.

Trong bối cảnh hiện nay, tại Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XIII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Bộ Chính trị đã kết luận “đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đòi hỏi phải phát huy cao độ và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đang có và các nguồn lực mới để tạo cơ sở thúc đẩy tăng trưởng, phát triển, bứt phá, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030 của đại hội đảng các cấp, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu chiến lược kỷ niệm 100 năm thành lập Nước”. Đồng thời, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện một số giải pháp vừa có tính cấp bách, vừa tạo nền tảng cho phát triển bền vững, lâu dài của đất nước như “tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững đất nước và thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ cả tháo gỡ các điểm nghẽn và kiến tạo phát triển, huy động cao nhất mọi nguồn lực cho phát triển... rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật, pháp lệnh trong các lĩnh vực, trước mắt là các luật, pháp lệnh theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 đã được điều chỉnh của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo hướng dứt khoát bỏ tư duy “không quản được thì cấm”...; “đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với nâng cao năng lực vốn, quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu”; “mở rộng các sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vì môi trường, tín dụng khởi nghiệp”. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 cũng yêu cầu “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định

kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực” (điểm 3.1 Điều 3).

Do vậy, quy định như tại đề xuất Chính sách 2 của NHNN là biện pháp để tháo gỡ điểm nghẽn về mặt thể chế, góp phần huy động cao nhất mọi nguồn lực – trong đó ngân hàng là một trong những nguồn lực có khả năng và cần được sử dụng để phát huy, khai thác tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh, tạo động lực, xung lực mới trong phát triển đất nước.

(iii) Tuy nhiên, xét thấy rằng một số nghĩa vụ vẫn cần được ưu tiên thực hiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân – là bên thụ hưởng của các quyết định/bản án có hiệu lực – NHNN đề xuất một số ngoại lệ khi cho thực hiện việc kê biên TSBĐ đối với trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ - sự tự nguyện của bên có quyền bảo đảm được bảo hộ. Việc quy định các ngoại lệ này nhằm mục đích cân bằng giữa quyền lợi của bên nhận cầm cố, thế chấp và người được thi hành án.

7.2.2. Về kiến nghị phương án giải quyết

7.2.2.1. Các phương án giải quyết:

Phương án 1: Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Phương án 2: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

7.2.2.2. Kiến nghị phương án giải quyết và lý do kiến nghị

NHNN kiến nghị thực hiện Phương án 1 vì Phương án này khắc phục được hạn chế, bất cập của thực tiễn, về cơ bản đạt được mục tiêu đề ra; có nhiều tác động tích cực. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, giải pháp không có tác động tiêu cực đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam.

(i) Phương án 1 không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của công dân theo Hiến pháp.

(ii) Chính sách NHNN đề xuất cũng không đi ngược lại Điều 106 Hiến pháp do không tác động đến tính hiệu lực của bản án, quyết định.

(iii) Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) dẫn chiếu đến khoản 3 Điều 47 của Luật này. Trong đó, khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) đề cập đến 2 trường hợp (a) một là, bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án; (b) hai là, bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

Trong khi đó, đề xuất của NHNN chỉ hướng đến trường hợp bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

(iv) Tuy nhiên, xét thấy rằng một số nghĩa vụ vẫn cần được ưu tiên thực hiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân – là bên thụ hưởng của các quyết định/bản án có hiệu lực – NHNN đề xuất một số ngoại lệ khi cho thực hiện việc kê biên TSBĐ đối với trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ - sự tự nguyện của bên có quyền bảo đảm được bảo hộ. Việc quy định các ngoại lệ này nhằm mục đích cân bằng giữa quyền lợi của bên nhận cầm cố, thế chấp và người được thi hành án.

Thứ hai, giải pháp không làm phát sinh chi phí cho hoạt động quản lý nhà nước nhưng có thể gia tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước từ việc các bên có liên quan thực hiện nộp nghĩa vụ thuế do tăng thu, xử lý các khoản phải thu và TSBĐ. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự, trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp lớn hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Như vậy, sau khi xử lý

TSBĐ và trừ đi các chi phí và giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Đồng thời, giải pháp này sẽ giúp khắc phục được vướng mắc, bất cập mà các ngân hàng đang gặp phải trên thực tế, từ đó, thúc đẩy ngân hàng gia tăng, mở rộng hoạt động cấp tín dụng, giảm chi phí, hạ mặt bằng lãi suất, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý hơn, từ đó, góp phần phát triển kinh tế của mọi thành phần và tổng thể của cả quốc gia, tạo những chuyển biến tích cực về chất và lượng của nền kinh tế.

Thứ ba, giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

Thứ tư, giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp, cá nhân.

Ngoài ra, qua nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, NHNN nhận thấy nhiều quốc gia cũng có cách tiếp cận tương tự như đề xuất của NHNN, cụ thể:

Điều 37 Luật Mẫu UNCITRAL về quyền của chủ nợ có bảo đảm so với quyền của bên thắng kiện trong một vụ án (Security rights competing with rights of judgment creditors) - quy định rằng bên chiến thắng trong một vụ án dân sự (trên cơ sở phán quyết của tòa án) được ưu tiên so với chủ nợ có bảo đảm nếu trước khi quyền của chủ nợ có bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba, bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó đã thực hiện các bước theo quy định của pháp luật để bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó có quyền đối với tài sản có liên quan. Tuy nhiên, nếu quyền của chủ nợ có bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba trước hoặc cùng với thời điểm bên chiến thắng trong vụ án dân sự thực hiện các bước theo quy định của pháp luật thì chủ nợ có bảo đảm có quyền ưu tiên so với bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó.

Quy định này cũng có thể tìm thấy ở Điều 20(1)(a)(ii) Đạo luật về bảo vệ tài sản cá nhân (Personal Property Security Act) của Canada, theo đó, Điều 20(1)(a)(ii) PPSA quy định: “cho đến khi được coi là hoàn thiện, quyền bảo đảm đối với tài sản không được ưu tiên so với quyền lợi của người mà TSBĐ bị tịch

biên để thi hành án (garnishment)”. Trong đó, việc hoàn thiện một giao dịch bảo đảm được thực hiện thông qua việc nắm giữ TSBĐ hoặc đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy, trong phán quyết của mình, Thẩm phán đã tuyên rằng: “Mục đích của Điều 20(1)(a)(ii) Đạo luật về bảo vệ tài sản cá nhân là một khi giao dịch bảo đảm được hoàn thiện, quyền lợi của bên cho vay sẽ được ưu tiên so với các yêu cầu sau đó để thi hành án”.

7.3. Về nội dung dự kiến bổ sung tại Điều 198c Luật các TCTD

7.3.1. Về vấn đề còn có ý kiến khác nhau

7.3.1.1. Ý kiến của Bộ Tư pháp

Cơ quan chủ trì đề xuất kế thừa quy định hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự tại Nghị quyết số 42/2017/NQ14 và bổ sung quy định hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Mục tiêu của chính sách này dẫn đến hệ quả pháp lý khác biệt so với quy định pháp luật hiện hành, do đó, đề nghị cơ quan chủ trì đánh giá toàn diện tác động, rà soát kỹ hệ quả pháp lý của các quy định này trong công tác xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm cũng như bảo đảm, bảo vệ và tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các bên liên quan.

7.3.1.2. Ý kiến của NHNN

Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự mới chỉ quy định việc trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; hoặc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính mới chỉ quy định: “đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp

luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương đương với nghĩa vụ được bảo đảm..." mà chưa quy định cụ thể trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không áp dụng hình thức tịch thu đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính thì hoàn trả tang vật, phương tiện là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm, dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền hoàn trả tài sản cho chủ tài sản là bên bảo đảm, khiến bên nhận bảo đảm (TCTD) có thể không còn TSBĐ, gây thiệt hại cho TCTD.

Về bản chất, BLDS đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ (khoản 5 Điều 323) cũng như quy định trách nhiệm của bên thế chấp trong việc giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý (khoản 6 Điều 320).

Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp bên thứ 3, bên bảo đảm không giao TSBĐ cho bên nhận thế chấp, điều này cũng có thể xảy ra sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Do vậy, đề xuất của NHNN là góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, quy định những nội dung chưa được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự và Luật xử lý vi phạm hành chính mà không tạo ra xung đột với các văn bản này.

7.3.2. Về kiến nghị phương án giải quyết

7.3.2.1. Các phương án giải quyết:

Phương án 1: Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Phương án 2: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

7.3.2.2. Kiến nghị phương án giải quyết và lý do kiến nghị

NHNN kiến nghị thực hiện Phương án 1 vì Phương án này khắc phục được hạn chế, bất cập của thực tiễn, về cơ bản đạt được mục tiêu đề ra; có nhiều tác động tích cực. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, giúp tạo lập khuôn khổ pháp lý để khắc phục những thiếu sót hiện hành nhưng vẫn đảm bảo không tạo ra những xung đột lớn do Giải pháp 1 chỉ bổ sung những vấn đề chưa được quy định rõ, cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Thứ hai, Phương án 1 cũng giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của ngân hàng và tạo động lực để ngân hàng cho vay nhiều hơn với chi phí hợp lý hơn, từ đó, người dân và doanh nghiệp có điều kiện để phát triển sản xuất, kinh doanh và cải thiện chất lượng cuộc sống, tạo ra sự phát triển bền vững của mọi thành phần kinh tế.

Thứ ba, Phương án 1 không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

Thứ tư, Phương án 1 không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nên không ảnh hưởng đến chi phí của doanh nghiệp.

Ngoài ra, qua nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, NHNN nhận thấy có quốc gia cũng có cách tiếp cận tương tự như kiến nghị của NHNN. Điều 706-146 Bộ luật tố tụng hình sự Pháp quy định: “Nếu không cần duy trì việc tịch thu tài sản theo thủ tục hình sự (saisie penale), một chủ nợ - có quyền xử lý khi khoản nợ thanh khoản và đến hạn phải trả - có thể được phép, theo các điều kiện quy định tại Điều 706-144, để khởi xướng hoặc tiếp tục các thủ tục cưỡng chế dân sự đối với tài sản...”.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Để đảm bảo tiến độ, các cơ quan, tổ chức cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành, trong đó bao gồm việc bố trí kinh phí và

nguồn lực để xây dựng, tổ chức triển khai Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD theo quy định của pháp luật. Các chính sách được đề xuất về cơ bản (i) thứ nhất không làm phát sinh/huy động thêm nguồn lực công chức nhà nước để thực hiện do việc thu giữ TSBD do TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện; (ii) thứ hai, khi tham gia đảm bảo an ninh, trật tự của chính quyền địa phương cũng như cơ quan công an thì nhân sự tham gia chứng kiến việc thu giữ cũng là lực lượng chịu trách nhiệm giữ trật tự an toàn trên địa bàn; do đó, không phát sinh các vị trí việc làm đặc thù để buộc phải bổ sung nhân lực của cơ quan nhà nước.

VIII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

NHNN xin ý kiến Chính phủ về việc lựa chọn các Phương án 1 để giải quyết 03 vấn đề còn có ý kiến khác nhau được nêu tại mục VII Tờ trình này.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng. NHNN xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; (iii) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo; (iv) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (v) Báo cáo lồng ghép bình đẳng giới; (vi) Bản so sánh dự thảo Luật với quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa và thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (vii) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan).

**KT. THÔNG ĐỘC
PHÓ THÔNG ĐỘC**

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ | (để ph/hợp);
- Bộ Tư pháp
- BLĐ NHNN;
- Lưu: VP, PC.DTNHuyen.

Đính kèm:

- Dự thảo Luật;
- Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật;
- Báo cáo rà soát;
- Bản đánh giá thủ tục hành chính;
- Báo cáo lồng ghép bình đẳng giới;
- Bản so sánh dự thảo Luật với quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa và thuyết minh quy phạm hóa chính sách;
- Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Phạm Quang Dũng

Luật số: /2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 3

LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

Bổ sung Điều 198a, Điều 198b, Điều 198c vào sau Điều 198 như sau:

“Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm

1. Bên bảo đảm, bên **đang** giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo ~~đầy đủ~~ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác ~~có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu~~ và quy định của pháp luật.

Trường hợp bên bảo đảm, bên **đang** giữ tài sản **bảo đảm** không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu ~~của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu~~ khi đáp ứng ~~đầy đủ~~ các điều kiện sau đây:

a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;

b) Hợp đồng bảo đảm ~~hoặc trong~~ văn bản khác (sau đây gọi là **hợp đồng bảo đảm**) có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật; (~~sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm~~);

c) **Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;**

d) Tài sản bảo đảm ~~là tài sản không trong trường hợp phát sinh tranh chấp và đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;~~

đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành **thực hiện** nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.

3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. **Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức** ~~theo quy định~~ sau đây:

- a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;
- b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an **cấp xã** nơi có tài sản bảo đảm;
- c) ~~Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;~~
- d) ~~c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người bên đang giữ tài sản bảo đảm.~~

Phương thức thông báo được thực hiện **theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo** cho bên bảo đảm, ~~bên đang giữ tài sản bảo đảm bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.~~

Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa

chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. **Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản**, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về ~~việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm (nếu có), tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức sau đây:~~

- a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;
- b) **Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã** nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm ~~trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm;~~
- ~~b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.~~
- c) Thông báo cho bên bảo đảm và ~~bên cùng nhận bảo đảm~~, người ~~bên đang giữ tài sản bảo đảm.~~

Phương thức thông báo được thực hiện **theo thỏa thuận**. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm ~~bên thứ ba có liên quan~~ bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, ~~phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.~~

Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

5. ~~Chính quyền địa phương các cấp Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã~~ nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn



xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.

6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ.

Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

~~7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Luật này.~~

Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu

Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự *của pháp luật về thi hành án dân sự*, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe **hoặc** trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vụ việc vi phạm hành chính

1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng ~~có trách nhiệm~~ hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ ~~ơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm~~ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ ~~khi có yêu cầu của các chủ thể này~~. nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu quy định tại Luật này.

3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2025. 

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

BÁO CÁO

Tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng và Chương XII Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Trong thời gian qua, công tác xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là TCTD) luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự vào cuộc mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội, cùng sự quan tâm của đông đảo cử tri cả nước. Đặc biệt, với việc Quốc hội thể chế hóa các chính sách nhằm hỗ trợ việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu thông qua việc ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD (Nghị quyết số 42/2017/QH14) cũng như việc luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, các vướng mắc, khó khăn trong công tác xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đã từng bước được khắc phục, mang lại nhiều kết quả tích cực cho ngành ngân hàng nói riêng và cho nền kinh tế nói chung.

Thực hiện Điều 19 Nghị quyết số 42/2017/QH14 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 882/TB-TTKQH ngày 06/4/2022¹, Thông báo số 906/TB-TTKQH ngày 21/4/2022², Nghị quyết số 19/2022/UBTVQH ngày 18/4/2022³, Chính phủ đã có Báo cáo số 174/BC-CP ngày 11/5/2022 báo cáo Quốc hội tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14. Tiếp đó, thực hiện Nghị quyết số 63/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm (TSBĐ) của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 47/2010/QH12 và Luật số 17/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD số 47/2010/QH12.

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (Luật các TCTD) đã luật hóa

¹ Kết luận của UBTVQH về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và dự thảo Nghị quyết kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14

² Kết luận của UBTVQH về dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

³ Nghị quyết của UBTVQH về việc điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022

một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 như xử lý TSBĐ là dự án bất động sản; phân bổ lãi dự thu, chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Luật các TCTD không luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ (trừ quy định về việc chuyển tiếp tại khoản 6 Điều 210 Luật các TCTD); cũng như quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án và quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự.

Việc không luật hóa các quy định về thu giữ TSBĐ, kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án, hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự đã dẫn đến hệ quả là khi hết hiệu lực thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 (đến hết ngày 31/12/2023), các quy định liên quan đến (i) quyền thu giữ TSBĐ; (ii) kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án; và (iii) hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 không còn được áp dụng.

Các vướng mắc, khó khăn của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ liên quan đến các nội dung trên - đã được ghi nhận trước khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 được ban hành - sẽ tiếp tục là nhân tố gây ra hạn chế trong công tác xử lý nợ xấu và xử lý TSBĐ gắn liền với khoản nợ xấu; làm kéo dài quá trình xử lý nợ xấu, ảnh hưởng đến việc cơ cấu lại hệ thống các TCTD, nhất là các TCTD yếu kém. Đặc biệt, khi không có công cụ hữu hiệu để xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ gắn liền với khoản nợ xấu, trong thời gian tới, việc xử lý nợ xấu nói chung và xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu nói riêng bị chậm trễ, từ đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính của các TCTD cũng như có thể hạn chế khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng là doanh nghiệp và người dân. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (Luật BHVBQPPL), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tổng kết việc thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các TCTD như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN

1. Công tác tổ chức thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

Nghị quyết số 42/2017/QH14 được ban hành trong bối cảnh hoạt động của hệ thống TCTD còn nhiều khó khăn, thanh khoản căng thẳng, nợ xấu – “cục máu đông” của hệ thống các TCTD tích tụ rất lớn, một bộ phận không nhỏ các TCTD trong trạng thái thiếu hụt nghiêm trọng khả năng chi trả, tiềm ẩn rủi ro gây đổ vỡ hệ thống, tác động đến toàn bộ đời sống, kinh tế, xã hội và hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp. Quá trình xử lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu liên quan đến khâu xử lý TSBĐ. Nguyên nhân của vướng mắc

này đến từ nhiều yếu tố như: (i) Nhiều khách hàng chây ỳ trả nợ, không hợp tác trong việc xử lý TSBĐ, ảnh hưởng đến việc hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý khi xử lý TSBĐ; (ii) Quy trình, thủ tục tổ tụng và thi hành án kéo dài gây tổn kém về mặt chi phí, giá trị TSBĐ bị giảm sút, đặc biệt là các TSBĐ là dây chuyền máy móc thiết bị, dẫn đến việc xử lý TSBĐ không đủ thanh toán cho các nghĩa vụ nợ phát sinh của khách hàng; (iii) Nhiều tài sản thế chấp vướng mắc về điều kiện giao dịch, việc xác định giá trị tài sản chưa phù hợp với thực tế và thị trường nên việc xử lý bán tài sản khó khăn, TSBĐ của bên thứ 3 khó xử lý; (iv) Thiếu cơ chế ưu đãi, thu hút nhà đầu tư có năng lực mua lại các công trình dự án bất động sản lớn đang triển khai dở dang (như việc tạo cơ chế thông thoáng, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến bán, chuyển nhượng các TSBĐ là các bất động sản, dự án đang đầu tư dở dang..).

Bên cạnh đó, các vướng mắc về mặt pháp lý là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến hiệu quả của công tác xử lý nợ xấu chưa cao. Theo đó, quy định của pháp luật đối với việc xử lý TSBĐ để thu hồi nợ còn nhiều bất cập làm hạn chế tiến độ, hiệu quả của việc xử lý nợ xấu trong ngành ngân hàng; TCTD và VAMC không được chủ động toàn quyền xử lý TSBĐ khi khách hàng vay không trả được nợ. Tại các TCTD yếu kém, nợ xấu chiếm tỷ lệ cao trong trong khi hầu hết TSBĐ của các khoản nợ xấu có liên quan đến các vụ án trọng điểm đang trong quá trình điều tra, tố tụng, nên quá trình xử lý nợ xấu bị kéo dài. Cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho xử lý nợ xấu còn thiếu, chưa đồng bộ, thiếu nguồn lực và cơ chế đặc thù cho VAMC hoạt động.

Do vậy, khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 – với nhiều cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu – được ban hành, NHNN và các cơ quan có thẩm quyền đã tích cực, khẩn trương, chủ động tổ chức, triển khai để các quy định này sớm đi vào đời sống, sớm phát sinh hiệu quả tích cực đối với nền kinh tế.

Tương tự, khi Luật các TCTD được ban hành, việc luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại Luật các TCTD đã tạo cơ sở pháp lý ổn định, lâu dài để các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện hoạt động kinh doanh một cách an toàn, hiệu quả.

1.1. Công tác hoàn thiện thể chế

Công tác hoàn thiện thể chế để triển khai, thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 cũng như Chương XII Luật các TCTD đã được NHNN và các cơ quan có thẩm quyền kịp thời thực hiện.

1.1.1. NHNN đã ban hành các văn bản, chỉ thị hướng dẫn các TCTD, công

ty Quản lý tài sản của các TCTD (VAMC) triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 cũng như Luật các TCTD.

NHNN đã ban hành các văn bản, chỉ thị hướng dẫn các TCTD, VAMC triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, trong đó bao gồm: (i) Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/07/2017 về việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” (Quyết định số 1058); (ii) Chỉ thị 05/CT-NHNN ngày 17/9/2018 về việc tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu; (iii) Các Chỉ thị 01/CT-NHNN hằng năm để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm qua từng năm, gồm việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14.

Đồng thời, NHNN đã kịp thời có các văn bản chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc của các TCTD, tổ chức khác trong quá trình triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 như (i) Công văn số 7739/NHNN-PC ngày 27/9/2017 gửi NHTMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) về việc thực hiện quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14; (ii) Công văn số 8513/NHNN-PC ngày 19/10/2017 gửi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14; (iii) Công văn số 9493/NHNN-PC ngày 21/11/2017 gửi NHTMCP Đông Á về việc cơ quan thi hành án đề nghị trích thu thuế từ tiền bán đấu giá TSBĐ của khoản nợ xấu; (iv) Công văn số 1152/NHNN-PC ngày 26/02/2018 gửi NHNN chi nhánh tỉnh Long An về xử lý khó khăn, vướng mắc về thu thuế theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; (v) Công văn số 4528/NHNN-PC ngày 18/6/2018 gửi Agribank về xử lý khó khăn, vướng mắc về xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; (vi) Công văn số 5150/NHNN-PC ngày 09/7/2018 gửi NHNN chi nhánh tỉnh Bến Tre về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14.

1.1.2. Bên cạnh đó, NHNN đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định hoạt động mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC.

Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 32/2019/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Thông tư số 03/2024/TT-NHNN ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

1.1.3. Ngoài ra, Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản chỉ đạo; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, các UBND tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng, triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và chức trách được giao tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chỉ thị số 32. Cụ thể như sau:

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 19/7/2017 (Chỉ thị số 32) về triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, trong đó giao nhiệm vụ cho các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 với lộ trình cụ thể bảo đảm tính khả thi, kịp thời.

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Đã ban hành Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 hướng dẫn Điều 9 Nghị quyết số 42/2017/QH14 về quyền nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là TSBD của khoản nợ đã mua của VAMC.

- Để giải quyết các vướng mắc trong quá trình xử lý các khoản nợ là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan hoặc chủ trì tham mưu cho Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm giải quyết vấn đề nợ xấu.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và phối hợp với Bộ Tư pháp kiểm tra công tác đăng ký giao dịch bảo đảm tại các địa phương, trong đó, kiểm tra việc giải quyết thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản do xử lý nợ. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã có các văn bản hướng dẫn các Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, các TCTD thực hiện việc đăng ký TSBĐ của khoản nợ xấu của TCTD theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thành phần hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất chuyển từ bên thế chấp sang cho bên thứ ba...

- Đồng thời, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các bộ, ngành có liên quan, đặc biệt là NHNN đề xuất giải pháp tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc nhằm thúc đẩy việc xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

b) Bộ Tư pháp:

- Đã ban hành Công văn số 2744/BTP-TCTHADS ngày 07/8/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và thường xuyên có văn bản tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14.

- Chỉ đạo Tổng cục THADS kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn địa phương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14; tổ chức tập huấn trực tuyến về các nội dung của Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32 trong hệ thống cơ quan THADS; đẩy mạnh việc tổ chức thi hành các bản án, quyết định tại Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Thường xuyên chỉ đạo Tổng cục THADS tập trung đồn đốc, kiểm tra việc tổ chức thi hành án nhằm nâng cao hiệu quả công tác này; đồng thời, tích cực chỉ đạo các cơ quan THADS địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả, đúng tinh thần Nghị quyết số 42/2017/QH14 và pháp luật về THADS. Do đó, công tác thi hành án đã thu được kết quả khả quan, góp phần thúc đẩy công tác thu hồi nợ xấu của các TCTD. Để có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh (khoản tiền hỗ trợ thuê nhà cho người phải thi hành án, khoản tiền thuế thu nhập cá nhân, khoản án phí trong các vụ việc tín dụng ngân hàng), Bộ Tư pháp đã phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Chính phủ và chỉ đạo Tổng cục THADS tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn trong toàn hệ thống THADS.

Trong gần 05 năm thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Tổng cục THADS ban hành hơn 400 văn bản hướng dẫn nghiệp vụ, trả lời kiến nghị và giải quyết đơn thư liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng; đã phối hợp với các TCTD tiến hành rà soát, thực hiện kiểm tra, phúc tra nhằm

đánh giá công tác phối hợp, tổ chức thi hành để kịp thời chỉ đạo và có biện pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

c) Bộ Công an:

- Đã ban hành Kế hoạch số 244/KH-BCA-A61 ngày 17/8/2017 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Quyết định số 1058; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với NHNN triển khai các biện pháp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14.

- Đã tổ chức khảo sát, đánh giá công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình thu giữ TSBĐ theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại Công an một số địa phương trọng điểm. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Bộ Công an đã có Quyết định số 9018/QĐ-BCA-A04 ngày 19/11/2019 ban hành “Quy trình công tác đảm bảo an ninh trật tự quá trình thu giữ TSBĐ theo Nghị quyết số 42/2017/QH14” để nâng cao hiệu quả công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình thu giữ TSBĐ theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

- Chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương trong toàn quốc chủ động phối hợp với các TCTD và VAMC triển khai đảm bảo tốt an ninh, trật tự cho hàng trăm lượt thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu với giá trị lớn .

- Đã chỉ đạo Cơ quan điều tra các cấp đẩy mạnh việc điều tra; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức liên quan đẩy nhanh việc xét xử và thi hành án đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

d) Bộ Tài chính:

Đã ban hành công văn số 4606/BTC-TCT ngày 20/4/2018 chỉ đạo cơ quan thuế các cấp quán triệt, thực hiện chính sách liên quan đến thuế theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14; đồng thời, đã có Công văn số 14752/BTC-TCDN ngày 26/11/2018 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về phương án xử lý các khoản nợ xấu của doanh nghiệp nhà nước; Công văn số 12823/BTC-TCT ngày 19/10/2020 gửi Văn phòng Chính phủ và Báo cáo số 88/BC-BTC ngày 14/7/2020 gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội báo cáo về vướng mắc phát sinh và kiến nghị của Bộ Tài chính khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14; Công văn số 5477/TCT-DNL ngày 14/5/2019 về việc thu thuế theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; Công văn số 1988/TCT-DNL ngày 20/5/2019 chỉ đạo Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân khi xử lý TSBĐ là bất động sản của khoản nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã có công văn số 1239/BTC-TCT ngày 11/10/2021 lấy ý kiến NHNN, Bộ Tư Pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường về nội dung liên

quan đến vướng mắc khi thực hiện thủ tục thanh toán theo Điều 12 Nghị quyết số 42/2017/QH14 phát sinh trường hợp tiền thu từ bán TSBĐ là bất động sản không đủ để thanh toán nghĩa vụ nợ của TCTD, không đủ để thực hiện nghĩa vụ thuế, dẫn đến không thực hiện được thủ tục chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng, sang tên. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các bộ, ngành, Bộ Tài chính đã có công văn số 1613/BTC-TCT ngày 28/12/2021 báo cáo và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo thực hiện theo quy định pháp luật về thuế và pháp luật về đất đai.

đ) Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp chặt chẽ, kịp thời với Ban Tuyên giáo Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam, NHNN trong việc cung cấp thông tin, chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 42/2017/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện tại cuộc họp giao ban lãnh đạo các cơ quan báo chí.

- Thực hiện chỉ đạo, định hướng công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 42/2017/QH14 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện theo đề nghị phối hợp của NHNN.

e) Tòa án nhân dân tối cao:

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân. Theo đó, hướng dẫn những trường hợp cơ quan Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng rút gọn đối với tranh chấp về nghĩa vụ giao và xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu; hướng dẫn đơn khởi kiện, nộp đơn và quy trình thụ lý đơn khởi kiện về xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu theo thủ tục rút gọn.

g) Các UBND tỉnh, thành phố:

Các UBND tỉnh, thành phố đã chủ động, kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo tới các sở, ngành, chính quyền địa phương phối hợp trong công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Quyết định số 1058 với những nội dung cụ thể như sau:

- Chỉ đạo các sở, ngành, chính quyền địa phương các cấp nghiêm túc tổ chức triển khai, quán triệt đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 42/2017/QH14, Quyết định số 1058 tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức có liên quan.

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong công tác chỉ đạo, cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tấn, báo chí, đẩy mạnh tuyên

truyền các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu đến các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp nhằm tạo sự ủng hộ và đồng thuận trong xã hội.

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan (Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường) căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong việc tổ chức, triển khai việc cân đối, bố trí nguồn lực để xử lý các khoản nợ xấu liên quan đến nợ đọng xây dựng cơ bản có nguồn gốc từ ngân sách trung ương và hướng dẫn, thực hiện đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai...

- Chỉ đạo cơ quan công an địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng trong công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng; thực hiện giữ gìn an ninh trật tự khi các TCTD, VAMC thực hiện quyền thu giữ, xử lý TSBĐ để thu hồi nợ theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

- Chỉ đạo cơ quan THADS các cấp phối hợp với các TCTD trên địa bàn trong quá trình thi hành bản án, quyết định của Tòa án về xử lý TSBĐ; rà soát, tổng hợp các bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án chưa được thi hành hoặc đang được thi hành dở dang, đẩy nhanh thi hành án các vụ việc còn tồn đọng.

- Đề nghị Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp tại địa phương quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 trong toàn ngành trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các thành phố, huyện, thị xã trong phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, Chỉ thị số 32 và Quyết định số 1058 tại địa phương; hỗ trợ các TCTD trên địa bàn trong quá trình thực hiện quyền thu giữ TSBĐ của các khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14; tích cực theo dõi, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình xử lý nợ xấu của các TCTD để có giải pháp xử lý kịp thời.

1.1.4. Từ những kết quả tích cực mà Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã đem lại cho ngành ngân hàng nói riêng và cho nền kinh tế nói chung, NHNN đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 như xử lý TSBĐ là dự án bất động sản; phân bổ lãi dự thu, chênh lệch khi bán khoản nợ xấu của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Luật các TCTD không luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ (trừ quy định về việc chuyển tiếp tại khoản 6 Điều 210 Luật các TCTD); cũng như quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án và quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự.

1.2. Công tác phổ biến, tuyên truyền, rà soát, hỗ trợ pháp lý, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thi hành pháp luật

Xác định việc triển khai các chính sách hỗ trợ công tác xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các TCTD là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng nhằm xử lý nhanh, triệt để, hiệu quả nợ xấu của các TCTD, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo NHNN phối hợp với các bộ, ngành có liên quan chủ động, tích cực triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ được giao.

(i) Để các chính sách kịp thời đi vào đời sống, NHNN đã phối hợp với các bộ, ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Luật các TCTD. Việc phổ biến, tuyên truyền các chính sách mới được thể hiện thông qua các hình thức đa dạng như tổ chức các tọa đàm, hội nghị, đăng tải các bài viết để truyền thông về các chính sách cũng như kết quả tích cực đạt được từ việc áp dụng các chính sách mới; đồng thời, ghi nhận để kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn về mặt pháp lý liên quan đến việc áp dụng các chính sách về xử lý nợ xấu và TSBĐ của khoản nợ xấu.

(ii) Bên cạnh đó, NHNN đã có các văn bản chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trong việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 thông qua việc tăng cường công tác thanh tra, giám sát đối với công tác xử lý nợ xấu, cơ cấu lại, hoạt động cấp tín dụng, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý thu hồi nợ của các TCTD trên địa bàn; kịp thời khuyến nghị, cảnh báo các TCTD có tỷ lệ nợ xấu cao, chất lượng tín dụng suy giảm; yêu cầu các TCTD có biện pháp xử lý, kiểm soát tối đa nợ xấu mới phát sinh, đảm bảo an toàn trong hoạt động; chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc triển khai, hỗ trợ thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại địa phương⁴.

Thực hiện chỉ đạo của NHNN, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đã tích cực chỉ đạo các TCTD trên địa bàn: (i) Bám sát sự chỉ đạo của Hội sở trong việc thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020, đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng và ngăn ngừa nợ xấu mới phát sinh; (ii) Triển khai đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết

⁴ Văn bản số 8426/NHNN-TTGSNNH ngày 07/11/2018, số 7013/NHNN-TTGSNNH ngày 24/9/2020 gửi các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương yêu cầu tích cực đôn đốc, chỉ đạo các TCTD trên địa bàn đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

số 42/2017/QH14, kiểm soát chặt chẽ quá trình xét duyệt cho vay, đảm bảo vốn vay được sử dụng đúng mục đích. Đồng thời, các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đã chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc tổ chức, triển khai, bố trí nguồn lực để hỗ trợ các TCTD trên địa bàn xử lý nợ xấu.

(iii) Đồng thời, NHNN đã tăng cường, đổi mới công tác thanh tra, giám sát các TCTD nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kiên quyết các rủi ro, tồn tại và sai phạm của TCTD, thúc đẩy các TCTD triển khai nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 42/2017/QH14.

Cụ thể, trong thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, NHNN đã triển khai những Đoàn kiểm tra công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 tại nhiều TCTD, từ đó có các kiến nghị, yêu cầu với các TCTD để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14; đồng thời, trong thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, trung bình hàng năm NHNN triển khai khoảng 1.300 cuộc thanh tra, kiểm tra⁵ và trong Kế hoạch thanh tra hàng năm của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đều có nội dung thanh tra việc thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 của các TCTD.

Các cuộc thanh tra hàng năm được triển khai nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nội dung và kế hoạch thanh tra. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, những hạn chế, tồn tại, sai phạm của các TCTD đã được phát hiện và xử lý (trong đó có những hạn chế, tồn tại, sai phạm của các TCTD trong công tác phân loại và xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14). Thông qua hoạt động giám sát ngân hàng, NHNN đã nhận diện, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn để kịp thời đưa ra các văn bản cảnh báo, chấn chỉnh trong hoạt động của các TCTD (trong thời gian triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14, NHNN có trên 620 văn bản chấn chỉnh, cảnh báo rủi ro⁶, trong đó có nhiều văn bản yêu cầu TCTD áp dụng tối đa các chính sách tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 để đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu).

Ngoài ra, NHNN cũng chủ động, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, đặc biệt là Ban Nội chính Trung ương, Bộ Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ để xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng nói chung và hoạt động cấp tín dụng

⁵ Năm 2018: thực hiện 1.250 cuộc thanh tra, kiểm tra; năm 2019: thực hiện 1.420 cuộc thanh tra, kiểm tra; năm 2020: thực hiện 1.165 cuộc thanh tra, kiểm tra; năm 2021: thực hiện 1.067 cuộc thanh tra, kiểm tra (số cuộc thanh tra, kiểm tra năm 2020 và năm 2021 giảm so với các năm trước do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19).

⁶ Gồm những TCTD cấp tín dụng vào lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, có tỷ lệ nợ xấu cao, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh nợ xấu mới.

nói riêng.

(iv) Bên cạnh đó, NHNN cũng đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan đến rà soát những khó khăn, vướng mắc, bất cập, xung đột pháp lý giữa hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật ngành ngân hàng với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ để triển khai, thực hiện các chính sách về xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu; kịp thời có văn bản gửi các bộ, ngành⁷ để phối hợp, hỗ trợ, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các chính sách về xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu⁸.

2. Kết quả chủ yếu trong thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các TCTD

2.1. Với sự quyết tâm vào cuộc của toàn hệ thống chính trị, kể từ khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực thi hành, công tác xử lý nợ xấu đã có những chuyển biến tích cực, góp phần không nhỏ vào kết quả thực hiện công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020. Cụ thể:

(i) Nghị quyết số 42/2017/QH14 cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo lập khuôn khổ pháp lý để xử lý các khoản nợ xấu. Các chính sách tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 được thực thi trên thực tế đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác xử lý nợ xấu, ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy và khơi thông việc xử lý khối nợ xấu, cải thiện lịch sử tín dụng và nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng của khách hàng.

(ii) Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, hỗ trợ các TCTD trong việc xử lý nợ xấu, từng bước đảm bảo và bảo vệ được quyền

⁷ (i) Công văn số 09/NHNN-PC ngày 02/01/2018 gửi Bộ Tài chính đề nghị sớm có văn bản chỉ đạo cơ quan thuế quán triệt, hướng dẫn chính sách thuế theo quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14; (ii) Công văn số 842/NHNN-PC ngày 05/02/2018 gửi Bộ Tài chính đề nghị hướng dẫn thu thuế khi xử lý TSBĐ để thu hồi nợ xấu; (iii) Công văn số 6897/NHNN-PC ngày 13/9/2018 gửi Bộ Tài chính đề nghị về việc triển khai thực hiện việc thu thuế theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14; (iv) Công văn số 1167/NHNN-PC ngày 27/02/2018 gửi VAMC về xử lý khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14; (v) Công văn số 4732/NHNN-PC ngày 21/6/2019 gửi các TCTD về tăng cường hiệu quả công tác xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu tại TCTD; (vi) Công văn số 4754/NHNN-PC ngày 24/6/2019 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị về thành phần hồ sơ đăng ký biến động đất đai trong trường hợp TCTD thực hiện quyền thu giữ TSBĐ theo Nghị quyết số 42/2017/QH14.

⁸ (i) Công văn số 270/NHNN-PC ngày 10/01/2019 gửi Tòa án nhân dân tối cao về việc triển khai quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 liên quan đến Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 42/2017/QH14; (ii) Công văn số 271/NHNN-PC ngày 10/01/2019 gửi Bộ Công an về việc triển khai quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 liên quan đến Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14; (iii) Công văn số 272/NHNN-PC ngày 10/01/2019 gửi Bộ Tư pháp liên quan đến Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 42/2017/QH14 về nghĩa vụ nộp án phí và đơn đăng ký giao dịch bảo đảm; (iv) Công văn số 273/NHNN-PC ngày 10/01/2019 gửi Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện việc thu thuế theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14; (v) Công văn số 274/NHNN-PC ngày 10/01/2019 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xử lý khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14; (vi) Công văn số 162/NHNN-PC ngày 14/3/2019 gửi Bộ Tư pháp kèm theo Đề cương báo cáo về việc hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến xử lý nợ xấu;

của chủ nợ. Thông qua cơ chế thí điểm, Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã tạo điều kiện cho hệ thống các TCTD xử lý nợ xấu được chủ động hơn, tháo gỡ những vướng mắc về mặt pháp lý tồn tại trong thời gian trước khi có Nghị quyết số 42/2017/QH14.

(iii) Kết quả xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 cũng đã tác động tích cực đến quá trình tái cơ cấu, bảo đảm an toàn của hệ thống các TCTD vì khi nợ xấu được xử lý sẽ khơi thông nguồn vốn và tạo điều kiện giảm chi phí cũng như tăng cường năng lực tài chính cho các TCTD. Nhờ đó, các TCTD có điều kiện hạ mặt bằng lãi suất, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đặc biệt trong giai đoạn các doanh nghiệp và người dân gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh cũng như khó khăn khách quan gây ra.

(iv) Kể từ khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, việc xử lý nợ xấu thông qua hình thức khách hàng tự trả nợ; xử lý, bán, phát mại TSBD... tăng cao. Theo đó, lũy kế từ 15/8/2017 đến 31/12/2023, trong tổng số 443,8 nghìn tỷ đồng nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã được xử lý có 161,3 nghìn tỷ đồng là do khách hàng tự trả nợ (chiếm 36,35%), cao hơn so với mức 22,8% trung bình năm từ 2012-2017 do khách hàng tự trả nợ/tổng nợ xấu nội bảng đã xử lý. Đồng thời, kết quả xử lý, bán, phát mại TSBD để thu hồi nợ đạt 92,5 nghìn tỷ đồng (chiếm 20,85%).

Tính trung bình nợ xấu đã xử lý đạt khoảng 5,80 nghìn tỷ đồng/tháng, cao hơn khoảng 2,28 nghìn tỷ đồng/tháng so với kết quả xử lý nợ xấu trung bình tại thời điểm trước khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực (trung bình từ năm 2012-2017, hệ thống các TCTD xử lý được khoảng 3,52 nghìn tỷ đồng/tháng).

(v) Tại Phiên họp thứ 47 của UBTVQH (Khóa XIV), UBTVQH đã tiến hành thảo luận, cho ý kiến đối với Báo cáo số 358/BC-CP ngày 5/8/2020 về kết quả 03 năm thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14, theo đó, tại Thông báo số 3844/TB-TTKQH ngày 17/8/2020: “UBTVQH hoan nghênh sự chủ động của Chính phủ, NHNN trong việc đánh giá 03 năm thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 bên cạnh việc đánh giá hằng năm theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Nghị quyết này...UBTVQH đánh giá cao những cố gắng của Chính phủ, NHNN, các bộ, ngành trung ương và địa phương, đặc biệt là các TCTD trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2017/QH14 trong thời gian qua đã đạt những kết quả rất tích cực. Tỷ lệ nợ xấu giảm, chất lượng tín dụng được cải thiện chứng tỏ sự đúng đắn, hiệu quả của việc thực hiện Nghị quyết....”.

(vii) Tuy nhiên, theo thống kê, đến cuối tháng 7/2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng (bao gồm cả nợ xấu của các ngân hàng mua lại bắt buộc và ngân hàng được kiểm

soát đặc biệt) ở mức 4,75%, tăng so với mức 4,55% vào cuối năm 2023 và mức 2,03% cuối năm 2022. Đến tháng 1/2025, tỷ lệ nợ xấu nội bảng ở mức 4,3%.

Nợ xấu của hệ thống các TCTD có dấu hiệu tăng cao trở lại, tập trung tại một số TCTD yếu kém đã được NHNN nhận diện và đặt vào kiểm soát đặc biệt hoặc giám sát tăng cường.

2.2. Mặc dù vậy, về cơ bản, Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các TCTD đã đạt được một số mục tiêu, yêu cầu chủ yếu đặt ra khi xây dựng Nghị quyết và Luật, đó là:

(i) Tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ về xử lý nợ xấu, đảm bảo phù hợp với thực tiễn và tiệm cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế cũng như xử lý những vấn đề bất cập, xung đột pháp lý giữa các văn bản quy phạm pháp luật;

(ii) Xử lý vướng mắc, khó khăn liên quan đến xử lý nợ xấu và TSBĐ của khoản nợ xấu, tạo cơ chế xử lý đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, khả thi, kiểm soát chặt chẽ các khoản nợ xấu và xử lý TSBĐ của các khoản nợ xấu của TCTD, đảm bảo các TCTD tiếp tục phát huy tốt vai trò là kênh dẫn vốn chủ đạo và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế;

2.3. Trong thời gian vừa qua, thực hiện chức năng của Ngân hàng Trung ương, NHNN đã thực hiện các giải pháp điều hành tín dụng phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đáp ứng vốn cho nền kinh tế. Đồng thời, NHNN đã chỉ đạo TCTD thực hiện tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát và xử lý nợ xấu; hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Theo đó, tín dụng đối với nền kinh tế tăng trưởng phù hợp với sức hấp thụ vốn của nền kinh tế, góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD. Tuy nhiên, theo ghi nhận thông tin từ các ngân hàng thương mại, tổ chức mua bán, xử lý nợ và Hiệp hội ngân hàng Việt Nam, một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 không được luật hóa tại Luật các TCTD đã tạo ra độ chững trong công tác xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu, khiến công tác này chưa đạt được những kết quả khả quan như kỳ vọng.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, bất cập trong việc xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu khi một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 chưa được luật hóa tại Luật các TCTD

1.1. Về việc thu giữ TSBĐ

Trước đây, khi Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và khi Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, đối với trường hợp bên bảo đảm không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình, bên nhận bảo đảm có công cụ hữu hiệu để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình thông qua việc thu giữ TSBĐ khi bên bảo đảm, bên giữ TSBĐ không chủ động thực hiện nghĩa vụ giao TSBĐ để bên nhận bảo đảm xử lý TSBĐ (theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP và Điều 7 Nghị quyết số 42/2017/QH14).

Tuy nhiên, khi Nghị định số 163/2006/NĐ-CP và Nghị quyết số 42/2017/QH14 hết hiệu lực, bên nhận bảo đảm không có cơ sở pháp lý để thực hiện việc thu giữ TSBĐ, để thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của mình, khi bên bảo đảm, bên đang giữ TSBĐ không giao TSBĐ, tổ chức mua bán, xử lý nợ, TCTD phải khởi kiện và chờ thi hành bản án, quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 301 Bộ luật Dân sự.

Trong khi đó, quá trình khởi kiện, tham gia tố tụng và tiến hành thi hành án theo quy định cho mỗi vụ án thường kéo dài nhiều năm, sự kéo dài về mặt thời gian cũng tạo nên tâm lý chây ỳ trả nợ của bên có nghĩa vụ.

Đồng thời, trong suốt quá trình, thời gian khởi kiện, ngân hàng vẫn phải trích dự phòng rủi ro, dừng dự thu lãi trong khi vẫn phải trả chi phí huy động vốn hàng ngày. Thực trạng đó tạo ra rủi ro lớn, đặc biệt cho TCTD có hàm lượng cho vay bán lẻ tỷ trọng cao, hướng tới kích cầu, phải xử lý rất nhiều món nợ xấu giá trị nhỏ, địa lý phân tán, dẫn đến chi phí hoạt động cao trong vấn đề thu hồi nợ và làm giảm khả năng đẩy mạnh cho vay khách hàng, khó giảm được lãi suất cho vay.

Bên cạnh đó, việc xử lý TSBĐ của tổ chức mua bán, xử lý nợ, TCTD bị kéo dài cũng làm ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả của việc xử lý nợ xấu, dẫn đến khó có thể khơi thông được nguồn vốn của hệ thống ngân hàng, làm ảnh hưởng đến mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống ngân hàng và là một trong những nguyên nhân làm hạn chế việc tiếp cận tín dụng của khách hàng, hạn chế khả năng tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, có nhiều quan điểm cho rằng bên nhận bảo đảm có thể đề nghị việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn tại Tòa án để rút ngắn thời gian xử lý. Liên quan đến vấn đề này, trước đây, Nghị quyết số 42/2017/QH14 cũng đã có quy định về thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến TSBĐ tại Tòa án. Tuy nhiên, khi tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14, qua hơn 06 năm triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14/20157/QH14, chưa có vụ việc nào được xét xử theo thủ tục rút gọn. Theo ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao tại

Công văn số 200/TANDTC-PC ngày 13/1/2022 góp ý đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính – tín dụng - một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy, tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định... do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn.

Điều 301 Bộ luật Dân sự⁹ mới chỉ ghi nhận quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc người đang giữ tài sản không giao tài sản để bên nhận bảo đảm xử lý TSBĐ mà không quy định trực tiếp quyền thu giữ TSBĐ của bên nhận bảo đảm đã gây khó khăn rất lớn đến quyền xử lý TSBĐ của tổ chức mua bán, xử lý nợ và TCTD vì tổ chức mua bán, xử lý nợ cũng như các TCTD không thể thực hiện việc thu giữ nếu các chủ tài sản không đồng thuận, cố tình chống đối, thậm chí tạo ra các tranh chấp khác liên quan đến TSBĐ nhằm kéo dài thời gian xử lý TSBĐ.

1.2. Về việc kê biên TSBĐ

Điều 90 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án.

Quy định này ảnh hưởng lớn đến quyền chủ nợ của bên nhận bảo đảm, làm gia tăng nợ xấu của hệ thống các TCTD, đặc biệt trong trường hợp TSBĐ hình thành từ vốn vay là nguồn chính để trả nợ cho TCTD. Trước đây, khi Điều 11 Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực, khó khăn của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã cơ bản được khắc phục, xử lý.

Vì vậy, khi quy định này không được luật hóa tại Luật các TCTD, TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ tiếp tục gặp khó khăn do TSBĐ có thể bị kê biên để thi hành án, kể cả để thực hiện các nghĩa vụ không phải thuộc trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; điều này ảnh hưởng lớn đến quyền lợi chủ nợ của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

1.3. Về việc hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự

⁹ Điều 301 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”.

(i) Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự mới chỉ quy định việc trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; hoặc trả lại vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng hoặc sau khi xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

(ii) Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính mới chỉ quy định: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương đương với nghĩa vụ được bảo đảm...” mà chưa quy định cụ thể trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không áp dụng hình thức tịch thu đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính thì hoàn trả tang vật, phương tiện là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm, dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền hoàn trả tài sản cho chủ tài sản là bên bảo đảm, khiến bên nhận bảo đảm (TCTD) có thể không còn TSBĐ, gây thiệt hại cho TCTD.

(iii) Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp bên thứ 3, bên bảo đảm không giao TSBĐ cho bên nhận thế chấp, điều này cũng có thể xảy ra sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho bên bảo đảm.

2. Nguyên nhân của bất cập, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Những bất cập, hạn chế trên xuất phát từ việc khuôn khổ pháp lý của Việt Nam về xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu còn có sự chưa hoàn thiện, chưa xử lý được những đặc thù của lĩnh vực ngân hàng.

Không giống như giao dịch dân sự thông thường, hoạt động ngân hàng được vận hành theo phương thức đi vay (nhận tiền gửi của người gửi tiền) để cho (doanh nghiệp, người dân) vay. Do vậy, ngân hàng chịu áp lực về thời gian cũng như chi phí để hoàn trả người gửi tiền khi được yêu cầu. Nếu áp dụng các quy định chung như đối với giao dịch vay dân sự (khởi kiện và chờ thi hành bản án, quyết định

của Tòa án có thẩm quyền) hoặc không có quy định đặc thù riêng, quyền lợi của ngân hàng sẽ không được bảo vệ thích đáng, dẫn đến một mặt, ngân hàng không có khả năng hoàn trả tiền gửi cho người gửi tiền khi được yêu cầu, làm phát sinh các khủng hoảng tài chính theo hiệu ứng domino; mặt khác, ngân hàng không có xu hướng, động lực cho vay, dẫn đến vốn của ngân hàng không được xoay vòng, không tạo ra lợi nhuận, giá trị gia tăng cho nền kinh tế, khiến doanh nghiệp, người dân khó tiếp cận vốn vay hoặc tiếp cận vốn vay với chi phí cao.

Ngoài ra, ý thức trả nợ của một bộ phận khách hàng vay còn nhiều hạn chế, lợi dụng sự thiếu hụt của khuôn khổ pháp lý để trì hoãn, chây ì trong việc trả nợ.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Bên cạnh đó, nguyên nhân chủ quan chính dẫn đến những khó khăn nêu trên là một bộ phận ngân hàng còn yếu trong khâu thẩm định hồ sơ xin cấp tín dụng cũng như kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính và trả nợ của khách hàng, dẫn đến việc cấp tín dụng, giải ngân cho các dự án, đối tượng có năng lực tài chính, khả năng trả nợ thấp. Để hạn chế điều này, Luật các TCTD đã quy định các TCTD phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng; đồng thời, hiện nay, NHNN đang tích cực rà soát, nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Ngoài ra, để xử lý các bất cập, hạn chế do khuôn khổ pháp lý về xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu chưa được hoàn thiện, NHNN đề xuất một số giải pháp, kiến nghị sửa đổi Luật các TCTD như dưới đây.

III. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI LUẬT

1. Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ TSBĐ

a) Mục tiêu của chính sách: Xử lý vướng mắc của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD), tổ chức mua bán, xử lý nợ trong quá trình xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu, nhằm đảm bảo cân bằng giữa quyền của chủ nợ và các quyền lợi hợp pháp của bên bảo đảm; đẩy nhanh tốc độ và chi phí xử lý TSBĐ, xử lý nợ xấu, từ đó góp phần giảm chi phí các khoản cấp tín dụng, hạ lãi suất, tăng cường khả năng quay vòng vốn và tiếp cận tín dụng của người dân và doanh nghiệp; tránh để phát sinh và bùng phát tình trạng người dân, doanh nghiệp tiếp cận “tín dụng đen”.

b) Phương án sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD

Điều 198a quy định về quyền thu giữ TSBĐ của TCTD và tổ chức mua bán, xử lý nợ trong trường hợp xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu với các nội dung chính sau:

(i) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ. Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

(ii) Quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBĐ *không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản*; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an *cấp xã* nơi có TSBĐ; (c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ TSBĐ. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản và 10 ngày đối với động sản. *Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên*

này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

(iii) Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

2. Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án

a) Mục tiêu của chính sách: Khắc phục được khó khăn, vướng mắc của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình nhưng vẫn đảm bảo việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.

b) Phương án sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD

Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

3. Chính sách 3: Luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính

a) Mục tiêu của chính sách: Nhằm hoàn thiện các quy định, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện để kịp thời khắc phục các bất cập, vướng mắc có tính cấp bách trong thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn trong công tác xử lý và thu hồi nợ xấu nhằm góp phần xây dựng kiến trúc thượng tầng đồng bộ, sẵn sàng để tăng tốc, bứt phá, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế, nhằm phát huy vai trò của ngành ngân hàng – là mạch máu của nền kinh tế.

b) Phương án sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD

Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án

hình sự là TSBD của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 và Chương XII Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ
- Các Phó TTgCP
- Thống đốc NHNN
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tư pháp
- Lưu: VP, PC, TLAnh. 

(để b/c);

(để ph/h);

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Quang Dũng

Số: 101 /BC-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng (dự án Luật). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

- Về mục đích rà soát: việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến chính sách trong dự án Luật nhằm đánh giá mức độ phù hợp của các chính sách với Hiến pháp và các Điều ước quốc tế, cũng như tính thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời, việc rà soát với các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước nhằm đưa ra đề xuất phù hợp, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của các chính sách trong dự án Luật.

- Về yêu cầu rà soát: tuân thủ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định; rà soát đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để có đánh giá khách quan, chính xác.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

- Về phạm vi rà soát: toàn bộ nội dung chính sách trong dự án Luật và các chủ trương, chính sách của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật và các Điều ước quốc tế có liên quan.

- Về nội dung rà soát: đối chiếu các chính sách trong dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các Điều ước quốc tế nhằm đảm bảo tính hợp hiến không cản trở việc thực hiện các

Điều ước quốc tế; đồng bộ, thống nhất với các văn bản được rà soát, tránh mâu thuẫn, chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý trong hệ thống pháp luật.

- Về đối tượng rà soát: các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, bao gồm: Hiến pháp, các Bộ luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác (bao gồm Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội,...) và các Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách trong dự án Luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Qua rà soát đã xác định được có 43 văn bản liên quan đến chính sách trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD), bao gồm các văn bản sau:

- Văn bản liên quan đến chủ trương, chính sách của Đảng: 12 văn bản. Bao gồm:

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

(2) Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

(3) Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

(4) Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XIII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

(5) Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;

(6) Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020;

(7) Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV;

(8) Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch

cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025;

(9) Nghị quyết số 63/2022/QH15 của Quốc hội: Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV;

(10) Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;

(11) Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về Bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

(12) Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 08/3/2025 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2025.

- Văn bản quy phạm pháp luật: 14 văn bản. Bao gồm:

(1) Hiến pháp năm 2013;

(2) Bộ luật Dân sự năm 2015;

(3) Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

(4) Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

(5) Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2024;

(6) Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2024;

(7) Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

(8) Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

(9) Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

(10) Luật số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

(11) Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2024;

(12) Luật Hôn nhân và gia đình 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

(13) Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023;

(14) Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

- Điều ước quốc tế: 16 Điều ước quốc tế. Bao gồm:

- (1) Tuyên ngôn nhân quyền 1948;
 - (2) Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương;
 - (3) Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực;
 - (4) Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam;
 - (5) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA);
 - (6) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA);
 - (7) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (VCFTA);
 - (8) Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA);
 - (9) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA);
 - (10) Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA);
 - (11) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA);
 - (12) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA);
 - (13) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA);
 - (14) Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP);
 - (15) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA);
 - (16) Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA).
- Và Bộ luật Mẫu về Các Giao dịch Bảo đảm của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Secured Transactions – Luật Mẫu UNCITRAL).

2. Kết quả cụ thể

Trên cơ sở hệ thống và rà soát các văn bản có liên quan đến chính sách trong dự án Luật, về cơ bản nội dung chính sách đã phù hợp với các chủ trương, chính sách của Đảng, quy định pháp luật hiện hành và các Điều ước quốc tế. Cụ thể:

2.1. Sự phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng:

Nội dung chính sách trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD đã bám sát chủ trương, quan điểm, các chỉ đạo của Đảng, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế, xác định chủ trương lớn trong cơ cấu lại thị trường tài chính là “ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các tổ chức tín dụng... bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế”.

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định rõ định hướng đột phá chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 nêu: “Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động ngân hàng, hỗ trợ tiến trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu”; “Tiếp tục đẩy nhanh và thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý an toàn nợ công; cơ cấu lại đầu tư công, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô”; “Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để sớm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là về thể chế, chính sách”.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã xác định mục tiêu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, tạo lập khung khổ pháp lý để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trong đó lưu ý “những vấn đề cấp bách, đã chín, đã rõ, được thực tiễn chứng minh, có sự thống nhất cao thì mới xây dựng, ban hành luật,...lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm;...”.

- Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XIII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã kết luận mặc dù nguồn tài lực, trong đó bao gồm nguồn lực trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng có bước mở rộng và phát triển tích cực. Tuy nhiên, hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhìn chung còn hạn chế, chậm được cải thiện, chưa góp phần tạo bước đột phá trong tốc độ và chất lượng tăng trưởng, nguồn lực tài chính quy mô còn nhỏ, thiếu tính bền vững.

Cùng với đó, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, đòi hỏi phải phát huy cao độ và quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đang có và các nguồn lực mới để tạo cơ sở thúc đẩy thúc đẩy tăng trưởng, phát triển, bứt phá, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030 của đại hội đảng các cấp, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu chiến lược kỷ niệm 100 năm thành lập Nước”.

- Nghị quyết số 23/2016/QH14 ngày 07/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 đã nêu rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ”.

- Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đề ra nhiệm vụ “nghiên cứu, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng, tài sản bảo đảm”.

- Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 – 2025 (Điều 4.1) quy định: “Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng phù hợp với nguyên tắc thị trường, bảo đảm an toàn, lành mạnh và ổn định của hệ thống; tăng cường tính minh bạch, cạnh tranh, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển mới. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp luật về xử lý nợ xấu, chấm dứt tình trạng sở hữu chéo...”.

- Tại Nghị quyết số 63/2022/QH15, Quốc hội cũng đã giao Chính phủ nghiên cứu, đề xuất luật hóa các quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cùng với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Luật các Tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 158/2024/QH15 ngày 12/11/2024 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 (khoản 3.5 Điều 3) quy định: “Triển khai quyết liệt Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025; tập trung xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém...”; đồng thời, Nghị quyết số 158/2024/QH15 cũng yêu cầu: “có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để tháo gỡ thể chế, khắc phục điểm nghẽn; đẩy mạnh hơn nữa việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp” và “đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo

đảm yêu cầu quản lý nhà nước vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực” - điểm 3.1 Điều 3).

- Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về Bổ sung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên (khoản 2.4 Điều 2) quy định: “Hoàn thiện các cơ chế, chính sách về thuế, tín dụng để hỗ trợ tăng sức mua, kích cầu tiêu dùng, du lịch nội địa”...

- Tại Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 08/3/2025 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 02/2025, Chính phủ giao NHNN chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương “khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về xử lý nợ xấu, trong đó có việc luật hóa Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD theo đúng quy định pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn vốn, nâng cao mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD, báo cáo Chính phủ trong tháng 3 năm 2025, để báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9”.

Như vậy, các chính sách trong dự án Luật nhằm thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng đối với công tác xử lý nợ xấu, không mâu thuẫn với các chủ trương, chính sách của Đảng được quy định tại các văn bản nêu trên.

2.2. Sự phù hợp, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật:

2.2.1. Quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (Chính sách 1):

Chính sách 1 ghi nhận các quy định như sau:

- TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là TCTD), tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ. Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

- Quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh

hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBĐ không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có TSBĐ; (c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ TSBĐ. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản và 10 ngày đối với động sản. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

Các quy định mới trên được xây dựng phù hợp với các quy định tại Hiến pháp năm 2013, Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cụ thể:

- Khoản 1 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

- Khoản 2 Điều 32 Hiến pháp 2013 quy định: “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”.

- Điều 51 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước”.

- Khoản 1 Điều 2 Bộ luật dân sự 2015 quy định về việc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự như sau: “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”.

- Khoản 2, 3, 5 Điều 3 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. 3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực...5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự”.

- Khoản 1 Điều 163 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản”.

- Điều 295 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “1. Tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ trường hợp cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu. 2. Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được. 3. Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai. 4. Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.”.

Như vậy, Hiến pháp 2013, Bộ luật dân sự 2015 đã quy định:

(1) Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền dân sự được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;

(2) Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận;

(3) Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng;

(4) Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

Trong quan hệ tín dụng giữa bên đi vay và bên cho vay thì khi bên đi vay có

nhu cầu, bên cho vay đã đưa một khoản tiền cho bên đi vay sử dụng; và bên đi vay đã cam kết hoàn trả lại khoản tiền đó đúng thời hạn đã thỏa thuận. Để bảo đảm cho việc thực hiện cam kết đó, bên đi vay hoặc bên thứ ba dùng tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay và ký thỏa thuận tự nguyện đồng ý cho bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm nếu không trả được nợ, trong đó có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Như vậy, việc thu giữ tài sản bảo đảm được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện đã có giữa bên đi vay và bên cho vay.

Trường hợp trong hợp đồng đã có thỏa thuận thì việc thực hiện thu giữ chính là việc tôn trọng và tuân thủ quy định của hợp đồng, tôn trọng quyền và nghĩa vụ của các bên đã giao kết trước đó và cũng nhằm tôn trọng kỷ cương, trật tự xã hội.

Trường hợp trong hợp đồng bảo đảm không có thỏa thuận về thu giữ thì TCTD không được thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm. Do đó, việc quy định tại dự thảo Luật về thu giữ tài sản bảo đảm không xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu theo quy định tại Hiến pháp, phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Đồng thời, quy định về thủ tục thông báo thu giữ TSBĐ của TCTD bao gồm việc thu giữ đối với TSBĐ là động sản và bất động sản, không giới hạn các loại tài sản theo quy định về tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

- Ngoài ra, Điều 301 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định trực tiếp về thu giữ nhưng đã ghi nhận một phần thông qua quy định cho phép các bên thỏa thuận về phương thức xử lý tài sản bảo đảm tại Điều 303, Điều 301 quy định trường hợp luật liên quan có quy định khác đối với trường hợp người đang giữ tài sản không giao tài sản thì quy định tại luật liên quan được áp dụng. Do đó, việc quy định về thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm để hoàn trả các nghĩa vụ nợ của khách hàng vay là đảm bảo tính thống nhất với quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015.

- Bên cạnh đó, nội dung chính sách không liên quan tới việc cha mẹ thực hiện trách nhiệm đối với con cái theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “Mọi thỏa thuận của cha mẹ, con liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản không được làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành

niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”.

Khi thực hiện giao dịch dân sự (vay và sử dụng tài sản làm TSBĐ), khoản 2 Điều 212 Bộ luật Dân sự 2015 quy định “việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của các thành viên gia đình được thực hiện theo phương thức thỏa thuận. Trường hợp định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình phải có sự thỏa thuận của tất cả các thành viên gia đình là người thành niên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trừ trường hợp luật có quy định khác”.

Như vậy, con chưa thành niên và con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự không là chủ thể đưa ra các quyết định khi sử dụng, định đoạt tài sản là bất động sản, động sản có đăng ký, tài sản là nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình để làm TSBĐ. Ngoài ra, Điều 218 Bộ luật Dân sự cũng quy định việc định đoạt tài sản là tài sản chung được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận. Do vậy, khi sử dụng tài sản làm TSBĐ cho các khoản vay, việc sử dụng tài sản chung phải đảm bảo có sự thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Vì vậy, khi hợp đồng/thỏa thuận bảo đảm hợp pháp và có hiệu lực pháp lý sẽ phát sinh hệ quả pháp lý cho các bên. Quy định tại khoản 4 Điều 68 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 là trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái mà không phải là trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân giao dịch dân sự với cha mẹ.

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, quy định về thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu tại Chính sách 1 là phù hợp với quy định tại Hiến pháp, Bộ luật dân sự và quy định pháp luật có liên quan, không mâu thuẫn với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiến nghị, đề xuất: Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng cho phép TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ với các điều kiện, trình tự thủ nhất định.

2.2.2. Quy định về kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu (Chính sách 2):

Chính sách 2 bổ sung quy định theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi

nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Quy định trên có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật hiện hành là Hiến pháp năm 2013 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung):

- Điều 106 Hiến pháp 2013 quy định: “Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành”.

- Khoản 1 Điều 90 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “1. Trường hợp người phải thi hành án không còn tài sản nào khác hoặc có tài sản nhưng không đủ để thi hành án, Chấp hành viên có quyền kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án đang cầm cố, thế chấp nếu giá trị của tài sản đó lớn hơn nghĩa vụ được bảo đảm và chi phí cưỡng chế thi hành án. 2. Khi kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp, Chấp hành viên phải thông báo ngay cho người nhận cầm cố, nhận thế chấp; khi xử lý tài sản kê biên, người nhận cầm cố, nhận thế chấp được ưu tiên thanh toán theo quy định tại khoản 3 Điều 47 của Luật này.”.

- Khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự 2008 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Trường hợp xử lý tài sản cầm cố, thế chấp mà bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án hoặc trường hợp bán tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành một nghĩa vụ cụ thể thì số tiền thu được từ việc bán tài sản cầm cố, thế chấp, bị kê biên được ưu tiên thanh toán cho bên nhận cầm cố, thế chấp hoặc bên có nghĩa vụ được bảo đảm sau khi trừ án phí của bản án, quyết định đó, chi phí cưỡng chế và khoản tiền quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật này”.

Việc cho phép chấp hành viên kê biên TSBĐ của bên thi hành án đang thế chấp, cầm cố tại TCTD để bảo đảm cho khoản vay theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự sẽ ảnh hưởng lớn đến quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, đặc biệt trong trường hợp TSBĐ là tài sản hình thành từ vốn vay hoặc là nguồn thu nhập chính để trả nợ cho TCTD. Tuy nhiên, xét thấy rằng một số nghĩa vụ vẫn cần được ưu tiên thực hiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân – là bên thụ hưởng của các quyết định/bản án có hiệu lực, chính sách đã đề xuất một số ngoại lệ thực hiện kê biên TSBĐ đối với trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ - sự tự nguyện của bên có quyền bảo đảm được bảo hộ. Việc quy định các ngoại lệ này nhằm mục đích cân bằng giữa quyền lợi của bên nhận cầm cố, thế chấp và người được thi hành án. Chính sách được đề xuất không mâu

thuần với Hiến pháp năm 2013 do không tác động đến tính hiệu lực của bản án, quyết định.

Khoản 3 Điều 47 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung) đề cập đến 2 trường hợp (i) một là, bên nhận cầm cố, thế chấp là bên được thi hành án; (ii) hai là, bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án.

Trong khi đó, đề xuất của NHNN chỉ hướng đến trường hợp bên nhận cầm cố, thế chấp không phải là bên được thi hành án. Cụ thể là “bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBD của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ”.

Về bản chất, mục đích của các giao dịch bảo đảm là để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đã được xác định tại thời điểm giao kết hợp đồng. Trong khi đó, nghĩa vụ phát sinh trên cơ sở bản án, quyết định có hiệu lực – phát sinh sau thời điểm giao kết hợp đồng bảo đảm và không được bảo đảm bằng TSBD. Do vậy, việc cho phép kê biên TSBD để thi hành án đối với trường hợp bên nhận bảo đảm không phải là bên được thi hành án có thể tước đi sự bảo hộ hợp pháp đối với bên cho vay – đã được bên vay/bên bảo đảm đồng thuận trước đó – làm vô hiệu hóa hiệu lực của pháp luật về giao dịch bảo đảm – không tạo ra một cơ chế bảo vệ quyền chủ nợ.

- Khoản 2 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định: “Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, thế chấp sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bổ sung tài sản bảo đảm. Bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ được bảo đảm phải thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán”. Như vậy, sau khi xử lý TSBD và trừ đi các chi phí và giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì số tiền chênh lệch phải được trả cho bên bảo đảm. Khi đó, bên bảo đảm vẫn có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Do đó, quy định này không xung đột với quy định tại Hiến pháp năm 2013 và Luật Thi hành án dân sự và là giải pháp phù hợp trong tình hình hiện.

Kiến nghị, đề xuất: Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD

theo hướng luật hóa quy định về việc TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

2.2.3. Quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính (Chính sách 3):

Chính sách 3 bổ sung quy định theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

Những quy định trên không mâu thuẫn, xung đột với quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung). Cụ thể:

- Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015: “Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền: a) Trả lại ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó; b) Trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;”.

Như vậy, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

- Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương đương với nghĩa vụ được bảo đảm...”

Như vậy, pháp luật hiện hành cũng chưa có quy định cụ thể trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không áp dụng hình thức tịch thu đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính thì hoàn trả tang vật, phương tiện là TSBĐ cho bên nhận bảo đảm, dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền hoàn trả tài sản cho chủ tài sản là bên bảo đảm, khiến bên nhận bảo đảm (TCTD) có thể không còn TSBĐ, gây thiệt hại cho TCTD. Do vậy, việc bổ sung quy định về hoàn trả tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ giúp TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình.

- Khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên thế chấp: 6. Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.”.

- Khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Quyền của bên nhận thế chấp: 5. Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.”.

Như vậy, Bộ luật dân sự năm 2015 đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc giao tài sản thế chấp của bên thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý. Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp bên thứ 3, bên bảo đảm không giao TSBĐ cho bên nhận thế chấp, điều này cũng có thể xảy ra sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Kiến nghị, đề xuất: Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

2.2.4. Về điều khoản thi hành:

Điều 2 dự thảo Luật quy định: “1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày..... tháng.....năm 2025. 2. Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật về giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu quy định tại Luật này. 3. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Luật này.”.

Quy định bổ sung nêu trên có liên quan đến văn bản quy phạm pháp luật hiện hành là Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024, Luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung). Cụ thể:

- Khoản 1 Điều 22 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định: “Bộ, cơ quan ngang Bộ là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực và dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực được phân công trong phạm vi toàn quốc”.

- Khoản 1 Điều 3 Luật Tổ chức tòa án năm 2024 quy định: “Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp bao gồm quyền xét xử, quyết định về các tranh chấp, vi phạm pháp luật, về những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của luật; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.”.

- Khoản 1 Điều 106 Luật Tố tụng hình sự năm 2015: “Việc xử lý vật chứng do Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn điều tra; do Viện kiểm sát quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố; do Chánh án Tòa án quyết định nếu vụ án được đình chỉ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử; do Hội đồng xét xử quyết định nếu vụ án đã đưa ra xét xử. Việc thi hành quyết định về xử lý vật chứng phải được ghi vào biên bản.”.

- Khoản 3 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề. Thẩm quyền tạm giữ không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.”.

Quy định về sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm tăng tính hiệu lực, hiệu quả của quy định pháp luật, không có mâu thuẫn, xung đột với quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành nêu trên.

2.3. Tính tương thích với các Điều ước quốc tế:

2.3.1. Các quy định được đề xuất tại 03 chính sách trong dự án Luật có liên quan đến nội dung các Điều ước quốc tế sau đây:

- Khoản 2 Điều 17 Tuyên ngôn nhân quyền 1948 chỉ quy định “không ai có thể bị tước đoạt tài sản một cách độc đoán”. Việc bên bảo đảm đã đồng ý cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ TSBĐ và việc thực hiện thu giữ TSBĐ tuân thủ các quy trình, thủ tục chặt chẽ không thể được coi là hành vi mang tính “độc đoán”. Do vậy, không vi phạm quy định tại Tuyên ngôn nhân quyền cũng như Hiến pháp Việt Nam.

- Trên cơ sở thực hiện rà soát nội dung chính sách so với các nội dung cam kết chung, cam kết cụ thể trong lĩnh vực ngân hàng tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Cam kết Việt Nam gia nhập WTO, cam kết tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, RCEP, EVFTA,...¹ Kết quả rà soát cho thấy nội dung các chính sách không trái với các nội dung cam kết về lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam tại các điều ước quốc tế.

- Ngoài ra, đối với các Điều ước quốc tế về khuyến khích bảo hộ đầu tư mà Việt Nam là thành viên, các chính sách được đề xuất luật hóa có tính áp dụng chung cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, không phân biệt tổ chức trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài; đồng thời, việc xử lý nợ xấu, xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu cũng được thực hiện chung đối với tất cả bên đi vay, không có sự phân biệt đối xử giữa các bên đi vay.

2.3.2. Luật Mẫu UNCITRAL điều chỉnh các quyền bảo đảm đối với tất cả các loại tài sản hữu hình và vô hình có thể di dời, bao gồm hàng hóa, các khoản phải thu, tài khoản ngân hàng, công cụ chuyển nhượng, ... với một số ngoại lệ như chứng khoán qua trung gian². Trong đó, Điều 77 quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ TSBĐ (encumbered asset), cụ thể như sau³:

¹ Các hiệp định NHNN rà soát bao gồm: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (VCFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPJA); Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (VN-EAEU FTA); Hiệp định thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Ấn Độ (AIFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia/New Zealand (AANZFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA); Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản (AJCEP); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA); Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông (AHKFTA).

² https://uncitral.un.org/en/texts/securityinterests/modellaw/secured_transactions

³ Toàn văn Điều 77 tham khảo tại: [chrome-extension://efaidnbmnnnibpcajpcglclefindmkaj/https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-08779_e_ebook.pdf](https://uncitral.un.org/sites/uncitral.un.org/files/media-documents/uncitral/en/19-08779_e_ebook.pdf)

Quyền chiếm hữu TSBĐ: Chủ nợ có bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm nghĩa vụ, với điều kiện không ảnh hưởng đến quyền của những người có quyền chiếm hữu cao hơn, bao gồm người thuê hoặc người được cấp phép. Việc thu giữ có thể được thực hiện bằng cách nộp đơn lên tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền (do quốc gia ban hành luật quy định); hoặc không cần nộp đơn lên các cơ quan này. Tuy nhiên, chủ nợ chỉ có thể thực hiện thu giữ phi tư pháp (thu giữ không qua Tòa án hoặc một cơ quan tương đương có thẩm quyền theo từng quốc gia) khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

(a) Bên nợ đã đồng ý bằng văn bản cho phép chủ nợ thu giữ tài sản mà không cần sự phê chuẩn của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.

(b) Chủ nợ có bảo đảm đã gửi thông báo cho bên nợ và bất kỳ bên nào đang chiếm hữu tài sản về việc bên nợ vi phạm nghĩa vụ và ý định thu giữ tài sản. Tuy nhiên, chủ nợ có bảo đảm không bắt buộc phải gửi thông báo nếu TSBĐ có tính chất dễ hư hỏng hoặc có khả năng mất giá nhanh chóng (miễn trừ nghĩa vụ thông báo).

(c) Khi chủ nợ có bảo đảm thực hiện việc thu giữ, bên đang giữ tài sản không được phản đối.

Giới hạn đối với chủ nợ có thứ hạng thấp hơn: Nếu một chủ nợ có bảo đảm cấp cao hơn đang giữ TSBĐ, chủ nợ có thứ hạng thấp hơn không có quyền thu giữ tài sản đó.

Có thể nói, Điều 77 của Luật Mẫu UNCITRAL cung cấp một khuôn khổ linh hoạt để thực hiện thu giữ TSBĐ, giúp chủ nợ nhanh chóng thu hồi tài sản trong trường hợp bên nợ vi phạm nghĩa vụ, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan, tránh lạm dụng quyền lực và đảm bảo tính công bằng trong xử lý tài sản.

Điều 37 Luật Mẫu UNCITRAL về quyền của chủ nợ có bảo đảm so với quyền của bên chiến thắng trong một vụ án (Security rights competing with rights of judgment creditors) - quy định rằng bên chiến thắng trong một vụ án dân sự (trên cơ sở phán quyết của tòa án) được ưu tiên so với chủ nợ có bảo đảm nếu trước khi quyền của chủ nợ có bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba, bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó đã thực hiện các bước theo quy định của pháp luật để bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó có quyền đối với tài sản có liên quan. Tuy nhiên, nếu quyền của chủ nợ có bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng đối với bên thứ ba trước hoặc cùng với thời điểm bên chiến thắng trong vụ án dân sự thực hiện các bước theo quy định của pháp luật thì chủ nợ có bảo đảm có quyền ưu tiên so với bên chiến thắng trong vụ án dân sự đó.

Do vậy, các chính sách trong dự án Luật đảm bảo tính tương thích và không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó TTCP
- Thống đốc NHNN
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Bộ Tư pháp
- Lưu: VP, PC, DTNHuyen.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Quang Dũng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 102 /BC-NHNN

BÁO CÁO

Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Thực hiện quy định tại Điều 29 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng như (TCTD) sau:

I. BỐI CẢNH, YÊU CẦU

1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD để luật hóa một số quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, kịp thời xử lý các vướng mắc, khó khăn của người dân và doanh nghiệp thông qua việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu, góp phần khơi thông nguồn vốn, nâng cao mức độ an toàn, lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong đó, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định cần “ban hành các quy định hỗ trợ xử lý nợ xấu và cơ cấu lại các TCTD... bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của chủ nợ; đồng thời, bố trí nguồn lực để xử lý nhanh và dứt điểm nợ xấu trong nền kinh tế”.

2. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD phải được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013, trên cơ sở “các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới là một căn cứ quan trọng của việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật” (khoản 2 Điều 20 của Luật Bình đẳng giới năm 2006); đảm bảo nguyên tắc “nam, nữ có vị trí, vai

trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó” (Điều 5); phù hợp với quan điểm trong thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững “Tạo điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, được tiếp nhận những nguồn lực chung và được tham gia, đóng góp và hưởng lợi, tạo ra những nền tảng vật chất, tri thức và văn hóa tốt đẹp cho những thế hệ mai sau. Không để ai bị bỏ lại phía sau, tiếp cận những đối tượng khó tiếp cận nhất trước, bao gồm trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, đồng bào vùng sâu, vùng xa và những đối tượng dễ bị tổn thương khác”.

II. NỘI DUNG LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Ngân hàng Nhà nước đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD bao gồm 03 chính sách sau:

1. Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm

- Các giải pháp đề xuất:

1.1. Giải pháp 1: Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng cho phép TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là TCTD), tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ tài sản bảo đảm (TSBĐ).

(i) Nội dung giải pháp:

- TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ. Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

- Quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm

có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBĐ *không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản*; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an *cấp xã* nơi có TSBĐ; (c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ TSBĐ. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản và 10 ngày đối với động sản. *Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.*

- Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

(ii) Đối tượng áp dụng

Theo đối tượng áp dụng chung của Luật các TCTD.

(iii) Nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện

- Theo đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện Luật các TCTD;

- Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ TSBĐ.

1.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp

Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng áp dụng và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

Theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

1.3. Tác động về giới:

Cả 02 giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

2. Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án

- Các giải pháp đề xuất:

2.1. Giải pháp 1:

(i) Nội dung giải pháp:

Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp:

Theo đối tượng áp dụng Luật các TCTD

(iii) Nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

- Theo đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện Luật các TCTD

- Cơ quan thi hành án

2.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp:

Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách: Theo đối tượng chịu sự tác động và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Tác động về giới:

Cả 02 giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

3. Luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính

- Các giải pháp đề xuất:

3.1. Giải pháp 1:

(i) Nội dung giải pháp:

Quy định sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động:

Theo đối tượng áp dụng theo quy định của Luật các TCTD.

(iii) Đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách

- Theo đối tượng áp dụng theo quy định của Luật các TCTD

- Cơ quan tố tụng và cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động và đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Tác động về giới:

Cả 02 giải pháp không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách không mang tính phân biệt, được áp dụng chung.

III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI KHI TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Qua rà soát, đánh giá cho thấy, các quy định của dự thảo Luật không mang tính phân biệt, được áp dụng chung, do đó, khi các quy định được ban hành sẽ không có các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bình đẳng giới khi triển khai thực hiện.

IV. KẾT LUẬN

Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng đã được Ngân hàng Nhà nước xem xét và đánh giá kỹ lưỡng, đảm bảo không có sự phân biệt về giới tính và đáp ứng nguyên tắc bình đẳng giới.

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTgCP
- Thống đốc NHNN
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h);
- Bộ Tư pháp
- Lưu: VP, PC.PTHLy

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Phạm Quang Dũng



Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) như sau:

Ngân hàng Nhà nước đề nghị xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD bao gồm 03 chính sách sau:

1. Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm

- Các giải pháp đề xuất:

1.1. Giải pháp 1: Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng cho phép TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là TCTD), tổ chức mua bán nợ, xử lý nợ được quyền thu giữ tài sản bảo đảm (TSBĐ).

(i) Nội dung giải pháp:

- TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ. Việc thu giữ TSBĐ chỉ được thực hiện trong trường hợp hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu khi phải xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật. Quy định này nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBĐ đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.

- Quy định về thu giữ TSBĐ không phải là việc thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. Đồng thời, cần quy định về trình tự, thủ tục thu giữ, công bằng, công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bên có nghĩa vụ, TCTD và các bên có liên quan. Cụ thể: để thực hiện được việc thu giữ phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện: (1) Khi xảy ra trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự; (2) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu; (3) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; (4) TSBĐ không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản; (5) TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBĐ, TSBĐ được thu giữ, lý do thu giữ dưới các hình thức: (a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; (b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có TSBĐ; (c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ TSBĐ. Thời hạn thông báo được quy định là 15 ngày đối với bất động sản và 10 ngày đối với động sản. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Đồng thời, để tránh việc lạm dụng quyền thu giữ TSBĐ, cần quy định rõ trong quá trình thu giữ, TCTD không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội; TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD bán nợ.

(ii) Đối tượng áp dụng

Theo đối tượng áp dụng chung của Luật các TCTD.

(iii) Nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện

- Theo đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện Luật các TCTD;
- Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ TSBĐ.

1.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp

Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng áp dụng và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

Theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

1.3. Tác động của thủ tục hành chính:

NHNN đã thực hiện rà soát, theo đó, cả 02 giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính.

2. Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án

- Các giải pháp đề xuất:

2.1. Giải pháp 1:

(i) Nội dung giải pháp:

Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp:

Theo đối tượng áp dụng Luật các TCTD

(iii) Nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

- Theo đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện Luật các TCTD
- Cơ quan thi hành án

2.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp:

Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và nhóm đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

Theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Tác động của thủ tục hành chính:

NHNN đã thực hiện rà soát, theo đó, cả 02 giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính.

3. Luật hóa quy định về hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

- Các giải pháp đề xuất:

3.1. Giải pháp 1: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD

(i) Nội dung giải pháp:

Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật các TCTD theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động: Theo đối tượng áp dụng theo quy định của Luật các TCTD.

(iii) Đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách

- Theo đối tượng áp dụng theo quy định của Luật các TCTD

- Cơ quan tố tụng và cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

3.2. Giải pháp 2:

(i) Nội dung giải pháp: Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

(ii) Đối tượng chịu sự tác động và đối tượng chịu trách nhiệm thực hiện chính sách:

Theo quy định của pháp luật hiện hành

3.3. Tác động của thủ tục hành chính:

Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định: “Thủ tục hành chính” là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Trong khi đó, theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 102 và khoản 1, 3 Điều 107 Hiến pháp, Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp; có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Như vậy, tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân không phải là cơ quan hành chính nhà nước.

Việc hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự được thực hiện theo quy trình tố tụng hình sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân, không thuộc phạm vi quản lý của cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài ra, đối với đề xuất bổ sung quy định về hoàn trả TSBD là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, hiện nay, theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính, việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản không phải là thủ tục hành chính, không quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện.

Do vậy, việc quy định như chính sách 3 về việc hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho bên nhận bảo đảm cũng không phải là thủ tục hành chính.

Trên đây là Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng./.

✍



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Bản so sánh với quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 được đề xuất luật hóa và thuyết minh dự kiến quy phạm hóa chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dự kiến nội dung quy phạm hóa như sau:

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
1	Chính sách 1: Luật hóa quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (TSBD) Quy định về quyền thu giữ TSBD của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CNNHNNg) và tổ chức mua bán, xử lý nợ trong trường hợp xử lý nợ	Điều 7. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng	Bổ sung Điều 198a vào sau Điều 198 Luật Các TCTD năm 2024 như sau: “1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 1. Bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo	Nội dung chính sách này phần lớn kế thừa các quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng (Nghị quyết số 42/2017/QH14), tuy nhiên có bổ sung một số nội dung mới về thu giữ tài sản bảo đảm như sau: (i) Tiếp thu ý kiến của NHTM, NHNN bỏ nội dung “ <i>có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của</i>

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
	xấu, với các nội dung chính sau: - Quyền thu giữ TSBĐ: TCTD, CNNHNNg và tổ chức mua bán, xử lý nợ được quyền thu giữ TSBĐ nếu hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về quyền này. - Điều kiện và trình tự thu giữ TSBĐ: Việc thu giữ TSBĐ không phải thu giữ đơn phương, vô điều kiện mà phải tuân thủ các quy định về phạm vi, giới hạn, điều kiện thu giữ. - Hạn chế để tránh lạm dụng quyền thu giữ: Không được áp dụng biện pháp vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội;	bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này. 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo	<i>bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.</i> Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này. 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên	đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này. 2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi	<i>khoản nợ xấu</i>” tại khoản 1 vì không cần thiết. Quy định tại khoản này chỉ đang đề cập đến nội dung giao TSBĐ, về trách nhiệm giao TSBĐ, pháp luật dân sự và hợp đồng bảo đảm đã có đủ cơ sở để thực hiện theo Điều 301, khoản 6 Điều 320 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015. Chỉ đến khi thực hiện quyền thu giữ TCTD mới cần đáp ứng điều kiện phải có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo thu giữ TSBĐ của khoản nợ xấu. (ii) Bỏ đoạn này vì TSBĐ của khoản nợ xấu đương nhiên là TSBĐ của bên bảo đảm.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
	TCTD chỉ được ủy quyền thu giữ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc TCTD hoặc TCTD bán nợ.	đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự; b) Tại hợp đồng bảo đảm có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật; c) Giao dịch bảo đảm hoặc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký theo quy định của pháp luật;	giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự; b) Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm); c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;	đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự; b) Hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật; (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm); c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;	(iii) Tiếp thu ý kiến của TCTD (iv) Theo quy định của Điều 297 Bộ Luật dân sự năm 2015, khi biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi TSBD và được quyền

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
					thanh toán theo quy định của Bộ luật dân sự và luật khác có liên quan. Do vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, cơ quan chủ trì đề xuất điều chỉnh một trong những điều kiện để TCTD, CNNHNNg, tổ chức mua, bán, xử lý nợ xấu thực hiện quyền thu giữ TSBĐ. Quy định này cũng được điều chỉnh trên cơ sở nghiên cứu Điều 77 Bộ luật Mẫu về Các Giao dịch Bảo đảm của UNCITRAL (UNCITRAL Model Law on Secured Transactions – Luật Mẫu UNCITRAL) quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ TSBĐ (encumbered asset); và Điều khoản 9-609 Bộ luật Thương mại Thống nhất (Uniform Commercial Code - UCC) của Hoa Kỳ về quyền của chủ nợ trong việc thu giữ TSBĐ sau khi bên nợ vi phạm hợp đồng hay Mục 123 của Đạo luật Bảo đảm Tài sản Cá nhân (Personal

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;	d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; là tài sản không trong trường hợp phát sinh tranh chấp và đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý.	d) Tài sản bảo đảm là tài sản không trong trường hợp phát sinh tranh chấp và đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;	Property Securities Act 2009 - PPSA) của Úc quy định về quyền của chủ nợ có bảo đảm trong việc thu giữ tài sản thế chấp khi bên nợ vi phạm hợp đồng. (v) Theo ý kiến của các TCTD, khách hàng có thể phối hợp với Bên thứ ba tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Toà án như một hình thức để đảm bảo sự phù hợp với điều kiện “không có tranh chấp”. Tình trạng này diễn ra khá phổ biến đối với TSBD là bất động sản hoặc đối với động sản giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản... Ngoài ra, có ý kiến cho rằng nên làm rõ tranh chấp là tranh chấp tại khoản điểm này là tranh chấp gì, chỉ nên quy định tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Cũng có ý kiến cho rằng làm thế nào để xác định tài sản đang tranh chấp, có cần thiết phải

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
					có xác nhận của Tòa án hay không. Trong khi đó, việc chỉ quy định “tài sản không bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” cũng đủ cho thấy rằng tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp của đương sự. Ngoài ra, khi quy định về điều kiện TSBĐ không được Tòa án thụ lý cũng dẫn đến tình trạng các bên cố tình tạo ra tranh chấp, chỉ cần có yêu thì tòa án thụ lý nhưng từ lúc thụ lý theo Điều 195 đến thời điểm quyết định đưa vụ án ra xét xử theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự là rất lâu, TCTD khá bị động về thiếu thông tin tiến độ xử lý vụ việc. Đồng thời, theo ý kiến của TCTD, khi bên bảo đảm nộp đơn phá sản và được thụ lý thì tòa án sẽ yêu cầu đình chỉ việc xử lý TSBĐ. Như vậy, việc thu giữ TSBĐ không có nhiều ý nghĩa mà phải chờ việc xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Do vậy, NHNN đề xuất bỏ

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. 3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân	đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. 3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi	đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này. 3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	sung trường hợp “<i>không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản</i>”. (vi) NHINN thay thế “hoàn thành” thành “thực hiện” vì trên thực tế có trường hợp bên bảo đảm/bên đang giữ TSBD có tình trạng trốn tránh không tiếp nhận thông báo từ bên nhận bảo đảm dẫn đến vướng mắc khi bên nhận bảo đảm không nhận thông báo thì có được coi là hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin không. Do vậy, việc sửa cụm từ trên để làm rõ việc bên bảo đảm/bên đang giữ TSBD nhận thông báo không phải là điều kiện để đánh giá việc bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ công khai thông tin hay chưa.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có tài sản bảo đảm; c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm	nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy	ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. <i>Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức theo quy định sau đây:</i> a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; e) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản	(vii) Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định, cơ quan chủ trì bổ sung nội dung làm rõ cơ quan Công an nơi có TSBD là cơ quan Công an cấp xã để đảm bảo phù hợp với tổ chức, bộ máy của cơ quan Công an địa phương sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy. (viii) Bỏ quy định này do việc niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phải do Ủy ban nhân dân thực hiện, TCTD không thể đến yêu cầu niêm yết văn bản

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; d) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.	ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm; d) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện <i>theo thỏa thuận</i> hoặc gửi cho bên bảo đảm, <i>bên thứ ba có liên quan</i> bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.	bảo đảm; đ)-c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người bên đang giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện <i>theo thỏa thuận</i>. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên	thông báo tại Ủy ban. Khoản 2 Điều 13 Luật dân chủ cơ sở chỉ quy định việc niêm yết các thông tin liên quan đến hoạt động của địa phương. Ngoài ra, việc công khai thông tin đã được thực hiện bằng nhiều hình thức khác. (ix) NHNN tiếp thu ý kiến của TCTD do trên thực tiễn, không phải trường hợp nào TCTD cũng biết về việc có bên khác cùng nhận bảo đảm đối với TSBĐ. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của TCTD do dự thảo chưa có quy định về địa chỉ gửi thông báo thu giữ TSBĐ và khắc phục được tình trạng kéo dài do không xác định được chỉ của bên nhận thông báo tại thời điểm gửi hoặc địa chỉ của bên nhận thông báo đã thay đổi mà TCTD không nhận được thông báo thay đổi.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản theo quy định sau đây:	4. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây:	<i>đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp.</i> <i>Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</i> 4. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm (nếu có), tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. Việc công khai thông tin được thực	(x) Tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định, cơ quan chủ trì bổ sung thời hạn thực hiện thủ tục thông báo đối với động sản là chậm nhất 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ TSBD để các TCTD có cơ sở thực hiện và phương thức thông báo để phù hợp với điều kiện thực tế. Đồng thời, NHNN sửa đổi kỹ thuật soạn thảo đề đảm bảo thống

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản trước thời điểm thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm bằng cách gửi theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm.	a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện <i>theo thỏa thuận</i> hoặc gửi cho bên bảo đảm, <i>bên thứ ba có liên quan</i> bằng văn bản trực tiếp <i>hoặc thông qua ủy quyền</i>, dịch vụ bưu chính, <i>phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.</i>"	<i>hiện dưới các hình thức sau đây:</i> a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) <i>Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã</i> nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông	nhất với quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. Tuy nhiên, địa điểm thu giữ TSBD là động sản có thể thay đổi, do đó, trong nhiều trường hợp TCTD có thể sẽ không xác định được chính xác địa điểm thu giữ TSBD

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
				qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác. c) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người bên đang giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho	(xi) Việc sửa đổi, bổ sung quy định này tương tự như quy định về gửi thông báo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, đại diện Ủy ban nhân dân cấp	5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ	<i>bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, bên đang giữ tài sản bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.</i> 5. Chính quyền địa phương các cấp Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi	(xii) Nhằm đảm bảo an ninh, trật tự cũng như sự minh bạch, công khai trong quá trình thu giữ, dự thảo Luật dự kiến quy định về vai trò của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong đó có chính quyền địa phương các cấp và bổ sung làm rõ cơ quan công an là cơ quan công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ). Vai trò của các cơ quan này chỉ dừng lại ở việc xác nhận tình trạng thực tế và đảm bảo an ninh trật tự xã hội khi TCTD thực hiện biện pháp thu giữ, cũng như để ngăn ngừa việc TCTD lạm dụng quyền khi thu giữ, đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm. 6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản	chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm. 6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ. Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua	tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm. 6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ. <i>Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của</i>	hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Việc quy định vai trò của chính quyền địa phương, cơ quan công an khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân tại khu vực thu giữ nói chung. (xiii) Do quyền tài sản của tổ chức, cá nhân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ nên việc thực hiện quyền thu giữ TSBD cũng phải đảm bảo tuân thủ quy trình, thủ tục cũng như đảm bảo không vi phạm điều cấm của pháp luật và không thực hiện các biện pháp trái đạo đức xã hội.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
		bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm. 7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết này.	bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm <i>không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội</i>. 7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu <i>theo quy định tại Luật này</i>”.	<i>pháp luật, trái đạo đức xã hội.</i> 7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Luật này.	(xiv) Tiếp thu ý kiến của Bộ Công an do đã được quy định tại khoản 5 Điều này và thuộc chức năng, nhiệm vụ nói chung của Bộ Công an, không chỉ khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.
2	Chính sách 2: Luật hóa quy định về kê biên TSBĐ của bên phải thi hành án Quy định TSBĐ của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo	Điều 11. Kê biên tài sản bảo đảm của bên phải thi hành án Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi	Bổ sung Điều 198b vào sau Điều 198 Luật Các TCTD năm 2024 như sau: “Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh	Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân	Việc cho phép chấp hành viên kê biên tài sản bảo đảm của bên thi hành án đang thế chấp, cầm cố tại TCTD để bảo đảm cho khoản vay theo quy định tại Luật thi hành án dân sự sẽ ảnh hưởng lớn đến quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, đặc biệt trong trường hợp

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
	đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại TCTD, CNNHN Ng, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.	ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác <i>theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự</i> , trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ <i>hoặc</i> trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.”.	hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự của pháp luật về thi hành án dân sự , trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ <i>hoặc</i> trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	TSBD là tài sản hình thành từ vốn vay hoặc là nguồn thu nhập chính để trả nợ cho TCTD. Nội dung dự kiến quy phạm hóa đối với chính sách này về cơ bản kế thừa quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã phát huy hiệu quả. (i) Tiếp thu ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, NHNN bỏ dẫn chiếu điều khoản cụ thể tại Luật Thi hành án dân sự để tránh phải điều chỉnh Luật này khi Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung, thay thế. (ii) Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 42/2017/QH14, ngoại lệ để cơ quan thi hành án kê biên tài sản bảo đảm của bên thi hành án bao gồm “thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ và trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu”.

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
					Để đảm bảo rõ ràng trường hợp ngoại lệ bao gồm (a) thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; hoặc trường hợp (b) có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. NHNN đề xuất điều chỉnh từ "và" thành từ "hoặc". Việc luật hóa quy định trên của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm khắc phục được khó khăn, vướng mắc của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình nhưng vẫn đảm bảo việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.
3	Chính sách 3: Luật hóa quy định về hoàn trả TSBD là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ	Điều 14. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy	Bổ sung Điều 198c vào sau Điều 198 Luật Các TCTD năm 2024 như sau: "1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét	Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vụ việc vi phạm hành chính	(i) Nội dung dự kiến quy phạm hóa đối với chính sách này kế thừa quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả TSBD là vật chứng trong vụ án hình sự

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
	sung quy định về hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính Quy định sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là TSBĐ của khoản nợ xấu bị tạm giữ,	không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.	thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	và bổ sung quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính. Khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự mới chỉ quy định việc trả lại tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng <i>cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp</i> tài sản đó; hoặc trả lại vật chứng <i>cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp</i> nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có quy định về việc hoàn trả tài sản/vật chứng là TSBĐ <i>cho bên nhận bảo đảm</i> sau khi cơ quan tiến hành tố tụng hoàn tất thủ tục xác định TSBĐ là vật chứng hay không phải vật chứng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quyền xử lý TSBĐ của TCTD (bên nhận bảo đảm) cũng như ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả xử lý nợ xấu của các TCTD, tổ chức mua bán nợ. Do vậy, việc luật hóa

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
	cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là TCTD, CNNHN, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có đề nghị của các chủ thể này.		2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có yêu cầu của các chủ thể này.”.	2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, <u>người ra quyết định tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có yêu cầu của các chủ thể này, nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.</u>	quy định về hoàn trả tài sản là vật chứng trong vụ án hình sự cho bên nhận bảo đảm sẽ giúp khắc phục hạn chế trên. (ii) Ngoài ra, khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính mới chỉ quy định: “đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương đương với nghĩa vụ được bảo đảm...” mà chưa quy định cụ thể trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định không áp dụng hình thức tịch thu đối với tang vật, phương tiện trong vụ việc vi phạm hành chính thì hoàn trả tang vật, phương tiện là TSBD cho bên nhận bảo đảm, dẫn đến việc cơ quan có thẩm quyền hoàn trả tài sản cho chủ tài sản là bên bảo đảm, khiến bên

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
					nhận bảo đảm (TCTD) có thể không còn TSBĐ, gây thiệt hại cho TCTD. Tuy nhiên, trên thực tế phát sinh trường hợp bên thứ 3, bên bảo đảm không giao TSBĐ cho bên nhận thế chấp, điều này cũng có thể xảy ra sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn trả TSBĐ là vật chứng trong vụ án hình sự và hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trong khi đó, về bản chất, Bộ luật dân sự đã ghi nhận quyền của bên nhận thế chấp trong việc yêu cầu bên thế chấp hoặc bên thứ 3 giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ (khoản 5 Điều 323) cũng như quy định trách nhiệm của bên thế chấp trong việc giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý (khoản 6 Điều 320). Đồng thời NHNN, tiếp thu ý kiến của Bộ Công an để đảm bảo phù

STT	TÊN CHÍNH SÁCH	Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14	NỘI DUNG CHÍNH SÁCH TRÌNH CHÍNH PHỦ	NỘI DUNG DỰ THẢO SAU KHI LẤY Ý KIẾN HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ KIẾN QUY PHẠM HÓA
					hợp với quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính Do vậy, việc bổ sung quy định về hoàn trả tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sẽ giúp TCTD, tổ chức mua bán nợ bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của mình.

Trên đây là Bản thuyết minh dự kiến quy phạm hóa chính sách dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng /.





NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA HIỆP HỘI NGÂN HÀNG, VAMC, VCCI, CÁC TCTD VỀ HỒ SƠ
DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Kèm theo Công văn số 2243/NHNN-PC ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
I	ĐƠN VỊ GÓP Ý		NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO LUẬT	
1	Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Public Việt Nam			
2	Ngân hàng TMCP Bản Việt			
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)			
4	Ngân hàng TMCP Phương Đông			
5	Ngân hàng SHBVN			
6	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương			

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
7	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)			
II	Ý KIẾN CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT			
1	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm	Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Bổ sung thuật ngữ “thu giữ và xử lý” thay thế cho thuật ngữ “thu giữ”. Việc luật hóa quy định và sử dụng thuật ngữ “thu giữ và xử lý” sẽ giúp cho TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ nhanh chóng xử lý các khoản nợ xấu gây tắc nghẽn cho nền kinh tế, góp phần ổn định xã hội và phát triển đất nước.	NHNN không tiếp thu. Khái niệm thu giữ tài sản bảo đảm không phải là khái niệm mới mà đã được quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm có hiệu lực thi hành. Nghị quyết số 42/2017/QH14 có sử dụng khái niệm này.
2		Ngân hàng TMCP Á Châu	Bổ sung giải thích từ ngữ “thu giữ”, theo đó khi thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm thì TCTD có được quyền bán để xử lý nợ không? Theo đó ACB kiến nghị khi thu giữ TSBD sẽ bao gồm phạm vi được quyền bán/chuyển nhượng TSBD. Lý do: bổ sung cơ sở pháp lý để TCTD thực hiện.	Dự thảo Luật chỉ luật hóa quyền thu giữ vốn đã được quy định tại Nghị quyết 42/2017/QH14. Còn hoạt động xử lý tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3		Ngân hàng TMCP An Bình	Theo Nghị định 21/2021/NĐ-CP sử dụng thuật ngữ “người quản lý tài sản bảo đảm”, do đó đề <i>thống nhất thuật ngữ</i> trong các văn bản pháp luật ABBANK đề xuất	NHNN không tiếp thu. Thuật ngữ “người quản lý TSBD” được sử dụng trong trường hợp nắm giữ TSBD của biện pháp cầm cố, đặt cọc và ký cược, trong đó nắm giữ tài

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			điều chỉnh cụm “bên giữ tài sản bảo đảm” thành “bên quản lý tài sản bảo đảm”. Việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“TCTD”) tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm (“TSBD”) khi bên bảo đảm, bên quản lý TSBD không bàn giao sẽ gây tổn kém chi phí, do đó ABBANK đề xuất bổ sung trách nhiệm của bên bảo đảm, bên quản lý TSBD về việc chịu chi phí này. Theo đó, ABBANK đề xuất Đơn vị soạn thảo điều chỉnh đoạn thứ hai Khoản 1 Điều 198a Dự thảo thành: “Trường hợp bên bảo đảm, bên quản lý tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này và được nhận lại chi phí thu giữ, các khoản bồi thường thiệt hại khác theo quy định pháp luật từ bên bảo đảm, bên quản lý tài sản.”	sản bảo đảm là việc bên nhận bảo đảm trực tiếp quản lý, kiểm soát, chi phối tài sản bảo đảm hoặc là việc người khác quản lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật nhưng <u>bên nhận bảo đảm vẫn kiểm soát, chi phối được tài sản này</u> (khoản 3 Điều 23 Nghị định 21/2021/NĐ-CP). Đồng thời, Bộ luật dân sự quy định các bên có thể thỏa thuận giao cho người thứ ba giữ tài sản thế chấp (khoản 3 Điều 217) và quy định quyền và nghĩa vụ của người thứ ba giữ tài sản thế chấp, trong đó bao gồm nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp hoặc bên thế chấp theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật (điểm c khoản 2 Điều 324). Ngoài ra, mục tiêu của việc bổ sung quy định tại Điều 198a là để tạo cơ sở pháp lý, xử lý vướng mắc khi Điều 301 Bộ Luật dân sự mới chỉ quy định khi “người đang giữ TSBD” không giao tài sản thì bên nhận bảo đảm có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, dự thảo luật chỉ đề cập đến

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
				trường hợp “người đang giữ TSBĐ”. Đồng thời, dự thảo Luật chỉ quy định về quyền thu giữ TSBĐ, các vấn đề về chi phí, bồi thường thiệt hại, các bên thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành cũng như thỏa thuận của bên phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.
4	1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và	Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	Bộ luật Dân sự 2015 có khái niệm “giấy tờ liên quan tới tài sản cầm cố” và khái niệm “giấy tờ liên quan tới tài sản thế chấp” mà không có khái niệm “giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản”. Do đó, GPBank góp ý Dự thảo theo hướng: “1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ <u>giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm</u> cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm” cho đồng nhất với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành.	NHNN không tiếp thu. Trong cụm từ “ <u>giấy tờ</u> ”, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm” quy định tại dự thảo Luật đã bao gồm khái niệm <u>giấy tờ liên quan</u> tới tài sản được sử dụng làm tài sản bảo đảm, đảm bảo sự thống nhất với quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Nội dung quy định này được kế thừa từ Nghị quyết số 42/2017/QH14, trải qua 07 năm thực hiện và không phát sinh vướng mắc.
5	đảm của khoản nợ xấu và	Ngân hàng TMCP	Nhằm thống nhất cách hiểu và áp dụng, đề nghị bổ sung như sau: “ <i>Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo</i>	NHNN tiếp thu

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.	Ngoại thương Việt Nam	<i>đảm không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.</i>	
6		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Về tổ chức nhận bàn giao hồ sơ TSBĐ: Đề xuất bổ sung thêm “Tổ chức được ủy quyền thu giữ TSBĐ” vào dự thảo hiện tại đang quy định chỉ bao gồm “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ”. Và dùng một thuật ngữ chung cho nhóm đối tượng này là “bên thu giữ TSBĐ” trong toàn văn bản.	Dự thảo Luật chỉ quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm, bên mua bán, xử lý nợ. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn và để tránh mất an ninh, trật tự khi thực hiện thu giữ TSBĐ, khoản 6 Điều 198a dự thảo Luật quy định về việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm. Theo đó, các tổ chức được ủy quyền (tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ; công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng là bên nhận bảo đảm) thực hiện việc thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về ủy quyền. Việc quy định như đề xuất là không cần thiết.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
7		Công ty quản lý tài sản Việt Nam (VAMC)	Dự thảo quy định “Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác <u>có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm</u> ” là chưa phù hợp vì: quy định Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản cho Bên nhận bảo đảm để xử lý không cần phải có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm... trong văn bản thỏa thuận của các bên, vì vậy, đề nghị bỏ nội dung “có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm” tại Khoản 1 Điều 198a Dự thảo.	NHNN điều chỉnh tại dự thảo Luật
8		Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	Với nội dung quy định trên có thể dẫn đến cách hiểu trong nội dung Hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc Bên bảo đảm đồng ý cho Bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu thì Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm mới có nghĩa	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			vụ giao tài sản bảo đảm cho Bên nhận bảo đảm để xử lý. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 301 Bộ luật dân sự 2015 thì: <i>“Người đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này”</i>. Như vậy, theo quy định của pháp luật dân sự, khi xảy ra các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm thì Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm đã có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho Bên nhận bảo đảm để xử lý mà không phải kèm theo điều kiện có thỏa thuận trong Hợp đồng bảo đảm/Văn bản khác. Do đó, nội dung quy định về điều kiện phải có thỏa thuận trong nội dung Hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác về việc Bên bảo đảm đồng ý cho Bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu thì Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm mới có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho Bên nhận bảo đảm để xử lý là không cần thiết vì khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015 thì đây là nghĩa vụ phải thực hiện của Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm. Chính vì vậy, PGBank kiến nghị Ban Soạn thảo xem xét sửa đổi, điều chỉnh lại nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 198a theo hướng bỏ đi điều kiện <i><u>“theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong</u></i>	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<u><i>văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu</i></u> ”, theo đó Khoản 1 sẽ quy định như sau: “1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm ...”.	
9		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung như sau: 1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác <i>có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu</i> và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Lý do: “Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm” và “bên nhận	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<i>bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu” là 2 nội dung khác nhau. Điều 301 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Người đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này”, theo đó người đang giữ tài sản bảo đảm có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo đảm để xử lý theo quy định pháp luật mà không phụ thuộc việc có hay không có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm.</i>	
10		Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Theo nội dung nêu trên nguyên tắc cơ bản để giao tài sản bảo đảm là các bên phải có thoả thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng hoặc sau thời điểm này, tuy nhiên Khoản 1 Điều 299 Bộ Luật dân sự 2015 về các trường hợp được xử lý tài sản bảo đảm có quy định “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”, điều này <i>cho thấy pháp luật có cho phép được xử lý tài sản bảo đảm khi bên bảo đảm không thực hiện nghĩa vụ, thực hiện không đúng nghĩa vụ, vì vậy không nhất thiết phải được sự thoả thuận của bên bảo đảm thì mới có cơ sở để thu giữ tài sản bảo đảm và thực tế có rất nhiều khoản nợ xấu phát sinh tuy nhiên không thể áp dụng được việc thu giữ</i>	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			tài sản bởi lẽ tại Hợp đồng bảo đảm chưa lường và chưa quy định được cụ thể nội dung “thỏa thuận” và đến khi phát sinh nợ thì bên bảo đảm ít khi hợp tác, hoặc bên bảo đảm không còn tồn tại, không tìm được chủ thể,... để thỏa thuận và thu hồi xử lý được tài sản. Do đó kiến nghị bổ sung thêm cơ chế cho những trường hợp đặc thù nêu trên.	
11		Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	MB đề xuất bỏ điều kiện “theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu”. Lý do đề xuất: Sau khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực thì phần lớn các hợp đồng bảo đảm do các Ngân hàng ký kết bên bảo đảm không thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm do Bộ luật dân sự 2015 không quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (“TSBD”). Nếu hợp đồng bảo đảm có quy định này thì một số tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm cũng yêu cầu phải bỏ khỏi hợp đồng thì mới thực hiện công chứng, đăng ký vì cho rằng thỏa thuận như vậy là trái luật. Trong các trường hợp này, việc Ngân hàng thỏa thuận với bên bảo đảm tại văn bản khác để được quyền thu giữ	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			TSBD không thể thực hiện được do khách hàng, bên bảo đảm không hợp tác, không đồng ý thỏa thuận. Do vướng mắc của quy định pháp luật và thực tiễn như trên, MB đề xuất trường hợp hợp đồng bảo đảm đã thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự 2015 thì bên nhận bảo đảm được thu giữ TSBD để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tổ chức tín dụng ("TCTD").	
12	2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Thu giữ tài sản bảo đảm là biện pháp xử lý nợ có ý nghĩa tác động mạnh mẽ đến ý chí trả nợ của Khách hàng/Bên bảo đảm và mang lại hiệu quả cao trong quá trình xử lý nợ, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét bỏ điều kiện: <i>"trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc Bên bảo đảm đồng ý cho Bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu"</i> vì đã xác định thu giữ là quyền của Bên nhận bảo đảm.	NHNN không tiếp thu. NHNN giữ nguyên quy định tại dự thảo gửi xin ý kiến nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBD đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.
13	a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Đề xuất bỏ điều kiện về việc có thỏa thuận về quyền thu giữ trong HĐBD	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
14		Ngân hàng TMCP Kiên Long	Thực tế, các trường hợp phải xử lý TSBD sẽ được các bên (Tổ chức tín dụng (TCTD) và bên bảo đảm) thỏa thuận cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm. Do đó đề nghị sửa Dự thảo về điều kiện thu giữ TSBD như sau: <i>“Khi xảy ra trường hợp phải xử lý TSBD theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản thỏa thuận khác giữa TCTD và Bên bảo đảm”.</i>	Khoản 3 Điều 299 Bộ luật dân sự đã quy định trường hợp xử lý tài sản bảo đảm bao gồm trường hợp khác do các bên thỏa thuận hoặc luật có quy định. Do vậy, quy định như đề xuất là không cần thiết.
15	b) Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm);	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Hiệp hội Ngân hàng	Lược bỏ cụm “Bên bảo đảm đồng ý cho” tại Khoản 1 và điểm b khoản 2. Lý do: Phù hợp với nguyên tắc thỏa thuận: khi ký vào thỏa thuận là mặc nhiên đồng ý nên không cần thiết ghi nội dung đề xuất gạch bỏ.	NHNN tiếp thu một phần về việc bỏ nội dung như đề xuất tại khoản 1 Điều 198a dự thảo Luật. Đối với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 198a, NHNN giữ nguyên quy định tại dự thảo gửi xin ý kiến nhằm bảo đảm việc thu giữ TSBD đảm bảo tôn trọng quyền tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận giữa các bên, phù hợp quy định của Hiến pháp và Bộ luật dân sự 2015.
16		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung như sau: “b) Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác <u>có thỏa thuận về việc bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm</u> của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo	Về cơ bản, đề xuất lời văn không khác với nội dung quy định tại dự thảo. Về nguyên tắc, quyền thu giữ TSBD chỉ được thực hiện khi bên bảo đảm thực hiện quyền định đoạt đối với tài sản của mình thông qua

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đảm theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm)".	việc thể hiện ý chí/chấp thuận về việc bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật
17			Kiến nghị điều chỉnh thành: Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là <u>hợp đồng bảo đảm</u>) có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật	NHNN tiếp thu.
18		Ngân hàng HSBC Việt Nam	Đề xuất bổ sung cụm từ "chiếm hữu" hoặc thỏa thuận về nghĩa vụ "chuyển giao" hoặc "chuyển giao quyền chiếm hữu" vào nội dung liên quan đến một trong các điều kiện để thực hiện việc thu giữ theo đề xuất của NHNN như sau: "b) Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ, chiếm hữu tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu hoặc bên bảo đảm đồng ý sẽ chuyển giao hoặc chuyển giao quyền chiếm hữu tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cho bên nhận bảo đảm ".	NHNN không tiếp thu. Về bản chất, khoản 4 Điều 237 Bộ luật Dân sự quy định quyền sở hữu chấm dứt trong trường hợp tài sản bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu. Như vậy, cho đến thời điểm TSBD bị xử lý (theo các phương thức quy định tại Điều 303 Bộ luật Dân sự), bên bảo đảm vẫn là chủ sở hữu TSBD. Việc bên bảo đảm/bên đang giữ TSBD đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ TSBD để bên nhận bảo đảm xử lý TSBD theo quy định của pháp luật. Việc bổ sung quy định về chiếm hữu

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
				không có nhiều ý nghĩa do khoản 1 Điều 188 Bộ luật Dân sự đã quy định “khi chủ sở hữu giao tài sản cho người khác thông qua giao dịch dân sự mà nội dung không bao gồm việc chuyển quyền sở hữu thì người được giao tài sản phải thực hiện việc chiếm hữu đó phù hợp với mục đích, nội dung của giao dịch”.
19	c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Sửa lại là: “c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” để phù hợp với quy định tại Bộ luật dân sự, Nghị định 21/2021/NĐ-CP	NHNN tiếp thu
20		Ngân hàng TMCP Á Châu	Đối với quy định “c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;” Đề nghị Bổ sung hướng dẫn trong trường hợp 2 TCTD nhận thế chấp tài sản. Lý do: bổ sung cơ sở pháp lý để TCTD thực hiện.	NHNN không tiếp thu. Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp phải xử lý tài sản để thực hiện một nghĩa vụ đến hạn thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn đều được coi là đến hạn và tất cả các bên cùng nhận bảo đảm đều được tham gia xử lý tài sản. Bên nhận bảo đảm đã thông báo về việc xử lý tài sản có trách nhiệm xử lý tài sản, nếu

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
				các bên cùng nhận bảo đảm không có thỏa thuận khác. Trường hợp các bên muốn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn thì có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm dùng tài sản khác để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn”. Ngoài ra, điểm a khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự quy định: “Trường hợp các biện pháp bảo đảm đều phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì thứ tự thanh toán được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng”. Do vậy, trong trường hợp tài sản bảo đảm được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ tại 2 TCTD thì thứ tự thanh toán sẽ được xác định theo thứ tự xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba.
21	d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải	Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Giới hạn lại “tài sản tranh chấp trong vụ án” phải là tranh chấp trực tiếp liên quan đến quyền sở hữu tài sản này, bởi lẽ việc tranh chấp liên quan đến tài sản có nhiều loại tranh chấp về quyền và nghĩa vụ các bên trong thực hiện hợp đồng như cho thuê, mượn, ... tuy nhiên, chỉ có tranh chấp	NHNN đã điều chỉnh theo hướng quy định rõ các điều kiện thu giữ tài sản bảo đảm tại điểm d khoản 2 Điều 198a như sau: “ <i>tài sản bảo đảm không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không</i>

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật;		về quyền sở hữu là trực tiếp ảnh hưởng đến quyền định đoạt tài sản đảm bảo cần phải chờ phán quyết của Tòa.	<i>đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản”.</i>
22	đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam VietinBank	Về điều kiện “TSBĐ không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật”: Đề nghị NHNN xem xét quy định rõ tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp về quyền sở hữu TSBĐ để đảm bảo tính thống nhất trong việc hiểu và xác định điều kiện thu giữ TSBĐ, tránh việc bên bảo đảm lợi dụng quy định này cố tình tạo ra một tranh chấp bất kỳ liên quan đến TSBĐ nhằm ngăn cản TCTD thực hiện quyền thu giữ. Tại “Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các ngân hàng thương mại”, NHNN đã ghi nhận “NHNN sẽ nghiên cứu và lấy ý kiến Tòa án nhân dân tối cao trong quá trình hoàn thiện dự thảo”. VietinBank nhận thấy đề xuất của VietinBank về việc cần quy định rõ tranh chấp về TSBĐ là tranh chấp về quyền sở hữu TSBĐ cũng tương đồng với kiến nghị của nhiều ngân hàng thương mại như VPBank, Vietcombank, United Overseas Bank... Do đó, kính đề nghị NHNN tiếp	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			tục xem xét và có quan điểm theo hướng đồng thuận trong quá trình lấy ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao về nội dung này	
23		Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Tại Công văn góp ý lần 1, TPBank đề xuất điều chỉnh điều kiện đối với tài sản tại điểm d khoản 2 Điều 198a theo hướng: <i>"TSBĐ không phải là tài sản đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật"</i>. Tại bản tổng hợp ý kiến của NHTM, NHNN nhận định: <i>"Theo quy định tại khoản 6, 7, 8 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đối với các tài sản đang tranh chấp trong quá trình giải quyết tranh chấp về dân sự phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, gồm: kê biên, cấm chuyển dịch quyền tài sản, cấm thay đổi hiện trạng. Vì vậy, để thống nhất với quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự tại dự thảo Luật giữ nguyên điều kiện thu giữ tài sản bảo đảm là "Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý..." "</i> TPBank tiếp thu ý kiến của NHNN, tuy nhiên trình bày thêm rằng: biện pháp khẩn cấp tạm thời không đương nhiên áp dụng trong tất cả các vụ án được tòa án thụ lý	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<i>mà chỉ áp dụng khi có yêu cầu của đương sự, cá nhân, tổ chức có liên quan hoặc do Tòa án tự mình quyết định. Mặt khác, theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khách hàng chỉ cần chứng minh được quyền khởi kiện của mình theo Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự và yêu cầu khởi kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nơi nhận đơn là Tòa án có thể thụ lý đơn theo quy định tại điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự là khá lâu. Trong thời gian này Tòa án sẽ thực hiện các nghiệp vụ để xác minh các tình tiết của vụ án theo quy định pháp luật, theo đó, <u>không phải trường hợp nào sau khi thụ lý thì Tòa án cũng quyết định đưa vụ án ra xét xử.</u></i> <i>Nếu chỉ quy định điều kiện “Tài sản bảo đảm không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết”, khách hàng có thể phối hợp với Bên thứ ba tạo ra tranh chấp và đưa sự việc ra giải quyết tại Tòa án như một hình thức lách điều kiện “không có tranh chấp” này. Việc này diễn ra khá phổ biến và dễ dàng đối với tài sản bảo đảm là bất động sản hoặc đối với động sản giữa chủ tài sản và người có quyền hưởng dụng phát sinh trên cơ sở hợp đồng thuê, mượn tài sản...</i>	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Như vậy, để đảm bảo hoạt động thu giữ không vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, các điều kiện khác mà TCTD phải tuân thủ tại Dự thảo đã chặt chẽ và rõ ràng, nên xem xét lại điều kiện tại điểm d này để tránh Khách hàng chây ỳ lách điều kiện này khiến cho tranh chấp phát sinh và việc xử lý tài sản bảo đảm kéo dài tương tự thực trạng hiện nay. TPBank đề xuất bỏ quy định “<i>tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết</i>” tại Dự thảo hoặc điều chỉnh theo hướng: “<i>TSBĐ không phải là tài sản đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời</i>” để tạo điều kiện thuận lợi cho TCTD áp dụng quyền thu giữ TSBĐ trên thực tế.	
24		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Đề xuất làm rõ tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại khoản 2d (Điều kiện thu giữ): Quy định này, trên thực tế đã dẫn đến nhiều cách hiểu về tài sản tranh chấp giữa các cơ quan tổ tụng tại nhiều nơi, nhiều cấp khác nhau, gây khó khăn trong việc xác định TSBĐ đủ điều kiện thu giữ. Theo đó, đề xuất làm rõ tại nội dung này tại Điều khoản về thu giữ này.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
25		Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	Khoản 2 Điều 198a Dự thảo hiện là tương tự so với quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14. Trên thực tiễn trước đây khi áp dụng quy định này phát sinh một số trường hợp Bên bảo đảm tạo một sự kiện pháp lý ảo, không có thật với chủ thể thứ ba để tạo tranh chấp yêu cầu Tòa án xử lý. Việc này gây khó khăn, trở ngại, kéo dài và làm cho quyền thu giữ tài sản bảo đảm của các tổ chức tín dụng không được thực hiện hoặc chậm được thực hiện. Do đó, GPBank đề xuất Ban soạn thảo chỉnh sửa Điều d, Khoản 2 Điều 198a Dự thảo theo hướng: d) Tài sản bảo đảm không phải là tài sản đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật” để phù hợp với thực tiễn	
26		Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Với yêu cầu công bố thông tin từ 10 đến 15 ngày theo khoản 3 và 4 Điều 198a, trong trường hợp khách hàng vay muốn trì hoãn việc thu giữ tài sản có thể khởi kiện vụ án tại Tòa để tài sản đảm bảo trở thành tài sản tranh chấp trong vụ án. Do đó, Vikki Bank kiến nghị nên loại trừ đối với trường hợp vụ án tranh chấp được Tòa thụ lý trong thời gian tổ chức tín dụng thực hiện thực hiện nghĩa vụ	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			công khai thông tin theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 198a.	
27		Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Trường hợp TCTD đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định về việc thu giữ TSBD, sau đó Tòa án mới thụ lý để giải quyết tranh chấp đối với TSBD này thì TSBD này vẫn thuộc trường hợp được thu giữ. Việc này sẽ giúp hạn chế phát sinh các tranh chấp giả do các bên tạo ra nhằm kéo dài quá trình xử lý TSBD.	
28		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Xem xét điều chỉnh theo hướng: TSBD không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án tranh chấp quyền sở hữu tài sản đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền; không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật. Lý do: Hiện nay có 2 cách hiểu đối với vụ kiện TCTD yêu cầu khách hàng trả nợ: (i) quan điểm thứ nhất cho rằng TSBD trong vụ việc này không phải là tài sản tranh chấp trong vụ án do đây là vụ kiện đòi nợ, chứ không phải tranh chấp trực tiếp về TSBD; (ii) quan điểm thứ hai cho rằng TSBD trong vụ kiện này là tài sản tranh chấp trong vụ án. Do đó, cần thiết làm rõ TSBD trong vụ kiện dân sự TCTD	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đòi nợ khách hàng có được coi là tài sản tranh chấp trong vụ án hay không.	
29			Đề nghị bổ sung vào điểm d: “Trường hợp là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết hoặc đang được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền thì <i>phương án thu giữ phải được Tòa án có ý kiến đồng ý bằng văn bản</i>”. Lý do: Hiện có nhiều trường hợp KH bỏ trốn ra nước ngoài và NH phải khởi kiện KH ra tòa án tuy nhiên thời gian tố tụng kéo dài theo cần thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp trước khi mở phiên tòa xét xử Trong khi có một số TSBĐ của khoản nợ xấu là (các) đất trống có thể thu giữ để xử lý thu hồi nợ sớm hơn so với thời gian chờ bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định trên tạo cơ sở pháp lý cho TCTD có thể linh hoạt hơn với việc kết hợp biện pháp tố tụng và biện pháp thu giữ.	Cơ chế thu giữ TSBĐ để xử lý TBBĐ là cơ chế xử lý ngoài toà. Trường hợp Tòa án đã thụ lý thì việc xử lý tài sản đó được thực hiện theo quyết định, bản án có hiệu lực.
30		Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Các cơ quan tiến hành tố tụng tại nhiều nơi, nhiều cấp còn có cách hiểu khác nhau về <i>tài sản tranh chấp</i> , tài sản đang phải áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, gây khó khăn cho TCTD khi áp dụng quy định về thu giữ tài sản theo Nghị quyết số 42.	Tiếp thu đề xuất của TPBank tại STT 24 về việc thay thế điều kiện “tài sản tranh chấp trong vụ án đã được thụ lý nhưng chưa được giải quyết” thành “tài sản bảo đảm không phải là tài sản đang bị Tòa án

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Do đó đề nghị Dự thảo quy định rõ đối với tài sản đang tranh chấp thì các TCTD có phải yêu cầu Tòa án có văn bản xác nhận việc tài sản bảo đảm là tài sản có hay không đang tranh chấp hay không? Nếu phải thực hiện sẽ tăng thêm thủ tục cho các TCTD khi thực hiện quyền thu giữ TSBD).	áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” bởi về bản chất, quy định này cũng thể hiện tài sản đang trong quá trình tranh chấp. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật tố tụng Dân sự, khi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án có trách nhiệm thông báo cho các bên liên quan. Điều này giúp xử lý vướng mắc trong việc xác định được thế nào là tài sản đang tranh chấp.
31		Ngân hàng TMCP Kiên Long	Việc quy định phải công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ TSBD đối với TSBD là động sản sẽ không phù hợp (ví dụ TSBD là phương tiện...) do không xác định được thời gian và địa điểm cụ thể của TSBD khi thu giữ. Do đó đề nghị sửa Dự thảo theo hướng nội dung về thời gian, địa điểm thu giữ TSBD không bắt buộc phải công khai, cụ thể sửa như sau: “TCTD, tổ chức mua bán xử lý nợ đã hoàn thành nghĩa vụ công khai thông tin về việc thực hiện quyền thu giữ TSBD, thời gian, địa điểm thu giữ TSBD (nếu có).....”.	NHNN tiếp thu và bổ sung tại khoản 4 Điều 198a dự thảo Luật.
32	3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng,	Ngân hàng TMCP Nam Á	Cần làm rõ thời điểm bắt đầu tính thời hạn 15 ngày là mốc thời gian kể từ lúc nào trong 4 hình thức thông báo về việc thu giữ TSBD	Dự thảo Luật đã quy định thời hạn “15 ngày <u>trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản</u> ”.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây:	(Nam A Bank)		
33	c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản bảo đảm;	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	Đề xuất bỏ quy định “Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã”. Dự thảo Luật đã quy định rất nhiều thủ tục thông báo: Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an nơi có TSBD; Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ TSBD. Do đó, niêm yết văn bản tại trụ sở UBND xã là không cần thiết và việc bỏ quy định này không ảnh hưởng đến quyền lợi và quyền được cung cấp thông tin đầy đủ của các khách hàng và các bên liên quan khác.	NHNN tiếp thu theo hướng bỏ quy định về việc niêm yết văn bản thông báo tại UBND cấp xã nhưng có quy định về việc gửi văn bản thông báo cho UBND cấp xã và Công an cấp xã nơi có TSBD.
34		Ngân hàng TMCP Ngoại	Kiến nghị bỏ nội dung “c) Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã”. Điều 198a.3 quy định về trách nhiệm công khai thông tin của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
		thương Việt Nam	Tuy nhiên, việc niêm yết văn bản thông báo là trách nhiệm của UBND, không phải của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.	
35	d) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện <i>theo thỏa thuận</i> hoặc gửi cho bên bảo đảm, <i>bên thứ ba có liên quan</i> bằng văn bản trực tiếp <i>hoặc thông qua ủy quyền</i> , dịch vụ bưu chính, <i>phương tiện điện tử hoặc phương thức khác</i> .	Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Đề xuất bỏ nội dung TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải thông báo cho “người giữ TSBD” vì đây là chủ thể khó xác định được thông tin nhân thân, địa chỉ cư trú và rất khó xác định được chính xác chủ thể đang giữ TSBD	Về việc thống nhất chủ thể nhận thông báo, NHNN tiếp thu và chỉnh sửa thống nhất tại dự thảo. Dự thảo Luật không quy định việc bên vay/bên bảo đảm đã nhận được thông báo của TCTD như một điều kiện để thực hiện thu giữ. Đồng thời, dự thảo đã quy định phương thức thông báo được thực hiện <u>theo thỏa thuận</u> hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc <u>phương thức khác</u> . Do vậy, không cần thiết bổ sung như đề xuất. Tuy nhiên, NHNN điều chỉnh theo hướng quy định tương tự về thông báo xử lý TSBD theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.
36		Hiệp hội Ngân hàng	Đề nghị ban soạn thảo xem xét bổ sung hình thức thông báo trong trường hợp bên bảo đảm cố tình bỏ trốn hoặc thay đổi địa chỉ để trốn tránh việc nhận thông báo, cụ thể như sau: “ <i>Trường hợp bên nhận bảo đảm gửi thông báo đến đúng địa chỉ do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không có người nhận, TCTD vẫn có quyền thu giữ và xử lý tài sản nếu đã thực hiện đầy đủ thủ tục đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và gửi văn bản thông báo đến UBND cấp xã nơi có TSBD, niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở UBND cấp xã nơi có TSBD</i> ”.	
37		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Về thủ tục thông báo cho Bên bảo đảm: bổ sung hình thức thông báo (để cho trường hợp bên bảo đảm cố tình bỏ trốn hoặc thay đổi địa chỉ dẫn đến ko có người nhận), như sau: khi bên nhận bảo đảm gửi thông báo đến đúng địa chỉ do	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng không có người nhận, TCTD vẫn có quyền thu giữ, xử lý tài sản nếu đã thực hiện đầy đủ quy định về thông báo, niêm yết,.. tại khoản 3, 4 Điều này. Hoặc có thể quy định bổ sung thêm thủ tục đăng thông báo thu giữ/ xử lý tài sản trên phương tiện thông tin đại chúng (báo/đài phát thanh/truyền hình trung ương 2 hoặc 3 số liên tiếp) nếu không có người nhận.	
38			Dự thảo chưa quy định rõ về việc thông báo đến địa chỉ nào của Bên bảo đảm. Đề xuất bổ sung rõ.	NHNN tiếp thu.
39		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Quy định của Dự thảo Luật chưa nêu rõ về địa chỉ gửi thông báo thu giữ TSBĐ để bảo đảm tính khả thi, thống nhất các quy định của pháp luật và khắc phục được tình trạng kéo dài do không xác định được chỉ của bên nhận thông báo tại thời điểm gửi hoặc địa chỉ của bên nhận thông báo đã thay đổi mà TCTD không nhận được thông báo thay đổi. Đề nghị quy định tương tự như việc gửi Thông báo xử lý tài sản bảo đảm theo Khoản 2 Điều 51 Nghị định 21/2021/NĐ-CP. Theo đó, địa chỉ của bên bảo đảm là địa chỉ do bên bảo đảm cung cấp, trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm. Lý do: Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ: Điều 51. Thông báo xử lý tài sản bảo đảm 2. Phương thức thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì bên nhận bảo đảm gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp. Trường hợp bên bảo đảm thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm được xác định theo địa chỉ đã được bên bảo đảm cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm. Để đảm bảo thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị wording lại phương thức thông báo theo Khoản 2 Điều 51 ND 21 Quy định thi hành bộ luật dân sự	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. (ND tại Khoản 2 Điều 51 NB 21 rõ ràng và dễ hiểu hơn so với dự thảo).	
40			Dự thảo có bổ sung 2 đối tượng: “bên cùng nhận bảo đảm” và “bên thứ ba có liên quan”, trong đó “bên thứ ba có liên quan” không có hướng dẫn xác định. Đề nghị làm rõ, “bên thứ ba có liên quan” bao gồm những đối tượng nào? Trường hợp “bên thứ ba có liên quan” để thay thế cho cụm “bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm” phía trên thì tổ dự thảo cần nhắc việc không sử dụng cụm từ thay thế như dự thảo để tránh vướng mắc trong việc xác định “bên thứ ba có liên quan”.	NHNN tiếp thu và điều chỉnh theo hướng: “Thông báo cho <u>bên bảo đảm</u> và <u>bên đang giữ tài sản bảo đảm</u> . Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ gửi trực tiếp văn bản thông báo cho <u>bên bảo đảm</u> , <u>bên đang giữ tài sản bảo đảm</u> hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do <u>bên bảo đảm</u> , <u>bên đang giữ tài sản bảo đảm</u> cung cấp”.
41		Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Chúng tôi hiểu rằng theo tinh thần tại điểm d Khoản 3 Điều 198a các tổ chức tín dụng (TCTD) sẽ phải thực hiện thông báo cho: <u>bên bảo đảm</u> , <u>bên cùng nhận bảo đảm</u> , <u>người giữ tài sản bảo đảm</u> . Tuy nhiên, nội dung phía sau lại ghi nhận gửi thông báo cho “bên thứ ba có liên quan” là chưa thực sự thống nhất. Ngoài ra, việc quy định như trên có thể gây nhiều cách hiểu khác nhau khi xác định “bên thứ ba có liên quan”. Thực tế nghiệp vụ, các TCTD có thể xác định “bên thứ ba có liên quan” thông qua các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản bảo đảm mà các TCTD	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đã được cung cấp. Trong các trường hợp khác (mỗi liên hệ không được thể hiện tại các hồ sơ, tài liệu) có thể gây khó khăn cho các TCTD trong việc xác định “bên thứ ba có liên quan”, dẫn đến việc không đáp ứng được yêu cầu về việc gửi thông báo theo quy định tại Dự thảo. Đề xuất: Để đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng, Cơ quan soạn thảo xem xét làm rõ nội dung này theo hướng: (i) Sửa đổi nội dung trên tại Dự thảo như sau: “<i>Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, <u>bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm</u> bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác</i>” hoặc (ii) Bổ sung quy định/hướng dẫn để làm rõ cách thức xác định “bên thứ ba có liên quan”.	
42	4. <i>Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản</i> , tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Xem xét giảm thời gian từ 10 ngày xuống 03 ngày. TCTD có quyền thu giữ tài sản bảo đảm theo thỏa thuận giữa các bên và quy định pháp luật. Việc quy định công bố trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản quá dài có thể dẫn đến việc tẩu tán tài sản, giảm hiệu quả của việc xử lý TSBD.	NHNN không tiếp thu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 300 Bộ luật Dân sự, trước khi xử lý TSBD, bên nhận bảo đảm phải thông báo bằng văn bản trong một thời gian hợp lý về việc xử lý TSBD cho bên bảo đảm và các bên nhận

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
43	ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	Vì TSBĐ là động sản, Chủ TSBĐ/khách hàng rất dễ tẩu tán/che dấu gây khó khăn cho việc thu giữ Vì vậy, SeABank đề xuất Ban soạn thảo sửa đổi nội dung là không công khai thông tin trước thu giữ mà chỉ quy định trách nhiệm thông báo trước của Ngân hàng với Chủ TSBĐ/khách hàng về việc nếu khách hàng không trả nợ đúng thời hạn thì Ngân hàng sẽ toàn quyền thu giữ và xử lý TSBĐ theo quy định Trường hợp không luật hóa được quy định như trên, SeABank đề nghị giữ nguyên như Khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 42, cụ thể: <i>"4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản theo quy định sau đây:</i> <i>a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm;</i> <i>b) Thông báo cho bên bảo đảm bằng văn bản trước thời điểm thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm bằng cách gửi theo đường bưu điện có bảo đảm đến địa chỉ của bên</i>	bảo đảm khác. Bản chất của việc thu giữ TSBĐ là để xử lý TSBĐ. Do vậy, cũng cần có thông báo trước về việc thu giữ TSBĐ. Quy định về thời gian thông báo cũng là điều kiện để bên có nghĩa vụ biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan đến TSBĐ. NHNN tham khảo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, thời hạn thông báo về việc xử lý TSBĐ được thực hiện trong thời hạn hợp lý, nhưng trước ít nhất 10 ngày đối với động sản hoặc trước ít nhất 15 ngày đối với bất động sản.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.		<i>bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm hoặc gửi trực tiếp cho bên bảo đảm."</i>	
44		Ngân hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Đối với động sản thì việc thu giữ tài sản bảo đảm gặp nhiều thách thức hơn so với bất động sản về việc xác định đối tượng, địa điểm liên quan. Cụ thể: - Nếu thông báo trước 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ thì rủi ro rất cao khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm như thông báo thì chủ tài sản đã tẩu tán, di chuyển tài sản. Thực tiễn ngay cả khi xét xử tại tòa, nếu chủ tài sản không cung cấp thông tin nơi cất giữ tài sản thì cả TCTD và cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng khó tìm thấy tài sản. - Đối với một số biện pháp bảo đảm như thế chấp động sản, TCTD không biết người giữ TSBĐ là ai nếu chủ TSBĐ không phối hợp cung cấp thông tin để giao tài sản cho TCTD, do đó việc TCTD phải hoàn thành nghĩa vụ thông báo cho người giữ TSBĐ là không khả thi. - Không phải trường hợp nào TCTD cũng biết về việc có bên khác cùng nhận bảo đảm đối với TSBĐ. TPBank đề xuất điều chỉnh Khoản 4 Điều 198a Dự thảo thành: <u>Chậm nhất là 01 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản</u>, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây: a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm và <u>bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm (trường hợp có thông tin)</u>. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác.	
45		Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	Việc thu giữ tài sản đảm bảo là việc phức tạp, có thể ảnh hưởng đến an ninh trật tự, lan truyền thông tin không chính xác... do đó, GPBank đề xuất Ban soạn thảo bổ sung việc gửi thông báo cho công an cấp xã nơi có tài sản đảm bảo: "a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho ủy ban nhân dân cấp xã, <u>công an cấp xã</u> nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm"	NHNN tiếp thu và điều chỉnh tương tự quy định tại khoản 3 Điều này.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
46		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Bổ sung thông báo cho cơ quan công an cấp xã về nội dung thu giữ để phối hợp khi các thủ tục tiếp theo khi thu giữ tài sản: “Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã và <u>Cơ quan công an cấp xã (nếu cần sự hỗ trợ)</u> nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm”.	
47			Khoản 3 và Khoản 4 Điều 198a đều quy định về việc công khai thông tin, chỉ khác đối tượng tài sản là BĐS và động sản. Để dễ theo dõi cho người đọc, đề nghị thống nhất cấu trúc của 2 khoản này. Khoản 4 chưa quy định về thông tin cần công khai (bổ sung tương tự Khoản 3): “4. <i>Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm, thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ theo quy định sau đây:</i> a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình; b) Gửi thông báo về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bên bảo đảm	NHNN tiếp thu và điều chỉnh tại dự thảo Luật.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm; b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm Phương thức thông báo về việc thu giữ tài sản bảo đảm thực hiện theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì bên nhận bảo đảm gửi trực tiếp văn bản thông báo cho bên bảo đảm, và bên cùng nhận bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác đến địa chỉ được bên bảo đảm cung cấp.”	
48		Ngân hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”)	Trên thực tiễn, không phải trường hợp nào TCTD cũng biết về việc có bên khác cùng nhận bảo đảm đối với TSBD. TPBank đề xuất điều chỉnh Dự thảo thành: “<u>Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm (trường hợp có thông tin)</u>, người giữ tài sản bảo đảm. Phương thức thông báo được thực hiện theo thỏa thuận hoặc gửi cho bên bảo đảm, bên thứ ba có liên quan bằng văn bản trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền, dịch vụ bưu chính, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác”	NHNN tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo theo hướng bên nhận bảo đảm thông báo cho bên bảo đảm và bên đang giữ tài sản bảo đảm; bỏ “bên cùng nhận bảo đảm”.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
49		Hiệp hội Ngân hàng	Đề nghị ban soạn thảo xem xét bổ sung “ <i>bên cùng nhận bảo đảm (nếu có)</i> ” do hiện nay pháp luật không quy định tất cả giao dịch bảo đảm phải đăng ký hoặc công khai nên TCTD không có công cụ để xác định tất cả các bên cùng nhận bảo đảm. Ngoài ra, TCTD chỉ được thu giữ TSBĐ nếu đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba, tức là TCTD được quyền ưu tiên xử lý TSBĐ trước; việc niêm yết thông báo thu giữ tại trụ sở UBND cấp xã và các trang thông tin điện tử đã đảm bảo công khai đầy đủ thông tin.	
50		Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Đề xuất bổ sung từ “(nếu có)” vào sau cụm từ “và bên cùng nhận bảo đảm”: “4. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về việc tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định sau đây: [...] b) Thông báo cho bên bảo đảm và bên cùng nhận bảo đảm (nếu có),...”	
51	5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ	Ngân hàng TMCP Kỹ	Quy định rõ là “UBND cấp xã” thay vì “Chính quyền địa phương các cấp” chung chung như dự thảo, khó phân định trách nhiệm.	NHNN tiếp thu. Tuy nhiên, đối với việc bổ sung cụm từ “trách nhiệm”, NHNN không tiếp thu.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.	Thương Việt Nam	+ Khoản 5: bên cạnh UBND cấp xã thì bổ sung thêm "CQCA cấp xã" thực hiện chứng kiến và ký BBTG; Đồng thời kiến nghị bổ sung từ "trách nhiệm" vào điều khoản này để tăng vai trò/trách nhiệm của CQNN: "Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã/CQCA cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm có trách nhiệm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm."	Theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 22 Luật tổ chức chính quyền địa phương, ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn trong việc tổ chức thi hành hiến pháp và pháp luật ở địa phương; bảo đảm về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn; thực hiện quản lý hành chính.... phục vụ nhân dân. Do vậy, việc bổ sung cụm từ "trách nhiệm" là không cần thiết, dễ nhầm lẫn về vai trò của UBND và cơ quan công an cấp xã.
52			Việc chứng kiến/ký trên biên bản thu giữ: bổ sung cách thức/quyền TCTD được sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng ghi nhận việc thu giữ tài sản bảo đảm. (nội dung này cũng đã được bổ sung vào Dự thảo Luật TCTC trước đây hồi cuối năm 2024)	NHNN không tiếp thu. Việc sử dụng dịch vụ thừa phát lại để lập vi bằng là quyền của TCTD được thực hiện theo quy định tại Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thừa phát lại.
53			Về trách nhiệm phối hợp của chính quyền địa phương, cơ quan công an: kiến nghị quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong việc thực hiện các nội dung theo Luật này	NHNN không tiếp thu. Chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương, cơ quan công an đã được quy định

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
54		Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Nhân dân (UBND), Công an cấp xã/phường, lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở theo quy định tại các Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025, Luật Công an nhân dân 2018, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 2023. Vikki Bank kiến nghị bổ sung rõ quy định về trách nhiệm phối hợp của chính quyền địa phương trên cơ sở đề nghị của tổ chức tín dụng, UBND cấp xã tiếp nhận và phân công, tổ chức cho lực lượng công an xã/phường và lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở có mặt tại thời điểm thực hiện thu giữ tài sản theo đề nghị của tổ chức tín dụng để chủ động nắm bắt và đảm bảo tình hình an ninh, trật tự trong quá trình tổ chức tín dụng thực hiện biện pháp thu giữ tài sản phù hợp quy định pháp luật nhằm rút ngắn thời gian xử lý trong trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng.	tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Công an nhân dân.
55		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Đồng thời, đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định rõ các nội dung sau : - Trong trường hợp khách hàng phản đối việc thu giữ tài sản bảo đảm, Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng (thi hành án hoặc công an) hỗ trợ và thủ tục, trình tự thực hiện;	(i) Dự thảo Luật đã quy định tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền đề nghị chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm thực hiện việc bảo đảm an

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			- Việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bị giảm giá trị hoặc hư hỏng trong quá trình thu giữ. - Ngoài ra, để đảm bảo định hướng thực hiện quyền thu giữ công khai, minh bạch, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét cho phép Bên thứ ba ngoài chính quyền địa phương tham gia xác nhận sự kiện thu giữ tài sản bảo đảm.	ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm. (ii) NHNN không tiếp thu. Về bản chất, việc thu giữ là để xử lý TSBD, do vậy, khi thu giữ TSBD đối với TSBD để bị hư hỏng, việc xử lý TSBD này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. (iii) NHNN không tiếp thu. Dự thảo Luật quy định sự tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã đã đảm bảo tính khách quan. Do đó việc bổ sung quy định như đề xuất là không cần thiết.
56	6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công	Ngân hàng TMCP Á Châu	Hướng dẫn rõ các hoạt động được xem là “trái đạo đức xã hội”, hoặc quy định cụ thể các trường hợp không được thực hiện (tương tự như Luật thi hành án). Lý do: bổ sung cơ sở pháp lý để TCTD thực hiện.	NHNN không tiếp thu do đây là nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.
57		Ngân hàng TMCP Ngoại	Trường hợp Dự thảo sửa đổi Luật các TCTD bổ sung thêm nguyên tắc “trái đạo đức xã hội” so với Nghị quyết 42, kính đề nghị NHNN kiến nghị Chính phủ có hướng dẫn chi tiết về nguyên tắc trái đạo đức xã hội theo quy	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ. <i>Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội</i>	thương Việt Nam	định tại Bộ Luật dân sự 2015 để các TCTD có cơ sở triển khai các biện pháp thu giữ TSBĐ trong thực tế. Mặc dù tại Điều 123 Bộ luật dân sự có quy định: “Điều 123. Giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội... Đạo đức xã hội là những chuẩn mực ứng xử chung trong đời sống xã hội, được cộng đồng thừa nhận và tôn trọng.” Tuy nhiên, đây là nội dung khó xác định, không có quy định, chuẩn mực cụ thể, phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan. Dẫn đến, TCTD rất khó xác định biện pháp như thế nào được coi là không trái đạo đức xã hội trong quá trình thu giữ TSBĐ, có thể ảnh hưởng đến việc thu hồi, xử lý nợ của các TCTD. Hiện Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/03/2021 hướng dẫn Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cũng chưa có hướng dẫn chi tiết về nội dung này.	
58	7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	SeABank đề xuất bổ sung khoản 8 Điều này với nội dung quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan chức năng như Công an, đăng kiểm, bảo hiểm, VETC, hệ thống cầu cảng, bến bãi, cơ sở sửa chữa xe... có trách nhiệm cung cấp thông tin lưu hành, gửi giữ, bảo hiểm, sửa chữa... xe ô tô đang thế chấp tại TCTD theo yêu cầu của TCTD nhận	NHNN không tiếp thu. Các cơ quan được liệt kê thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật có liên quan.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Luật này		thể chấp nhằm xác minh tung tích xe thể chấp để thực hiện quyền thu giữ và xử lý TSBD	
59	Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự,	Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Cần lược bỏ nội dung: "...trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe...". Bởi lẽ, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ là bên thứ ba ngay tình khi nhận thể chấp TSBD nên xét thấy cần có sự công bằng xã hội giữa tất cả các chủ thể trong quan hệ pháp luật	NHNN không tiếp thu. Việc luật hóa quy định trên của Nghị quyết số 42/2017/QH14 nhằm khắc phục được khó khăn, vướng mắc của TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ trong việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình nhưng vẫn đảm bảo việc thi hành án đối với một số nghĩa vụ như cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khỏe.
60		Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Quy định TSBD (không phân biệt nhóm nợ) không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác, trừ trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của các TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Bên cạnh đó, cần quy định về việc không áp dụng biện pháp hạn chế (ngăn chặn giao dịch, phong tỏa,...) đối với TSBD do bên bảo đảm có liên quan đến nghĩa vụ khác. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp TCTD, tổ chức mua bán, xử lý nợ đồng ý kê biên TSBD cũng cần được quy định cụ thể trong Dự thảo Luật.	(i) Các cơ chế quy định tại dự thảo Luật là các cơ chế đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc xử lý nợ xấu của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Do vậy, TSBD không bị kê biên tại dự thảo Luật là TSBD của khoản nợ xấu.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
61	trừ trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ hoặc trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	Thực tế, các CQTHADS vẫn ra quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm (như biện pháp: phong tỏa tài khoản; tạm giữ tài sản, giấy tờ; tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản) đối với TSBĐ tại TCTD. Điều này, dẫn đến quá trình xử lý TSBĐ, xử lý nợ của TCTD buộc phải dừng lại, phụ thuộc hoàn toàn vào việc CQTHADS có hủy quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm hay không, gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến việc xử lý nợ, thu hồi nợ của TCTD. Dự thảo Luật ngoài việc quy định CQTHADS không kê biên đối với TSBĐ tại TCTD theo Điều 90 Luật Thi hành án dân sự thì <i>cần có quy định CQTHADS không áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án đối với TSBĐ của khoản nợ xấu tại TCTD để thực hiện nghĩa vụ khác của bên phải thi hành án theo bản án, quyết định của TAND hoặc quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.</i>	(ii) Theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự, biện pháp bảo đảm thi hành án bao gồm phong tỏa tài khoản; tạm giữ tài sản, giấy tờ; tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản (khoản 3 Điều 66) khi chấp hành viên hoặc đương sự yêu cầu nhằm ngăn chặn việc tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ; 10 ngày kể từ ngày xác định tài sản, giấy tờ tạm giữ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án; 10 ngày kể từ ngày có căn cứ xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của người phải thi hành án, Chấp hành viên phải ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế hoặc quyết định chấm dứt biện pháp bảo đảm thi hành án. Như vậy, biện pháp áp dụng biện pháp bảo đảm có thời hạn tương đối ngắn, kết thúc thời hạn này, trường hợp Chấp hành viên ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo đảm, bên nhận
62		Hiệp hội Ngân hàng	Điều 198b dự thảo quy định: <i>“Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ không bị kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự, trừ trường hợp...”</i> Điểm b Khoản 2 Điều 134 Luật Quản lý thuế quy định:	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<i>“Trường hợp tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do <u>bên thứ ba đang nắm giữ là đối tượng của các giao dịch bảo đảm hoặc thuộc trường hợp giải quyết phá sản thì việc thu tiền, tài sản khác từ bên thứ ba được thực hiện theo quy định của pháp luật</u>”. Theo quy định của BLDS 2015, các TSBĐ, biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi TSBĐ và được quyền ưu tiên thanh toán trước.</i> Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi theo hướng: <i>“Các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên phải thi hành án đang bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ <u>không bị áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, kê biên, cưỡng chế thi hành án để thực hiện nghĩa vụ khác, trừ trường hợp...</u>”</i>	bảo đảm tiếp tục xử lý TBBĐ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Chấp hành viên ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế, trong đó bao gồm kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ (Điều 71 Luật Thi hành án dân sự). Tuy nhiên, chỉ có biện pháp kê biên, pháp luật về thi hành án dân sự có quy định về kê biên tài sản đang cầm cố, thế chấp. Do vậy, Nghị quyết số 42/2017/QH14 và dự thảo Luật chỉ xử lý trường hợp này. Tuy nhiên, NHNN lưu ý góp ý của Ngân hàng để trao đổi với Bộ Tư pháp khi sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự.
63		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Trong thực tế, một tài sản bảo đảm có thể liên quan đến nhiều nghĩa vụ được bảo đảm. Đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định về cơ chế phân chia giá trị tài sản bảo đảm giữa các chủ nợ.	Thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thực hiện theo quy định tại Điều 199 Luật các TCTD. Việc xử lý một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ được thực

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
64		Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Điều 199 Luật các TCTD theo hướng luật hóa quy định tại Điều 12 Nghị quyết 42/2017/QH14, cụ thể như sau: "<i>Số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, sau khi trừ chi phí bảo quản, thu giữ và chi phí xử lý tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho nghĩa vụ nợ được bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu trước khi thực hiện nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ khác không có bảo đảm của bên bảo đảm. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật.</i>" Lý do đề xuất: Các khoản nợ xấu khi xử lý tài sản bảo đảm đa phần không thu đủ lãi vay, một số khoản không thu đủ gốc. Quy định về thứ tự thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm sẽ hỗ trợ Bên cho vay giảm bớt thiệt hại của Bên cho vay, góp phần ổn định hoạt động của bên cho vay, giảm tỷ lệ nợ xấu, giảm trích lập dự phòng. Bên cho vay sẽ có nhiều dư địa để xem xét điều chỉnh chính sách miễn/giảm lãi vay, góp phần đưa mặt bằng lãi suất giảm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, bình ổn thị trường.	hiện theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật dân sự. Thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận TSBĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 308 Bộ luật dân sự.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
65		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Bổ sung quy định về việc TSBĐ của khoản nợ xấu không bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Đối tượng bị áp dụng cưỡng chế thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người bị nộp thuế bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế chỉ loại trừ trường hợp “ <i>người nộp thuế bị cưỡng chế là chủ dự án ODA, chủ tài khoản nguồn vốn ODA và vay ưu đãi tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng</i> ”. Như vậy, trường hợp tài sản bảo đảm là tiền trên tài khoản, tiền gửi tiết kiệm... là tài sản bảo đảm vẫn có thể bị cơ quan thuế yêu cầu phải trích chuyển để thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế. Cần thiết phải quy định rõ để có cơ chế bảo vệ quyền lợi của TCTD đối với tài sản bảo đảm trong trường hợp bên bảo đảm đang nợ thuế.	Điểm b khoản 2 Điều 134 Luật Quản lý thuế quy định: “Trường hợp tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do bên thứ ba đang nắm giữ là đối tượng của các giao dịch bảo đảm hoặc thuộc trường hợp giải quyết phá sản thì việc thu tiền, tài sản khác từ bên thứ ba <u>được thực hiện theo quy định của pháp luật</u> ”. NHNN tiếp thu một phần ý kiến và sẽ tham khảo ý kiến của Bộ Tài chính trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật.
66	Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vụ việc vi phạm hành chính	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ việc vi phạm hành chính.	NHNN tiếp thu.
67			Bổ sung đối tượng “hình sự” vào sau vụ án và thi hành án. Nội dung sau điều chỉnh: “Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.		lý vụ án và thi hành án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.” Lý do: Dự thảo hiện đang giữ nguyên theo Điều 14 NQ 42; tuy nhiên Điều 14 NQ 42 chỉ quy định với vụ án hình sự trong khi dự thảo có bổ sung vụ việc vi phạm hành chính. Bổ sung đối tượng hình sự để tránh nhầm lẫn cho người đọc.	
68	2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín		Đề nghị thống nhất giữa Khoản 1 và Khoản 2 của điều 198c: + Khoản 1: CQ tổ tụng có trách nhiệm hoàn trả “ <i>theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu</i> ” + Khoản 2: CQ có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả “ <i>khi có yêu cầu của các chủ thể này</i> ”. “Theo đề nghị” và “có yêu cầu” có phải là cùng 1 hành động không? Nếu giống nhau đề nghị đồng nhất. Nếu khác nhau đề nghị tổ soạn thảo hướng dẫn khác nhau như thế nào.	NHNN tiếp thu và điều chỉnh khoản 2 Điều 198c như sau: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, <u>người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ</u> ”.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
69	dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có yêu cầu của các chủ thể này.		Hướng dẫn xác định “ <i>cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả</i> ”. + Trường hợp cơ quan có thẩm quyền được xác định là cơ quan ra quyết định tạm giữ thì đề nghị dự thảo sửa thành “ <i>cơ quan ra quyết định tạm giữ có trách nhiệm hoàn trả</i> ” + Trường hợp không phải như trên đề nghị dẫn chiếu cơ sở xác định	
70		Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Cần quy định thêm trường hợp nếu tại thời điểm khởi tố vụ án hình sự, khoản nợ là nợ xấu nhưng sau đó chuyển thành nợ tốt trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử thì sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ hoặc giải tòa phong tỏa/hủy bỏ kê biên đối với TSBĐ của khoản nợ tốt theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.	NHNN không tiếp thu. Nội dung được đề xuất luật hóa là những chính sách về xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác xử lý nợ xấu. Theo đó, các khoản nợ không phải nợ xấu (bao gồm cả khoản nợ là nợ xấu nhưng sau đó chuyển thành nợ tốt) không được áp dụng những chính sách đề xuất khi luật hóa Nghị quyết số 22/2017/QH14.
71		Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank)	Cần làm rõ khái niệm thuật ngữ “xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án”. Bởi thuật ngữ này mang tính chất cảm tính, mơ hồ, nếu không định nghĩa rõ sẽ dẫn đến hành vi lạm quyền hoặc tiêu cực của các cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn, cản trở cho việc xử lý nợ xấu	NHNN không tiếp thu. Hiện nay, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự quy định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu. Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể thời hạn xác định chứng cứ của một vụ án và quy định thời hạn tối đa để hoàn trả vật chứng là TSBĐ cho TCTD. Nếu không quy định các mốc thời gian cụ thể thì thời gian hoàn trả sẽ rất lâu và có thể kéo dài nhiều năm, gây khó khăn cho hoạt động xử lý nợ xấu của TCTD.	quyền “trả lại ngay vật chứng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án”. Do vậy, việc xem xét, đánh giá vật chứng để hoàn trả cho bên nhận bảo đảm cũng thực hiện tương tự như đối với trường hợp trên.
72		Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	Việc quy định “hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ” để làm căn cứ trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu cho các tổ chức tín dụng là không rõ ràng, khó xác định thời điểm hoàn tất “thủ tục”. Theo quy định tại Điều 108 BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể về việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Cụ thể: “Điều 108. Kiểm tra, đánh giá chứng cứ 1. Mỗi chứng cứ phải được kiểm tra, đánh giá để xác định tính hợp pháp, xác thực và liên quan đến vụ án. Việc xác định những chứng cứ thu thập được phải bảo đảm đủ để giải quyết vụ án hình sự. 2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phải kiểm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện mọi chứng cứ đã thu thập được về vụ án”.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Do đó, GPBank xin góp ý đề nghị Ban soạn thảo sửa đổi Khoản 1 Điều 198c của Dự thảo theo hướng: “ 1. Sau khi kiểm tra đánh giá, chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ” để phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.	
73		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Đề nghị Cơ quan soạn thảo hướng dẫn cụ thể về điều kiện hoàn trả “xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án”. Thực tiễn khi áp dụng quy định này tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 đã phát sinh bất cập/không thống nhất trong cách hiểu và áp dụng giữa các cơ quan chức năng.	
74		Ngân hàng TMCP An Bình	Quy định trên tồn tại bất cập bởi: (i) Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành không có khái niệm thủ tục xác định chứng cứ, do đó sẽ dẫn đến việc triển khai trên thực tế gặp phải khó khăn khi dẫn đến quan điểm khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, giữa cơ quan tiến hành tố tụng với TCTD. Xét tùy tính chất vụ án thời gian tiến hành tố tụng sẽ có sự khác nhau và đặc thù với phương tiện giao thông khi được lưu tại kho vật chứng thường phải để ngoài trời dẫn đến	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			hư hại, giảm và ảnh hưởng nghiêm trọng đến giá trị tài sản. (ii) Chưa có quy định xử lý trong trường hợp TSBĐ có liên quan đến vụ án hình sự: Điểm a khoản 5 Mục I Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP ngày 24/10/1998 của TAND tối cao - VKSND tối cao - Bộ Công an - Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về bảo quản và xử lý tài sản là vật chứng, tài sản bị kê biên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Mặc dù Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTC-BTP chưa bị văn bản pháp luật nào bãi bỏ, tuy nhiên quy định đã từ năm 1998 đến nay và tại mục căn cứ ban hành Thông tư dẫn chiếu quy định Bộ luật tố tụng hình sự đã hết hiệu lực, bởi vậy trong quá trình tố tụng thường không được xem xét để áp dụng. Trong vụ án hình sự, bị cáo đã bị bắt phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội, còn việc xử lý phương tiện phạm tội cần áp dụng cả pháp luật về hình sự và pháp luật về dân sự, cần bảo vệ quyền của Bên nhận thế chấp khi đã nhận thế chấp đúng quy định, chỉ tịch thu xung công quỹ trong các vụ án thuộc trường hợp “<i>cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng</i>” như quy	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			định tại Điều 2 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể dân sự, hạn chế sự hao mòn lãng phí của tài sản bảo đảm, ABBANK đề xuất Đơn vị soạn thảo sửa đổi, bổ sung vào Khoản 1 Điều 198c Dự thảo nội dung sau: “1. Trong giai đoạn điều tra vụ án nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Trường hợp xét thấy tài sản bảo đảm là vật chứng ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có thể giao cho một hoặc nhiều bên đang nhận bảo đảm (bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm hoặc người thứ ba giữ tài sản bảo đảm) hợp pháp tiếp tục khai thác, sử dụng tài sản đó. Trong trường hợp bên đang giữ tài sản bảo đảm là người có tài sản bảo đảm hoặc người nhận bảo đảm không có điều kiện khai thác, sử dụng, thì họ được tìm đối tác để khai thác, sử dụng. Cơ quan đang thụ lý, giải quyết vụ án có thể giao cho đối tác đó khai thác, sử dụng tài sản sau khi có thoả thuận bằng văn bản giữa người có tài sản cầm cố, thế chấp hoặc người nhận	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			cầm cố, thế chấp và đối tác nhận khai thác, sử dụng tài sản. Sau khi vụ án được giải quyết, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả tài sản bảo đảm cho bên bảo đảm (nếu hợp đồng bảo đảm đã hết hiệu lực) hoặc bên được bảo đảm (nếu hợp đồng bảo đảm còn hiệu lực), trừ trường hợp việc tịch thu tài sản bảo đảm là cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”	
75		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định rõ các nội dung sau: Thời gian tối đa để hoàn trả tài sản bảo đảm sau khi kết thúc vụ án.	NHNN không tiếp thu. Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự án Luật.
76		Ngân hàng TMCP Kiên Long	Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của của TCTD, không bị phụ thuộc vào việc xử lý vụ án hình sự, đề nghị sửa nội dung Dự thảo như sau: <i>“Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBD của khoản nợ theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu.</i>	NHNN không tiếp thu. Quy định tại dự thảo Luật được kế thừa quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 về hoàn trả TSBD là vật chứng trong vụ án hình sự. Đồng thời, nội dung tại dự thảo Luật đảm bảo thống nhất với quy định về điều kiện hoàn trả vật chứng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<i>Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là TSBĐ của khoản nợ bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ khi có đề nghị của các chủ thể này.”</i>	tụng Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung) về xử lý vật chứng, cụ thể: “Trả lại ngay vật chứng... <u>nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án</u> .”.
77		Ngân hàng TMCP An Bình	Việc được nhận lại TSBĐ là quyền của bên nhận bảo đảm, do đó để hạn chế thủ tục hành chính không cần thiết, ABBANK đề xuất điều chỉnh bỏ cụm “khi có yêu cầu của các chủ thể này” tại Khoản 2 Điều 198c Dự thảo.	(i) Về việc bỏ cụm từ: “ <i>theo đề nghị của ...tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.</i> ” NHNN không tiếp thu. Quy định này được xây dựng để xử lý vướng mắc của TCTD khi Điều 90 Bộ luật tố tụng hình sự mới chỉ quy định về việc hoàn trả vật chứng cho chủ sở hữu mà không có quy định hoàn trả cho bên nhận bảo đảm. Do vậy, bên nhận bảo đảm muốn nhận lại TSBĐ phải có văn bản đề nghị hoàn trả.
78		Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	TCTD không nắm được thời điểm, tiến độ các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện các thủ tục của họ vì vậy sẽ không chủ động được thời điểm để đưa ra đề nghị hoàn trả TSBĐ. - Đề xuất xem xét quy định theo hướng các Cơ quan tiến hành tố tụng chủ động thông báo cho TCTD để nhận lại TSBĐ mà không cần phải có đề nghị từ TCTD. - Trong trường hợp vẫn cần phải có đề nghị từ TCTD thì xem xét quy định theo hướng (i) các Cơ quan tiến hành tố tụng chủ động thông báo cho TCTD về việc hoàn trả TSBĐ, (ii) TCTD – không phụ thuộc vào việc (i) - có văn bản đề nghị nhận lại TSBĐ, đồng thời (iii) quy định về thời hạn cụ thể các Cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả TSBĐ kể từ ngày TCTD có đề nghị.	(ii) Về bổ sung quy định trách nhiệm thông báo của cơ quan tiến hành tố tụng cho bên nhận bảo đảm về việc hoàn trả tài sản bảo đảm: NHNN sẽ tham khảo cơ quan chủ trì hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự về vướng mắc của TCTD.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
79		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Hoặc: Trường hợp không tiếp thu đề xuất nêu trên, kiến nghị bổ sung quy định về việc cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo cho bên nhận bảo đảm sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án. Lý do: Trình tự, thủ tục xác định chứng cứ và tiến hành tố tụng sẽ được thực hiện bởi cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật, do đó, bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu sẽ không chủ động nắm được thông tin về việc cơ quan tiến hành tố tụng đã hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án để đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là TSBĐ của khoản nợ xấu.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Đồng thời, trình tự và thủ tục tiến hành tố tụng sẽ được thực hiện qua các giai đoạn với các cơ quan tiến hành tố tụng khác nhau, do đó, nếu quy định theo hướng bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu đề nghị thì sẽ gây khó khăn, vướng mắc cho bên nhận bảo đảm khi áp dụng quy định này.	
80		Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Tại điểm a, b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: <i>“3. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:</i> a) <u>Trả lại ngay</u> tài sản đã thu giữ, tạm giữ nhưng không phải là vật chứng cho chủ sở hữu <u>hoặc người quản lý hợp pháp tài sản</u> đó; b) <u>Trả lại ngay</u> vật chứng cho chủ sở hữu <u>hoặc người quản lý hợp pháp</u> nếu xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án;” Khoản 2 Điều 13 Thông tư liên tịch 01/2020/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BNN&PTNT-BTC-	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			BTP hướng dẫn về việc quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ: <i>“Điều 13. Quản lý, xử lý vật chứng, tài liệu đồ vật, tài sản tạm giữ trong vụ án, vụ việc tạm đình chỉ:</i> <i>[...]</i> <i>2. Quyết định xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ được gửi ngay cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ, người có liên quan để thực hiện. Trường hợp tạm đình chỉ vụ án, vụ việc nhưng không xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ thì cơ quan ra quyết định thông báo cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ để tiếp tục bảo quản. Trong quá trình quản lý, nếu phát hiện vật chứng, tài sản tạm giữ bị hư hỏng, biến chất hoặc có thể gây mất an toàn thì cơ quan, người quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ kịp thời thông báo cho cơ quan ra quyết định tạm đình chỉ để có biện pháp xử lý.”</i> Căn cứ các quy định nêu trên, trong trường hợp TSBĐ đã thu giữ, tạm giữ không phải là vật chứng hoặc được xác định là vật chứng nhưng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án thì cơ quan tiến hành tố tụng sẽ hoàn trả ngay tài sản đã thu giữ, tạm giữ nói trên theo quy định. Đồng thời, cơ quan tiến hành tố tụng sẽ ban hành Quyết	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			định xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ gửi ngay cho cơ quan quản lý vật chứng, tài sản tạm giữ, người có liên quan để thực hiện. Theo đó, tại quy định liên quan đến việc hoàn trả TSBD là vật chứng trong vụ án hình sự và bổ sung quy định về hoàn trả TSBD là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính tại Điều này của Dự luật, cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện việc hoàn trả TSBD cho bên nhận bảo đảm khi có đề nghị của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Như vậy, đối chiếu với quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự và Thông tư liên tịch nói trên, Bên nhận bảo đảm sẽ phải thực hiện việc đề nghị hoàn trả TSBD tại thời điểm nào (sau khi nhận được Quyết định về việc xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ của cơ quan tiến hành tố tụng hay thời điểm khác trong quá trình xử lý/xác định vật chứng?) chưa được quy định. Tương tự việc đề nghị hoàn trả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là TSBD của khoản nợ xấu sẽ được xác định như thế nào cũng chưa được quy định cụ thể. Do đó, từ những nội dung trên, SCB nhận thấy việc quy định rõ hơn về thời điểm, cách thức để bên nhận bảo đảm (TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			bán, xử lý nợ) thực hiện việc đề nghị hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự/tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong vụ án hành chính trong trường hợp TSBĐ là khoản nợ xấu tại bên nhận bảo đảm là cần thiết, hỗ trợ cho công tác triển khai thực hiện trên thực tế được rõ ràng và hiệu quả hơn.	
81		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Trong trường hợp tài sản bảo đảm đã bị tịch thu theo bản án, đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định Tổ chức tín dụng được ưu tiên xử lý phần còn lại của tài sản.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 106 BLTTHS, vật chứng được tịch thu để xung quỹ nhà nước trong trường hợp: vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cầm táng trữ, lưu hành và vật chứng là tiền bạc hoặc tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, NHNN tiếp cận nội dung này theo hướng sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
				Do đó, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.
82			Đề nghị Cơ quan soạn thảo quy định rõ các nội dung sau: Cơ chế phối hợp giữa Tổ chức tín dụng và cơ quan tổ tụng trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm, trường hợp Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu hoàn trả tài sản bảo đảm, những tài liệu Tổ chức tín dụng cần cung cấp.	NHNN sẽ tham khảo ý kiến của cơ quan chủ trì hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự về vướng mắc của TCTD.
83	Dự thảo Tờ trình Chính phủ	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1. Tiết (i) khoản 2.1 Mục V.2: Dự thảo Tờ trình không đưa Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài vào quy định có quyền thu giữ TSBĐ trong khi Dự thảo sửa đổi Luật có đưa đối tượng này vào. Đề nghị ban soạn thảo xem xét, sửa đổi nội dung này để đảm bảo tính thống nhất giữa hai văn bản. 2. Tiết (ii) khoản 2.1 Mục V.2: Đề xuất sửa thành: “(2) <u>Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác</u> có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ về TSBĐ của khoản nợ xấu...” Lý do: Bổ sung nội dung gạch chân để bổ sung cho việc thỏa thuận về việc thu giữ tài sản bảo đảm có thể được	NHNN tiếp thu

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			quy định tại Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các thỏa thuận khác trong trường hợp khách hàng không đồng ý ký lại Hợp đồng bảo đảm do liên quan đến một số chi phí công chứng hoặc áp dụng cho các trường hợp Hợp đồng thế chấp đã ký trước thời điểm Luật TCTD sửa đổi có hiệu lực,...	
84	Ý kiến khác	Ngân hàng TMCP Á Châu	Cả Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Các tổ chức tín dụng (Điều 198a, 198b, 198c) và Luật Các tổ chức tín dụng hiện hành (khoản 5 Điều 2 và Chương XII) đều có các quy định đề cập đến chủ thể là “ tổ chức mua bán, xử lý nợ ”. Tuy nhiên, chủ thể tham gia việc mua, bán nợ còn bao gồm cá nhân (theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-NHNN ngày 30/12/2022 của Ngân hàng Nhà nước hợp nhất Thông tư quy định về hoạt động mua, bán nợ thì <u>bên mua nợ bao gồm cá nhân, tổ chức</u>). Do đó, đề nghị soạn thảo sửa các cụm từ “ tổ chức mua bán, xử lý nợ ” thành “ bên mua nợ ” để đảm bảo đầy đủ quyền lợi của cá nhân, tổ chức tham gia vào hoạt động mua, bán nợ.	NHNN không tiếp thu. Các nội dung tại dự thảo Luật phải đảm bảo phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật các TCTD.
85		Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank nhận thấy Dự thảo Luật cần mở rộng thêm phạm vi điều chỉnh, không chỉ dừng lại ở các khoản nợ xấu mà áp dụng cho cả các khoản nợ nhóm 2 nhưng thuộc	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
		(Nam A Bank)	trường hợp phải thu hồi nợ trước hạn nhằm giảm thiểu rủi ro cho TCTD. Dự thảo Luật cần cụ thể hóa thêm các biện pháp xử lý nợ và trình tự, thủ tục thực hiện, cần hướng dẫn thêm việc thực hiện phương thức xử lý TSBĐ: “Bên nhận bảo đảm nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm” và “chuyển nợ thành vốn góp” để TCTD được chủ động lựa chọn cách thức thực hiện và phương thức xử lý. Việc này sẽ giúp đồng bộ các quy định pháp luật hơn nữa và tạo lập khuôn khổ pháp lý rõ ràng để các định chế tài chính nước ngoài an tâm hơn khi đầu tư vào Việt Nam.	
86		Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Điều 1 Luật Phá sản 2014 quy định: “<i>Luật này quy định về trình tự, thủ tục nộp đơn, thụ lý và mở thủ tục phá sản; xác định nghĩa vụ về tài sản và biện pháp bảo toàn tài sản trong quá trình giải quyết phá sản; thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh; tuyên bố phá sản và thi hành quyết định tuyên bố phá sản.</i>” Khoản 3 Điều 41 Luật Phá sản 2014 quy định về tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thực hiện nghĩa vụ về tài sản như sau: “<i>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thụ lý <u>vụ việc phá sản</u>, việc tạm đình chỉ thực hiện</i>	NHNN tiếp thu và bổ sung tại dự thảo luật.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			<i>nghĩa vụ về tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được thực hiện như sau:</i> <i>[...]</i> <i>3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với các chủ nợ có bảo đảm.</i> <i>Trường hợp tài sản bảo đảm có nguy cơ bị phá hủy hoặc bị giảm đáng kể về giá trị thì xử lý theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 53 của Luật này."</i> Như vậy, thủ tục phá sản là một thủ tục riêng, không phải là vụ việc dân sự (vụ án dân sự, việc dân sự) được quy định tại Điều 1 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đồng thời theo quy định của Luật Phá sản 2014 thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án nhân dân thụ lý vụ việc phá sản Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạm đình chỉ việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với các chủ nợ có bảo đảm. Hay nói cách khác, trong trường hợp này, Tổ chức tín dụng không thể thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm. Trong khi đó, điều kiện về tài sản bảo đảm được quyền thu giữ được nêu tại Chính sách 1 chỉ giới hạn đối với các Tài sản bảo đảm không bị tranh chấp tại các vụ án đã được	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			thụ lý nhưng chưa giải quyết là chưa bao quát hết quy định của Luật Phá sản 2014. Từ đó có thể dẫn đến quy định Luật Các TCTD sửa đổi mâu thuẫn với Luật Phá sản 2014. Làm rõ hơn điều kiện của Tài sản bảo đảm mà Tổ chức tín dụng được quyền thu giữ trong trường hợp Tài sản bảo đảm đang có liên quan đến thủ tục phá sản.	
87		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Bổ sung nội dung: Trường hợp tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu là tài sản của bên thứ ba mà bên được bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu có quyền thu giữ tài sản bảo đảm đó và xử lý theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết trong quá trình giải quyết phá sản theo quy định của pháp luật. Lý do: Điều 8 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP có hiệu lực từ ngày 01/7/2018 (hiện đã hết hiệu lực) đã quy định nội dung này nhằm hướng dẫn chi tiết để tháo gỡ vướng mắc cho bên nhận bảo đảm khi áp dụng quy định tại Điều 7.1.2.d Nghị quyết số 42/2017/QH14. Do đó, việc giữ nguyên nội dung nêu trên tại Điều 8 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP là cần thiết để đảm bảo có cơ sở khi	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			thu giữ TSBĐ trong trường hợp TSBĐ của khoản nợ xấu là tài sản của bên thứ ba mà bên được bảo đảm là doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.	
88		Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Đề xuất đề cập rõ/quy định thủ tục thu giữ đối với TSBĐ là quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán.	NHNN không tiếp thu. TSBĐ đề cập tại dự thảo luật là tất cả các loại tài sản được pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho phép sử dụng làm TSBĐ.
89		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank)	Kiến nghị bổ sung quy định về Áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến tài sản bảo đảm tại Tòa án tương tự như quy định tại Điều 8 Nghị quyết 42/2017/QH14	Đối với nội dung áp dụng thủ tục rút gọn tại Tòa án, theo đánh giá, tổng kết thi hành Nghị quyết số 42/2017/QH14, qua hơn 06 năm triển khai Nghị quyết số 42/20157/QH14, quy định về thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến TSBĐ tại Tòa án, chưa có vụ việc nào được xét xử theo thủ tục rút gọn. Theo ý kiến của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 200/TANDTC-PC ngày 13/1/2022 góp ý đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD, tranh chấp về nợ xấu, tài sản bảo đảm của

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
90		Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	MB đề nghị NHNN xem xét, bổ sung trong Hồ sơ quy định về áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp liên quan đến TSBĐ tại Tòa án đã được quy định tại Điều 8 Nghị quyết 42/2017/QH14. Ngoài quy định trên, MB đề xuất quy định về việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp về hợp đồng tín dụng: (i) không có TSBĐ mà bên vay là cá nhân; và (ii) đã quá hạn 180 ngày trở lên thì các TCTD chỉ cần cung cấp Hợp đồng tín dụng, chứng từ giải ngân hợp pháp mà không phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 317 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 vì các tranh chấp này có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, nghĩa vụ của bên vay đã được chứng minh đầy đủ, giá trị tranh chấp thường không lớn. Đồng thời các tranh chấp này cũng đáp ứng điều kiện tổ chức phiên tòa trực tuyến quy định tại Điều 1 Nghị quyết 33/2021/QH15 về việc tổ chức phiên tòa trực tuyến nên đề nghị quy định Tòa án nhân dân được tổ chức phiên tòa trực tuyến để xét xử các tranh chấp này (nếu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ). Lý do đề xuất: - Việc hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của tòa án để áp dụng thủ tục rút gọn (đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ; có địa chỉ nơi cư trú, trụ sở rõ ràng) do khi xảy ra nợ xấu,	khoản nợ xấu là tranh chấp liên quan đến hợp đồng tài chính – tín dụng - một trong những lĩnh vực tranh chấp phức tạp, các bên đương sự thường không hợp tác, các tranh chấp thường có số lượng lớn người cùng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vì vậy, tòa án thường phải mất nhiều thời gian để xác minh, xem xét, thẩm định... do vậy, khi giải quyết các tranh chấp, Tòa án vẫn phải tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng thông thường trong khoảng thời gian ngắn là gây áp lực về mặt thời gian, không bảo đảm hiệu quả và khó thực thi trong thực tiễn.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đa phần khách hàng trốn tránh, không hợp tác với TCTD để phối hợp xử lý, nên việc xác nhận này rất khó thực hiện. - Nếu xuất hiện tình tiết mới mà các bên đương sự không thống nhất làm cho vụ án không còn đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn thì tòa án phải ra quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường. Như vậy, trường hợp bên có nghĩa vụ trả nợ/chủ tài sản/bên bảo đảm không hợp tác, chống đối, rất dễ dẫn đến trường hợp cố tình tạo ra các tình tiết mới làm cho vụ án không còn bảo đảm điều kiện áp dụng thủ tục tố tụng rút gọn. - Các tranh chấp của các khoản nợ xấu tại các TCTD hầu hết là các tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do đó, việc không quy định thủ tục rút gọn đối với các tranh chấp về hợp đồng tín dụng gây rất nhiều khó khăn, hạn chế cho các TCTD trong việc xử lý nợ xấu	
91		Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	Việc xử lý TSBD, xử lý nợ xấu thông qua việc khởi kiện tại TAND thường kéo dài, mất nhiều thời gian (theo quy định và thực tiễn giải quyết, mỗi vụ án thường kéo dài từ 02 đến 03 năm). Mặc dù, ngày 15/05/2018, TAND tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, TSBĐ của khoản nợ xấu tại TAND (NQ số 03) nhưng việc áp dụng trên thực tế còn nhiều khó khăn và hạn chế, TAND chưa chủ động áp dụng các quy định này; NQ số 03 không quy định điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn mà được quy định tại Điều 8 NQ số 42 nhưng NQ số 42 đã hết hiệu lực từ ngày 01/01/2024. NQ số 03 chỉ quy định áp dụng thủ tục rút gọn đối với trường hợp tranh chấp về nghĩa vụ giao TSBĐ, về quyền xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu, mà không quy định đối với trường hợp tranh chấp HĐTD có yêu cầu xử lý TSBĐ hoặc không có yêu cầu xử lý TSBĐ. Luật sửa đổi, bổ sung cần quy định tranh chấp về thu giữ TSBĐ, xử lý TSBĐ và tranh chấp HĐTD có yêu cầu xử lý TSBĐ hoặc không có yêu cầu xử lý TSBĐ thì TAND giải quyết theo thủ tục rút gọn. Quy định rõ về trình tự thủ tục và điều kiện áp dụng giải quyết tranh chấp theo thủ tục rút gọn.	
92		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Mở rộng đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh (giải quyết quan hệ tranh chấp) được áp dụng thủ tục rút gọn bao gồm cả "tranh chấp về hợp đồng cấp tín dụng", để góp phần giúp các cấp Tòa án nhanh chóng giải quyết các vụ án liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, dịch vụ ngân	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			hàng. Đặc biệt là các vụ án mà trong đó khoản vay không còn/không có TSBĐ/TSBĐ là nhà ở thuộc Dự án mà việc thẩm định không phức tạp. Lý do: Đối với các khoản vay không còn TSBĐ/TSBĐ là nhà ở ổn định thuộc Dự án nhà ở thì nên cho áp dụng thủ tục rút gọn bởi đa phần các khoản vay này đã đáp ứng được yêu cầu tại Điều 317 Bộ luật TTDS	
93		Hiệp hội Ngân hàng	Đề nghị BST xem xét bổ sung thêm Điều 198d vào dự thảo về việc Tòa án áp dụng thủ tục rút gọn, theo đó: (i) Tòa án công nhận cho thi hành án ngay thoả thuận của các bên trong biện pháp bảo đảm trong trường hợp hợp đồng bảo đảm đã được công chứng, biện pháp bảo đảm đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền; (ii) Mở rộng phạm vi quan hệ pháp luật (tranh chấp) được áp dụng thủ tục rút gọn bao gồm cả tranh chấp về hợp đồng cấp tín dụng, để góp phần giúp các cấp Tòa án nhanh chóng giải quyết các vụ án liên quan đến tín dụng, ngân hàng, đặc biệt là các vụ án mà trong đó khoản vay không còn/không có TSBĐ/TSBĐ là nhà ở thuộc Dự án mà việc thẩm định không phức tạp	
94		Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Trong trường hợp tài sản bảo đảm bị kê biên nhưng không bán đấu giá thành công, đề nghị Cơ quan soạn thảo quy	Khoản 1 Điều 6 Luật Thi hành án dân sự quy định: “Đương sự có quyền thoả thuận về việc thi hành án, nếu thoả thuận đó

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
		Việt Nam (MSB)	định Tổ chức tín dụng được tiếp nhận tài sản để xử lý theo hình thức khác.	không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận”. Do vậy, bên nhận bảo đảm có thể thỏa thuận với bên phải thi hành án/bên được thi hành án về việc xử lý tài sản đã bị kê biên.
95		Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)	Việc nhận TSBĐ thay thế nghĩa vụ trả nợ được thực hiện theo các trường hợp sau: theo thỏa thuận trong HĐBĐ để xử lý nợ, bản án, quyết định của Tòa án (Bản án), quyết định thi hành án (QĐ THA) được quy định phân tán tại Điểm c Khoản 1 Điều 303 và Khoản 1, 2 Điều 305 BLDS, Khoản 1 Điều 27 và Điểm m Khoản 1 Điều 28 Luật Đất đai năm 2024 (Luật Đất đai), Khoản 2 Điều 104 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (Luật THADS); TSBĐ được đưa ra bán đấu giá mà sau ba lần liên tục hạ giá vẫn không bán được thì bên nhận bảo đảm được nhận chính TSBĐ được quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 16/2014/TTLT-BTP-BTNMT-NHNN ngày 06/6/2014 (Thông tư này đã hết hiệu lực ngày 01/8/2024). Tuy nhiên, sau khi hoàn tất các thủ tục, hồ sơ liên quan đến việc nhận TSBĐ để thay thế nghĩa vụ trả nợ, TCTD	Việc nhận TSBĐ để thay thế nghĩa vụ trả nợ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đã nộp hồ sơ đăng ký biến động TSBĐ với nội dung đăng ký “nắm giữ tài sản bảo đảm do việc xử lý nợ” theo Điều 139 Luật TCTD, Điểm k Khoản 1 Điều 133 Luật Đất đai, Điểm c, d Khoản 13 Điều 30 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 (NĐ số 101), Khoản 12 Điều 13 Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 (TT số 10), Điều 59 NĐ số 21, Điều 106 Luật THADS thì có một số Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) đồng ý đăng ký biến động và một số Sở TNMT tại các địa phương không đồng ý đăng ký biến động TSBĐ cho TCTD. Như vậy, chưa có sự thống nhất giữa các Sở TNMT tại các địa phương trong áp dụng Pháp luật về việc đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất khi TCTD nhận chính TSBĐ. Lý do Sở TNMT tại các địa phương không đồng ý đăng ký biến động bởi vì: Sở TNMT cho rằng việc TCTD nhận nắm giữ TSBĐ đối với quyền sử dụng đất là việc nhận chuyển quyền sử dụng đất nên không được đăng ký biến động; pháp luật hiện hành chưa quy định rõ ràng về việc TCTD được đăng ký biến động “nắm giữ tài sản bảo đảm do việc xử lý nợ” đối với trường hợp nhận TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Luật sửa đổi, bổ sung cần quy định đầy đủ các trường hợp TCTD được nhận chính TSBĐ để thay thế nghĩa vụ trả	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			nợ, bao gồm các trường hợp sau: (i) theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại; (ii) theo quyết định thi hành án; (iii) theo thỏa thuận giữa TCTD và Chủ TSBĐ; (iv) theo thỏa thuận trong HĐBĐ và TSBĐ đã được đưa ra bán đấu giá mà sau ba lần liên tục giảm giá vẫn bán không thành thì TCTD được nhận chính TSBĐ để thay thế nghĩa vụ nợ với điều kiện trong HĐBĐ có thỏa thuận nội dung này. Quy định rõ việc TCTD nhận TSBĐ để thay thế nghĩa vụ trả nợ được đăng ký biến động theo nội dung “nắm giữ tài sản bảo đảm do việc xử lý nợ”, bao gồm cả đối với trường hợp nhận TSBĐ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Điều 139 Luật các TCTD năm 2024.	- Quy định này thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đất đai, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Các TCTD.
96		Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Có quy định cơ chế, hướng dẫn thủ tục cho các tổ chức tín dụng được nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ thì cho phép các tổ chức tín dụng nhận tài sản là bất động sản để thay thế nghĩa vụ trả nợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 139 Luật các Tổ chức tín dụng 2024 được phép trực tiếp tự mình bán tài sản khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vẫn đang ghi nhận Bên bảo đảm là chủ sở hữu.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
97		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo đảm/để trừ vào số tiền được thi hành án (vướng mắc về thủ tục, đặc biệt với nhóm tài sản phải đăng ký sở hữu) Pháp luật có liên quan trong lĩnh vực đất đai, quản lý thuế hiện hành chưa có hướng dẫn thống nhất về việc áp dụng chính sách sang tên/không sang tên bất động sản cho Người nhận tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo đảm/để trừ vào số tiền được thi hành án và/hoặc chính sách liên quan đến thuế, hóa đơn, chứng từ hạch toán tài sản trường hợp này (đặc biệt là khi tài sản thi hành án không phải là tài sản bảo đảm). Do đó đa phần thủ tục sau khi nhận tài sản để trừ vào số tiền được thi hành đang được các cơ quan chức năng triển khai tùy nghi, mỗi địa phương lại có cách thức thực hiện khác nhau gây khó khăn cho Tổ chức tín dụng trong trường hợp đã nhận bàn giao tài sản từ cơ quan thi hành án. Đề nghị Cơ quan soạn thảo kiến nghị cơ quan chức năng thống nhất cách thức thực hiện các thủ tục liên quan đến tài sản mà Tổ chức tín dụng đã nhận để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bảo đảm/để trừ vào số tiền được thi hành án cụ thể:	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			- Về việc chuyển quyền sở hữu tài sản, Tổ chức tín dụng chỉ cần thực hiện trong trường hợp chuyển tài sản này thành tài sản thuộc sở hữu của Tổ chức tín dụng theo quy định. Do đó các giao dịch phát sinh/có liên quan đến tài sản này sẽ được pháp luật công nhận phù hợp với nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Thi hành án Dân sự/theo thỏa thuận đã xác lập với Bên bảo đảm; - Về mục đích sử dụng đất: cho phép chuyển quyền sử dụng đất cho Tổ chức tín dụng nhưng không bắt buộc phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất trong thời gian Tổ chức tín dụng nắm giữ chờ xử lý. Việc nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ là một trong các phương thức mà Tổ chức tín dụng được áp dụng. Tuy nhiên thực tế Tổ chức tín dụng không thể nhận chuyển nhượng đối với các loại đất không phải là đất thương mại dịch vụ, chẳng hạn như: đất ở, đất nông nghiệp... muốn nhận phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, điều này dẫn tới thời gian xử lý kéo dài, rủi ro phát sinh tranh chấp và Tổ chức tín dụng khó có thể chủ động trong việc xử lý tài sản.	
98			Xử lý tài sản trên/trong tài sản bảo đảm (đồ vật sinh hoạt, trang thiết bị) khi chủ các tài sản này không đến di dời/nhận về theo Thông báo của Tổ chức tín dụng	NHNN nhất trí với quan điểm của các TCTD. Tuy nhiên, đề nghị TCTD có đề xuất cụ thể hơn.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Thực tế trước khi xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm trước khi nhận bàn giao/thu giữ tài sản bảo đảm và đưa ra xử lý theo phương thức luật định), Bên nhận bảo đảm vẫn luôn thông báo cho Bên bảo đảm và/hoặc Bên có liên quan biết để di dời/nhận lại các tài sản này. Tuy nhiên, các Bên được thông báo thường không đến nhận/cố tình không đến nhận để gây khó khăn cho Bên nhận bảo đảm khi xử lý tài sản bảo đảm. Thực tế này đang gây tổn kém cho Bên nhận bảo đảm về thời gian, nhân lực, chi phí lưu giữ, bảo quản tài sản. Do đó, nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của Bên bảo đảm và/hoặc Bên có liên quan trong việc phối hợp xử lý tài sản bảo đảm, đề nghị Cơ quan soạn thảo cân nhắc, xem xét quy định cho phép Tổ chức tín dụng quyền xử lý tài sản này đồng thời với tài sản bảo đảm trong trường hợp Bên bảo đảm và/hoặc Bên có liên quan không đến nhận lại tài sản theo thời hạn thông báo của Bên nhận bảo đảm/theo quy định của pháp luật. Số tiền xử lý sau khi trừ chi phí sẽ trả lại cho chủ tài sản. Đồng thời quy định trách nhiệm của cơ quan chức năng trong việc phối hợp xử lý tài sản trên (tham gia quá trình thông báo công khai cho chủ sở hữu đến nhận lại tương tự như đối với quy định áp dụng trong trường hợp tài sản vô chủ; chứng kiến kiểm kê, di dời tài	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			sản để Bên nhận bảo đảm quản lý, xử lý theo Điều 228 Bộ luật Dân sự...).	
99		Ngân hàng TMCP An Bình	Hiện trạng có nhiều trường hợp TCTD nhận TSBD mà có các tài sản nằm trên, nằm trong TSBD (“tài sản gắn với TSBD”) nhưng không thuộc TSBD. Điển hình nhất cho trường hợp này là nhiều Công trình xây dựng (“CTXD”) trên đất thuộc sở hữu của người sử dụng đất, nhưng lại không được cập nhật/ghi nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (“GCN”), đặc biệt các CTXD là nhà ở khu vực nông thôn thuộc những trường hợp không cần cấp Giấy phép xây dựng. Trong trường hợp TCTD nhận thế chấp TSBD là các CTXD nêu trên thì chỉ ký Hợp đồng thế chấp không công chứng hoặc trong trường hợp có công chứng nhưng cơ quan đăng ký bảo đảm cũng từ chối việc đăng ký do Tài sản không thể hiện trên GCN. Căn cứ quy định tại Điều 326 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nguyên tắc xử lý đồng thời TSBD là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau: “Trường hợp chỉ thế chấp tài sản gắn liền với đất mà không thế chấp quyền sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đồng thời là người sử dụng đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả quyền sử dụng đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.” Trong khi, một trong các điều kiện để TCTD thu giữ TSBĐ theo Khoản 2 Điều 198a Dự thảo là “Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”. Điều này, dẫn đến đối với các tài sản gắn với TSBĐ khi chưa được đăng ký và Bên bảo đảm gây cản trở, cổ tình không di dời thì TCTD cũng không thể thực hiện được quyền thu giữ TSBĐ, đồng thời sẽ có sự chưa phù hợp với Điều 326 Bộ luật Dân sự 2015 như trích dẫn nêu trên. Bởi vậy, để hạn chế điểm bất cập trên, đề quy định về thu giữ TSBĐ khả thi trên thực tế, ABBANK đề xuất Cơ quan soạn thảo bổ sung quyền thu giữ tài sản của TCTD bao gồm cả tài sản khác gắn với TSBĐ khi Bên bảo đảm không di dời trong thời hạn công khai thông tin: “...Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không di dời tài sản khác gắn với tài sản bảo đảm trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm và tài sản khác gắn với tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.”	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
100		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Căn cứ từ thực tế phát sinh khi triển khai thu giữ TSBĐ theo Nghị quyết 42/2017, Dự thảo Luật chưa có hướng dẫn thu giữ tài sản bảo đảm trong một số trường hợp đặc thù ví dụ như trường hợp có các tài sản nằm trên, nằm trong TSBĐ nhưng không thuộc TSBĐ mà bên bảo đảm không chịu di dời (ví dụ đồ đạc, bể cá, bàn ghế, giường tủ ... của chủ nhà trong ngôi nhà ở là TSBĐ. Các vật dụng trong ngôi nhà đó không phải là TSBĐ) Đề nghị Dự thảo Luật quy định cụ thể hoặc giao NHNN ban hành thông tư hướng dẫn thu giữ TSBĐ trong một số trường hợp đặc thù.	- NHNN không tiếp thu vì tài sản vô chủ không thuộc tài sản bảo đảm, nằm ngoài phạm vi bảo đảm.
101		Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Kiến nghị đưa ra/bổ sung quy định xử lý đối với tài sản vô chủ (đồ đạc/tài sản không thuộc TSBĐ, nhưng nằm trong phạm vi TSBĐ). Nội dung đề xuất bổ sung theo hướng: Sau khi thực hiện thông báo cho Bên bảo đảm về việc đến nhận lại tài sản mà Chủ tài sản không đến nhận lại, không di dời tài sản ra khỏi TSBĐ để Ngân hàng xử lý, bàn giao cho Bên mua, thì TCTD được toàn quyền xử lý đối với tài sản này, số tiền từ xử lý sẽ được thu vào khoản nợ	
102			Kiến nghị Bổ sung nguyên tắc ưu tiên áp dụng các quy định về xử lý nợ xấu của Luật/văn bản này so với các quy định pháp luật khác. Không cần áp dụng các quy định	NHNN không tiếp thu. Điều 58 Luật Ban hành VBQPPL 2025 quy định: “3. Trường hợp các văn bản quy

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			pháp luật khác, trừ trường hợp quy định tại Luật/VB luật này dẫn chiếu đến.	phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn. 4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.”
103		Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Khoản 3 Điều 200 Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của tổ chức tín dụng, công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng được quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định về chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của Luật Kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan nhưng không phải áp dụng quy định về điều kiện chủ thể kinh doanh bất động sản đối với bên chuyển nhượng dự án bất động sản của Luật Kinh doanh bất động sản.” Tuy nhiên, hiện Luật Kinh doanh bất động sản 2023 chỉ quy định thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần	Luật sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD không quy định nội dung liên quan đến thủ tục chuyển nhượng dự án bất động sản. Do vậy, việc hướng dẫn các nội dung liên quan đến chuyển nhượng dự án bất động sản dự thảo Luật là không phù hợp. Nội dung này cần được sửa đổi tại Luật Kinh doanh bất động sản.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			dự án bất động sản trong trường hợp chủ đầu tư dự án chủ động chuyển nhượng (Điều 42 Luật Kinh doanh bất động sản 2023). Vì vậy, cần thiết luật hóa quy định về thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản trong trường hợp tổ chức tín dụng xử lý tài sản bảo đảm để tránh vướng mắc khi thực hiện, tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng sớm thu hồi nợ xấu, giảm gánh nặng tài chính cho chính các doanh nghiệp bất động sản, giải quyết quyền lợi chính đáng của những người mua bất động sản	
104		Hiệp hội Ngân hàng	TCTD được quyền nhận TSBD theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp để xử lý nợ, bản án/quyết định THA được quy định cụ thể tại Điều 139 Luật các TCTD 2024, Điều 303, Điều 305 BLDS 2015; Điều 28 Luật đất đai 2024. Việc đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại Điều 133 Luật Đất đai 2024; Điều 30 Nghị định 101/2024/NĐ-CP; Điều 13 Thông tư 10/2024/TT-BTNMT;... Tuy nhiên, thực tế rất nhiều TCTD phản ánh khi xử lý những TSBD là BĐS này do cơ quan đăng ký đất đai địa phương từ chối đăng ký biến động gây rủi ro và hệ lụy rất lớn cho các TCTD.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Việc TCTD nhận TSBĐ thay thế nghĩa vụ trả nợ không phải là việc TCTD nhận chuyển quyền SDD, quyền sở hữu TSGLVĐ mà là nhận TSBĐ và nắm giữ tối đa 5 năm để xử lý thu hồi nợ theo quy định tại Điều 139 Luật các TCTD 2024. Việc đăng ký biến động đất đai này không phải là đăng ký chuyển quyền SDD, sở hữu TSGLVĐ mà là đăng ký nắm giữ TSBĐ do việc xử lý nợ theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị BST xem xét bổ sung thêm vào Điều 200 Luật các TCTD 2024 nội dung trách nhiệm của các Bộ, trong đó có Bộ TNMT về việc hướng dẫn quy định về đăng ký biến động đất đai và TSGLVĐ khi TCTD nắm giữ TSBĐ để xử lý nợ theo quy định tại Điều 139 Luật các TCTD 2024.	
105		Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	Với xu thế công nghệ hoá hiện đại hoá, pháp luật cũng cho phép hoạt động cấp tín dụng thông qua các phương tiện điện tử, do đặc thù của việc cấp tín dụng, giải ngân, thu nợ, ... được thực hiện qua mạng internet, do đó kiến nghị Luật chuyên ngành cũng có những quy định, cơ chế phù hợp cho hoạt động xử lý, thu hồi nợ xấu tại các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động khởi kiện, 2/3 chứng cứ chứng minh để hỗ trợ các tổ chức tín dụng trong việc khởi kiện các khách hàng có khoản nợ xấu này.	Nội dung đề xuất không thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
106		Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, bổ sung quy định về thời hạn tối đa cụ thể, phù hợp trong trường hợp Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án khi đang giải quyết vụ án dân sự mà phải đợi kết quả điều tra/giải quyết đơn thư tố giác tội phạm/kết quả điều tra vụ án hình sự. Thời hạn tối đa trên phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với nội dung quy định: i) <i>Hết thời hạn điều tra vụ án nhưng cơ quan điều tra không có kết luận điều tra hoặc quyết định khác tương đương</i>; ii) <i>Hết thời hạn giải quyết đơn thư tố giác tội phạm và không có quyết định gia hạn hoặc lý do gia hạn không còn/việc gia hạn có lý trùng lặp (ví dụ: yêu cầu cung cấp thêm tài liệu quá nhiều lần)</i>; iii) <i>Tòa án/các đương sự/người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự đã có văn bản báo phát gửi qua đường bưu điện đề nghị cung cấp thông tin về tiến độ giải quyết/điều tra nhưng không được phản hồi</i>. Hiện nay rất nhiều vụ việc VCB khởi kiện (trong vụ án dân sự) nhưng vướng việc cơ quan công an thụ lý/giải quyết đơn tố giác tội phạm/vụ án hình sự nhưng tiến độ giải quyết đơn tố giác chậm/tiến độ điều tra vụ án đã hết nhưng không có kết luận khiến việc giải quyết các vụ án dân sự tại Tòa án kéo dài, ảnh hưởng tới tiến độ thu hồi nợ. Do vậy, cần có quy định thời hạn tối đa cụ thể, phù hợp làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			hoàn thành các thủ tục, công việc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện để Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án dân sự khi gặp phải các tình huống này.	
107		Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB)	Cơ chế “nắm giữ” bất động sản do xử lý nợ tại Điều 139 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 Hiện tại Luật Các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật khác chưa quy định rõ khái niệm “nắm giữ bất động sản” (là việc Tổ chức tín dụng trực tiếp quản lý tài sản hay phải chuyển quyền sở hữu, sử dụng trên Giấy chứng nhận...). Thêm nữa, thời điểm để xác định “ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản” cũng chưa có quy định cụ thể thời điểm xác định (là thời điểm Tổ chức tín dụng ra quyết định xử lý tài sản bảo đảm hay kể từ thời điểm có bản án/quyết định của Tòa án về việc Tổ chức tín dụng được quyền xử lý tài sản bảo đảm hay phải tính ngay từ thời điểm Tổ chức tín dụng có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm...).	Nội dung đề xuất không thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD. NHNN ghi nhận và sẽ nghiên cứu khi tổng kết thi hành Luật các TCTD 2024.
108		Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)	Quy định về thời hạn 05 năm để TCTD nắm giữ bất động sản để xử lý nợ là quá ngắn, đặc biệt đối với (các) bất động sản là Dự án có quy mô lớn, giá trị cao thì phải cần thời gian xử lý hơn 05 năm để có phương án xử lý một cách hiệu quả do tìm đối tác nhận chuyển nhượng phù hợp hoặc phụ thuộc tình hình thị trường.	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			Đồng thời, nếu TCTD không thực hiện đăng ký chuyển quyền sở hữu để đứng tên chủ sở hữu đối với bất động sản thì khi bán, chuyển nhượng bất động sản dễ phát sinh vướng mắc thủ tục, bị kéo dài thời gian xử lý (do khách hàng, bên bảo đảm cố tình gây khó khăn, tranh chấp pháp lý) làm mất cơ hội thu hồi vốn của các TCTD. Từ thực tế khó khăn, vướng mắc nêu trên, MB đề xuất NHNN nghiên cứu, bổ sung trong Hồ sơ quy định, hướng dẫn về việc TCTD được đăng ký chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản trong thời gian nắm giữ bất động sản do việc xử lý mà không bị hạn chế về mục đích sử dụng theo Khoản 1 Điều 139 và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật các TCTD 2024 nhằm tạo điều kiện cho TCTD chủ động hơn khi xử lý TSBĐ của khoản nợ xấu.	
109		Hiệp hội Ngân hàng	Hiện nay, Hiệp hội Ngân hàng nhận được phản ánh vướng mắc của một số TCTD về việc một số Sở TN và MT ở địa phương căn cứ Khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai 2024 yêu cầu điều kiện bán tài sản thi hành án gắn liền với đất cần phải đăng ký theo yêu cầu của chủ tài sản. Tuy nhiên, trên thực tế khi phát sinh nợ xấu, chủ sở hữu không đủ tiềm lực tài chính, thậm chí không có thiện chí để thực hiện việc đăng ký theo hướng dẫn của Sở TN&MT, dẫn đến	

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			tài sản không thể bán đấu giá, phát mại, để xử lý thu hồi nợ, ảnh hưởng đến việc thi hành bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các TCTD (người được thi hành án). Do vậy, đề nghị BST bổ sung Điều 198d tại Luật các TCTD sửa đổi quy định theo hướng: Đối với tài sản được bán đấu giá để thi hành bản án, quyết định của Tòa án thì không áp dụng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 46 Luật Đất đai năm 2024.	
110		Ngân hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”)	Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015, các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm phát sinh khi xảy ra các sự kiện (1) đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và (2) theo thỏa thuận của các bên. Do đó, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 198 tại Dự thảo là phù hợp với Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, điểm b khoản 2 Điều 198 Dự thảo đang thất nhất so với Bộ luật Dân sự khi quy định để có quyền thu giữ tài sản bảo đảm các bên phải thỏa thuận tại hợp đồng bảo đảm về quyền thu giữ TSBD đối với “khoản nợ xấu”, thay vì đối với “khoản nợ quá hạn”. Theo đó, trường hợp xảy ra sự kiện xử lý tài sản đảm bảo là đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có	Các cơ chế quy định tại dự thảo luật là các cơ chế đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi xử lý nợ xấu.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, thì <u>TCTD phải “chờ” thêm ít nhất 91 ngày để khoản nợ trở thành nợ xấu nhóm 3 thì mới có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của TCTD.</u> TPBank đề xuất điều chỉnh điểm b khoản 2 Điều 198a để thống nhất với điểm a khoản 2 Điều 198a và Điều 229 Bộ luật Dân sự 2015, thành: “Tại hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm)”	
111		Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	Tại Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm, Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thì hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu và Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vụ việc vi phạm hành chính đều chỉ quy định hướng tới các khoản nợ xấu. Tuy nhiên, trong thực tế, có rất nhiều trường hợp Khách hàng phát sinh nợ quá hạn (đã xảy ra sự kiện Bên nhận bảo đảm được xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015) nhưng có thái độ trây ỳ, cố tình không trả nợ, thậm chí có dấu hiệu tẩu tán	NHNN không tiếp thu. Khoản 2 Điều 198a dự thảo Luật đã có quy định về điều kiện để tiến hành thu giữ, trong đó có điều kiện là phải dẫn đến trường hợp xử lý TSBĐ theo quy định của pháp luật về dân sự, cụ thể là đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ (khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự).

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			tài sản, nếu không thu giữ tài sản bảo đảm kịp thời có thể dẫn đến nguy cơ mất tài sản bảo đảm. Do đó, nếu phải chờ đến khi khoản nợ quá hạn chuyển thành nợ xấu mới được thu giữ thì có thể đã mất tài sản. Bên cạnh đó, tài sản bảo đảm của một khoản nợ trong bất cứ giai đoạn nào (nợ trong hạn, nợ quá hạn, nợ xấu) đều có tính chất pháp lý như nhau, đều là tài sản dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ của Khách hàng/Bên bảo đảm đối với Bên nhận bảo đảm. Do đó, quyền lợi của Bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm phải được bảo vệ xuyên suốt trong quá trình nhận tài sản và quá trình thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng/Bên bảo đảm. Vì vậy, việc Điều 198b và Điều 198c chỉ quy định về quyền của Bên nhận bảo đảm trong việc không bị kê biên tài sản bảo đảm để thi hành án hoặc được nhận lại tài sản bảo đảm trong vụ án hình sự, vụ việc hành chính trong trường hợp đó là tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu mà không quy định trong trường hợp đó là tài sản bảo đảm của các khoản nợ nói chung sẽ không đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của Bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm của khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn. Vì vậy, PGBank kiến nghị Ban Soạn thảo xem xét và quy định bổ sung về quyền thu giữ tài sản bảo đảm, quyền	Ngoài ra, tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được sửa đổi, bổ sung) đã có đầy đủ cơ sở pháp lý để tổ chức tín dụng xử lý các khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn (cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn; chấm dứt việc ho vay, xử lý nợ; kiểm tra sử dụng tiền vay; thỏa thuận phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định).

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			nhận lại tài sản bảo đảm trong vụ án hình sự, vụ việc hành chính, quyền không bị kê biên tài sản bảo đảm khi thi hành án của Bên nhận bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm của khoản nợ trong hạn, nợ quá hạn.	
112		Ngân hàng TMCP An Bình	Hiện tại, căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 4 Nghị định 86/2024/NĐ-CP quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái: “Giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm phải coi bằng 0 trong các trường hợp sau: b) Quá thời gian 01 năm đối với tài sản bảo đảm không phải là bất động sản và quá thời gian 02 năm đối với tài sản bảo đảm là bất động sản, kể từ khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.” Mốc thời gian trên có thể dẫn đến nhiều cách hiểu: (i) Kể từ thời điểm TCTD gửi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm cho Bên bảo đảm; hay (ii) Kể từ thời điểm Bên bảo đảm bàn giao TSBĐ cho ngân hàng; hay (iii) Thời điểm có quyết định thi hành án; ... Để có cách hiểu đúng và áp dụng thống nhất, AB BANK	Nội dung đề xuất không thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			đề xuất luật hóa nội dung trên, bổ sung vào Dự thảo thời điểm xác định TCTD có có quyền xử lý tài sản bảo đảm là kể từ thời điểm TCTD gửi văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm cho Bên bảo đảm.	

10



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐƠN VỊ VỀ HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Kèm theo Công văn số 2247/NHNN-PC ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
I	ĐƠN VỊ GÓP Ý		NHẤT TRÍ VỚI DỰ THẢO LUẬT	
1	Bộ Khoa học và Công nghệ			
2	Bộ Dân tộc và Tôn giáo			
3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường			
II	Ý KIẾN CỤ THỂ ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT			
1	Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm 1. Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo	Bộ Công an	Tại khoản 1 và khoản 2b, đề nghị bổ sung quy định trong hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản khác có thỏa thuận về việc: (1) Bên bảo đảm phải giao tài sản bảo đảm cho tổ chức mua bán, xử lý nợ (<i>trường hợp tổ chức mua bán, xử lý nợ không phải bên nhận bảo đảm</i>); (2) Bên giữ tài sản bảo đảm, bên cùng nhận bảo đảm, bên thứ ba có quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản bảo đảm cũng đồng ý giao tài sản bảo đảm cho bên nhận bảo	NHNN không tiếp thu. Thứ nhất, thỏa thuận bảo đảm thực hiện nghĩa vụ được ký kết giữa bên bảo đảm/bên được bảo đảm với bên nhận bảo đảm, trong đó, bên bảo đảm/bên được bảo đảm là chủ sở hữu đối với TSBD – là chủ thể có quyền định đoạt đối với tài sản của mình, trong đó có việc chấp thuận

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước		đảm, tổ chức mua bán, xử lý nợ (để minh bạch quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản bảo đảm, tránh tranh chấp, phức tạp và trường hợp tài sản bảo đảm còn được dùng bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ khác chứ không chỉ dùng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).	việc sử dụng TSBĐ và thể hiện ý chí/chấp thuận về việc cho phép bên nhận bảo đảm thu giữ TSBĐ. Do vậy, việc phải có sự chấp thuận/đồng ý của các chủ thể khác không phải là chủ sở hữu của TSBĐ đối với việc bên nhận bảo đảm thu giữ TSBĐ là không phù hợp. Đối với việc một tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Dân sự quy định “Trường hợp một tài sản được bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì bên bảo đảm phải thông báo cho bên nhận bảo đảm sau biết về việc tài sản bảo đảm đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác. Mỗi lần bảo đảm phải được lập thành văn bản”. Do vậy, bên bảo đảm có trách nhiệm thông báo cho bên nhận bảo đảm về việc TSBĐ đang được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khác.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.			
2	2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: ... c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực	Bộ Công an	Tại Khoản 2c, đề nghị bổ sung điều kiện: “tổ chức tín dụng phải thuộc trường hợp được ưu tiên thanh toán trước tiên theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”.	NHNN cho rằng việc bổ sung điều kiện về việc “TCTD phải thuộc trường hợp được ưu tiên thanh toán trước tiên theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” là không cần thiết vì: Thứ nhất, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự: “Trường hợp phải xử lý tài sản để thực hiện một nghĩa vụ đến hạn thì các nghĩa vụ khác tuy chưa đến hạn đều được coi là đến hạn và tất cả các bên cùng nhận bảo đảm đều được tham gia xử lý tài sản. Bên nhận bảo đảm đã thông báo về việc xử lý tài sản có trách nhiệm xử lý tài sản, nếu các bên cùng nhận bảo đảm không có thỏa thuận khác.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	đổi kháng với bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;			Trường hợp các bên muốn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn thì có thể thỏa thuận về việc bên bảo đảm dùng tài sản khác để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ chưa đến hạn”. Thứ hai, khoản 1 Điều 300 Bộ luật Dân sự quy định: “Trước khi xử lý tài sản bảo đảm, bên nhận bảo đảm phải thông báo bằng văn bản trong một thời hạn hợp lý về việc xử lý tài sản bảo đảm cho bên bảo đảm và các bên cùng nhận bảo đảm khác...” Thứ ba, Điều 308 Bộ luật Dân sự đã quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận tài sản bảo đảm. Về bản chất, việc thực hiện quyền thu giữ TSBD là để xử lý TSBD nhằm thực hiện nghĩa vụ đến hạn. Trong khi đó, pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự không quy định “bên bảo đảm phải thuộc trường hợp được ưu tiên thanh toán trước tiên theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ” mới được thực hiện việc xử lý TSBD.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
				Như vậy, sau khi thực hiện đầy đủ các quy trình, điều kiện về thu giữ TSBĐ để xử lý TSBĐ, việc thanh toán sẽ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật có liên quan.
3	5. Chính quyền địa phương các cấp và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ. Trường hợp bên bảo đảm không hợp	Bộ Công an	Tại Khoản 5, đề nghị bỏ cụm từ: “theo đề nghị của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ”.	NHNN không tiếp thu. Để đảm bảo an ninh, trật tự cũng như sự minh bạch, công khai trong quá trình thu giữ, NHNN đề xuất việc tiến hành phải đảm bảo các quy trình, thủ tục nhất định, trong đó có các quy định về vai trò của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gồm Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan công an nơi tiến hành thu giữ TSBĐ. Mục tiêu của các quy định này là nhằm bảo đảm tình hình an ninh, trật tự cũng như để ngăn ngừa việc TCTD lạm dụng quyền khi tiến hành thu giữ, đảm bảo cho việc thu giữ công khai, minh bạch, không gây mất trật tự xã hội, không xâm phạm đến các quyền khác của các chủ thể có liên quan. Việc quy định vai trò của 2 cơ quan nêu trên khi thu giữ tài sản bảo đảm sẽ tạo ra ý thức tuân thủ của các TCTD, bên bảo đảm/bên vay, người có liên quan nói riêng và người dân

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm			tại khu vực thu giữ nói chung. Vai trò của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã không phải để bảo đảm quyền và lợi ích của các TCTD mà để bảo đảm an ninh, trật tự, quyền và lợi ích của người dân. Tuy nhiên, trên thực tế, có những trường hợp bên bảo đảm/bên đang giữ tài sản bảo đảm thiện chí, hợp tác, thực hiện đúng thỏa thuận đã thỏa thuận với bên nhận bảo đảm, vì thế, việc quy định Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm sẽ có thể là không cần thiết. Trong những trường hợp này, các bên dân sự thực hiện theo thỏa thuận của pháp luật dân sự và được các chủ thể khác tôn trọng.
4	6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý	Bộ Công an	Đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung trường hợp tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc có thể ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc để tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc hỗ trợ tổ chức tín dụng được chuyển giao bắt buộc trong trường hợp thực hiện Phương án chuyển giao bắt buộc.	NHNN nhận thấy đề xuất bổ sung là không cần thiết vì sau khi chuyển giao bắt buộc, TCTD được chuyển giao bắt buộc tiếp tục được thực hiện quyền của chủ nợ trong đó bao gồm thu giữ TSBĐ.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ. Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.			
5	7. Bộ Công an có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Công an các cấp thực hiện nhiệm	Bộ Công an	Đề nghị bỏ Khoản 7 vì đã được quy định tại Khoản 5 và thuộc chức năng, nhiệm vụ nói chung của Bộ Công an, không chỉ khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước	NHNN tiếp thu và bỏ quy định tại khoản 7 Điều 198a dự thảo Luật.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	vụ giữ gìn an ninh, trật tự khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Luật này.		ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.	
6	Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính 1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi	Bộ Công an	Tại Khoản 1 và Khoản 2, đề nghị nghiên cứu, xem xét thống nhất như sau: (1) Khoản 1: ...cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả “ <i>theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ</i> ”. (2) Khoản 2: ...cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả “ <i>khi có yêu cầu của các chủ thể này</i> ”. Như vậy, cần xác định “theo đề nghị” và “có yêu cầu” là hành động giống hay khác nhau và đề nghị làm rõ nội dung tại Dự thảo để thống nhất thực hiện. Ngoài ra, cần hướng dẫn cụ thể “cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả” là cơ quan nào để dẫn chiếu cơ sở xác định.	NHNN tiếp thu và điều chỉnh khoản 2 Điều 198c như sau: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, <u>người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ</u> ”.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
7	hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.	Bộ Công thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, xem xét lại quy định tại khoản 2 Điều 198c dự thảo Luật để đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung năm 2020: “Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu nhưng đã đăng ký biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật dân sự thì bên nhận thế chấp được nhận lại tang vật, phương tiện hoặc trị giá tương ứng với nghĩa vụ được bảo đảm; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước.	
8	2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu bị tạm giữ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý		Tài sản bảo đảm trong quan hệ giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ (gọi chung là bên nhận bảo đảm) là quan hệ dân sự được xác lập giữa bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm, trong khi đó, quan hệ giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền (hoặc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính) với chủ thể vi phạm hành chính là quan hệ hành chính. Do vậy, việc quy định “trách nhiệm hoàn trả” của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho bên nhận bảo đảm là không hợp lý và có khả năng gây xung đột nhất là trong trường hợp trị giá của tài sản bảo	NHNN không tiếp thu. Bổ sung quy định về việc hoàn trả TSBĐ là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nhằm hoàn thiện quy định, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, toàn diện để xử lý tình trạng bên bảo đảm, bên thứ 3 lợi dụng kẽ hở pháp luật để tẩu tán TSBĐ như đã lập luận tại hồ sơ chính sách.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
	nợ khi có yêu cầu của các chủ thể này.		đảm lớn hơn hoặc nhỏ hơn “trị giá của nghĩa vụ được bảo đảm”. Ngoài ra, việc quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước hoàn trả trực tiếp cho bên nhận bảo đảm sẽ dẫn tới khó khăn cho cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong việc theo dõi, đôn đốc tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước sau khi đã hoàn trả cho bên nhận bảo đảm.	
9	Báo cáo	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung báo cáo tổng kết thi hành Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, đánh giá thực trạng việc thi hành Luật, phát hiện những tồn tại, hạn chế để tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế theo yêu cầu tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.	NHNN tiếp thu và hoàn thiện tại Báo cáo tổng kết thi hành.
10	Tờ trình		Đề nghị làm rõ nội dung dự thảo Luật không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Trung ương XII	Các chính sách được đề xuất về cơ bản (i) thứ nhất không làm phát sinh/huy động thêm nguồn lực công chức nhà nước để thực hiện do việc thu giữ TSBĐ do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CNNHNNg), tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu thực hiện; (ii) thứ hai, ngay cả khi quy định vai trò của Ủy ban nhân dân

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
			về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	cấp xã cũng như cơ quan Công an cấp xã thì nhân sự dự kiến để tham gia hỗ trợ/chứng kiến việc thu giữ cũng là lực lượng chịu trách nhiệm giữ trật tự an toàn trên địa bàn; nhìn chung, không làm phát sinh các vị trí việc làm đặc thù để buộc phải bổ sung nhân lực của cơ quan nhà nước.
11	Ý kiến khác	Bộ Ngoại giao	Về đánh giá tính tương thích của các chính sách trong dự thảo với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đề nghị bổ sung đánh giá tính tương thích của quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm (sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 198a Luật hiện hành) với Công ước Cape Town năm 2001 về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị tàu bay, cụ thể là Điều 8 (Biện pháp của bên nhận bảo đảm) và Điều 54 (2) (Cho phép các quốc gia thành viên tuyên bố rằng các biện pháp của bên nhận bảo đảm có thể được thực hiện mà không cần sự cho phép của tòa án) của Công ước.	NHNN đã bổ sung vào Báo cáo sự tương thích của điểm c khoản 2 Điều 198a với Hiệp định Cape Town năm 2001. NHNN nhận thấy các quy định dự thảo Luật phù hợp với Hiệp định Cape Town, ví dụ, khoản 1 Điều 8 Hiệp định quy định khi có bất kỳ sự kiện không thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 11, bên được bảo đảm (chargee), trong phạm vi bên bảo đảm đồng ý, thực hiện một hoặc các biện pháp khắc phục sau: chiếm hữu hoặc kiểm soát bất kỳ vật thể nào đã được sử dụng để bảo đảm cho mình. Khoản 2 Điều 54 Hiệp định về bản chất là điều khoản tuyên bố tại thời điểm phê chuẩn, chấp thuận, chấp thuận hoặc gia nhập Nghị định thư, không phải là điều khoản nội dung của Nghị định thư.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
12		Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát dự thảo Luật để bảo đảm các nội dung phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội năm 2025.	Những nội dung quy định tại dự thảo Luật là những nội dung <i>đã được thí điểm</i> theo quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH15 (trong khoảng hơn 6 năm) và đã minh chứng được tính hiệu quả. Do vậy, việc luật hóa các quy định tại luật về cơ bản đảm bảo “quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài”. Ngoài ra, dự thảo Luật có các quy định về việc phân quyền cho các cơ quan trong bộ máy nhà nước trong việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của luật để đảm bảo thực hiện thống nhất tại Điều 2 dự thảo Luật. Do vậy, các quy định tại dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức quốc hội (đã được sửa đổi, bổ sung).
13		Bộ Quốc phòng	Luật các TCTD 2024 có quy định giới hạn tối đa hạn mức cấp tín dụng của NHTM. Do đặc thù quân sự quốc phòng, các hợp đồng thương mại quân sự có giá trị rất lớn, do đó, đề nghị NHNN nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Luật cơ chế cho phép cấp tín dụng vượt mức giới hạn tối đa trong trường hợp cấp bảo lãnh để thực hiện nhập khẩu hàng quốc phòng.	NHNN không tiếp thu. Nội dung đề xuất không thuộc phạm vi dự kiến điều chỉnh tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD.

STT	HỒ SƠ DỰ ÁN LUẬT	ĐƠN VỊ GÓP Ý	NỘI DUNG Ý KIẾN	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
14		Bộ Công an	Dự thảo Luật chưa có hướng dẫn việc thu giữ tài sản bảo đảm trong một số trường hợp đặc thù như trường hợp có các tài sản nằm trên, nằm trong tài sản bảo đảm nhưng không thuộc tài sản bảo đảm mà bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm không chịu di dời (ví dụ như đồ đạc, bể cá, bàn ghế, giường tủ... của chủ nhà trong ngôi nhà ở là tài sản bảo đảm). Do vậy, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung quy định cụ thể hoặc ban hành Thông tư hướng dẫn việc thu giữ tài sản bảo đảm trong một số trường hợp đặc thù.	NHNN nhất trí với quan điểm của Bộ Công an. Trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật, NHNN sẽ đề nghị các TCTD có giải pháp, đề xuất cụ thể để xử lý vấn đề này.
15		Thanh tra Chính phủ	Đề nghị NHNN rà soát, tiếp thu ý kiến tham gia của các bộ, ngành, cơ quan liên quan, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp,... của đề nghị xây dựng luật, hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền theo quy định	NHNN đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến của bộ ngành tại Bảng tổng hợp và giải trình ý kiến của các bộ, ngành, đơn vị về hồ sơ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.
16		Bộ Tài chính	Bộ Tài chính đã có Công văn 2838/BTC-ĐCTC tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng luật. Đề nghị NHNN nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên trong quá trình xây dựng Luật.	